HỒ THANH DIỆN (Chủ biên)

NGÔ KIỀU LINH - HÀ THANH HUYỀN

THIẾT KẾ BÀI GIẢNG
GIÁO DỤC CÔNG DÂN
6

TRUNG HỌC CƠ SỞ



(Tái bản có sửa chữa và bổ sung)

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

Lời nói đầu

*Sau một thời gian ngắn phát hành, cuốn **Thiết kế bài giảng Giáo Dục Công Dân 6** được đông đảo bạn đồng nghiệp gần xa đón nhận, sử dụng để tham khảo cho bài giảng của mình. Không những thế, nhiều bạn còn gửi thư góp ý, nhận xét mong cuốn sách hoàn thiện hơn trong lần tái bản sau.*

Chúng tôi xin chân thành cảm tạ!

Chúng tôi tiếp thu những ý kiến đó vào việc biên soạn và xuất bản:

Thiết kế bài giảng Giáp Dục Công Dân 6

*Cuốn sách được viết theo chương trình sách giáo khoa mới ban hành năm 2002 – 2003. Sách giới thiệu một cách thiết kế bài giảng **Giáo Dục Công Dân 6** dựa vào chuẩn mục tiêu bài học được quy định trong chương trình và được xác định cụ thể trong từng bài học. Nội dung cuốn sách thể hiện đầy đủ nội dung sách giáo khoa và đồng thời đưa ra phương pháp, phương tiện dạy học, cung cấp tư liệu tham khảo với mục đích tạo điều kiện thuận lợi nhất để giáo viên giảng dạy tốt môn Giáo dục công dân 6.*

Các bài giảng trong "Thiết kế bài giảng..." *được cấu trúc một cách hợp lí với nội dung phong phú, phù hợp với tinh thần đổi mới, với phương châm phát huy tối đa tính tích cực hoạt động nhận thức của học sinh.*

*Chúng tôi hi vọng cuốn sách này sẽ là công cụ thiết thực, góp phần hỗ trợ các thầy, cô giáo giảng dạy môn **Giáo Dục Công Dân 6** trong việc nâng cao hiệu quả bài giảng của mình. Chúng tôi rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của các thầy, cô giáo và bạn đọc gần xa để cuốn sách ngày càng hoàn thiện hơn.*

CÁC TÁC GIẢ

Bài 1 *(1 tiết)*

TỰ CHĂM SÓC, RÈN LUYỆN THÂN THỂ

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Giúp học sinh hiểu biết những biểu hiện của việc tự chăm sóc sức khỏe, rèn luyện thân thể.
- Ý nghĩa của việc tự chăm sóc sức khỏe, rèn luyện thân thể.

2. Thái độ

Có ý thức thường xuyên rèn luyện thân thể, giữ gìn và chăm sóc sức khỏe bản thân.

3. Kĩ năng

- Biết tự chăm sóc và rèn luyện thân thể.
- Biết vận động mọi người cùng tham gia và hưởng ứng phong trào thể dục, thể thao (TDTT).

B. PHƯƠNG PHÁP

- Thảo luận nhóm.
- Giải quyết tình huống.
- Tổ chức trò chơi sắm vai.

C. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN

- Tranh ảnh bài 6 trong bộ tranh GDCD do Công ti Thiết bị Giáo dục I sản xuất.
- Giấy khổ A_0 + bút dạ.
- Báo *Sức khỏe và đời sống*.

- Các bài tập.
- Tục ngữ, ca dao Việt Nam nói về sức khoẻ và chăm sóc sức khoẻ.

D. CÁC HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP

1. Ổn định tổ chức

2. Bài mới

Giới thiệu bài: Cha ông ta thường nói: "Có sức khỏe là có tất cả, sức khỏe quý hơn vàng".

Nếu được ước muốn thì ước muốn đầu tiên của con người đó là sức khỏe.

Để hiểu được ý nghĩa của sức khỏe nói chung và tự chăm sóc sức khỏe của mỗi cá nhân nói riêng, chúng ta sẽ nghiên cứu bài học hôm nay.

Hoạt động của GV và HS	***Nội dung cần đạt***
Hoạt động 1 TÌM HIỂU NỘI DUNG BÀI HỌC	
GV: Cho học sinh đọc truyện "*Mùa hè kì diệu*". HS: Trả lời các câu hỏi sau: a) Điều kì diệu nào đã đến với Minh trong mùa hè qua? b) Vì sao Minh có được điều kì diệu ấy? c) Sức khỏe có cần cho mỗi người hay không? Vì sao? GV: Tổ chức cho học sinh tự liên hệ bản thân... HS: Cá nhân giới thiệu hình thức tự chăm sóc, giữ gìn sức khỏe và rèn luyện thân thể. GV: Chia lớp thành 3 nhóm và hướng dẫn HS thảo luận theo nhóm. Có thể tiến hành thảo luận nhóm theo 3 cách sau: *Cách 1:* HS trả lời, GV ghi nhanh lên bảng (đại diện mỗi nhóm 4 em: 2 nam, 2 nữ). *Cách 2:* Các em tự ghi vào phiếu nộp lại cho GV và GV đọc lại cho cả lớp	**1. Tìm hiểu bài (truyện đọc)** - Mùa hè này Minh được đi tập bơi và ***biết bơi***. - Minh được thầy giáo Quân hướng dẫn cách tập luyện TT. - Con người có sức khỏe thì mới tham gia tốt các hoạt động như: học tập, lao động, vui chơi giải trí v.v...

nghe (chọn mỗi nhóm 4 phiếu). *Cách 3:* Mỗi nhóm tự ghi vào tờ giấy khổ to (GV: chuẩn bị cho mỗi tổ 1 tờ giấy khổ A0 + bút dạ). Sau đó các nhóm treo lên bảng để cả lớp cùng góp ý và thảo luận. HS: Các nhóm nhận xét, bổ sung ý kiến. GV: Nhận xét, bổ sung.	
HS: Ghi bài vào vở.	* Sức khoẻ là vốn quý của con người. Mỗi người phải biết giữ gìn vệ sinh cá nhân, ăn uống điều độ. Hằng ngày luyện tập thể dục, năng chơi thể thao để sức khoẻ ngày một tốt hơn.
GV: Kết luận, chuyển ý. Sức khoẻ là tài sản vô giá. Không có gì quý hơn sức khoẻ. Chúng ta có sức khoẻ thì sẽ có tất cả. Cho nên mỗi người chúng ta cần biết tự chăm sóc sức khoẻ cho bản thân. Tích cực phòng bệnh và chữa bệnh.	* HS tự liên hệ.

Hoạt động 2

THẢO LUẬN NHÓM VỀ Ý NGHĨA CỦA
VIỆC TỰ CHĂM SÓC SỨC KHỎE, RÈN LUYỆN THÂN THỂ

GV: Yêu cầu mỗi nhóm cử 1 thư kí ghi biên bản, nhóm trưởng trình bày ý kiến của nhóm trước lớp.	**2. Ý nghĩa của việc chăm sóc sức khỏe, tự rèn luyện thân thể**
HS: Thảo luận theo 3 chủ đề sau: *Nhóm 1:* Chủ đề "Sức khỏe đối với học tập". *Nhóm 2:* Chủ đề "Sức khỏe đối với lao động". *Nhóm 3:* Chủ đề "Sức khỏe với vui chơi giải trí". HS: Sau khi thảo luận xong, các nhóm trưởng lên bảng trình bày.	*a) Ý nghĩa:* *+ Sức khỏe là vốn quý của con người.* *+ Sức khỏe tốt giúp cho chúng ta học tập tốt, lao động có hiệu quả, năng suất cao; cuộc sống lạc quan vui vẻ, thoải mái, yêu đời.*

GV: Hướng dẫn cả lớp bổ sung ý kiến và tổng kết.	
GV: Cho HS bổ sung thêm ý kiến về hậu quả của việc không rèn luyện tốt sức khỏe.	- Nếu sức khỏe không tốt: ngồi học uể oải, mệt mỏi, không tiếp thu được bài giảng, về nhà không học bài dẫn đến kết quả kém. - Trong công việc mà sức khỏe không đảm bảo thì công việc khó hoàn thành, có thể phải nghỉ làm việc gây ảnh hưởng nhiều đến tập thể, thu nhập giảm đi. - Tinh thần buồn bực, khó chịu, chán nản, không hứng thú tham gia các hoạt động tập thể.
Ghi chú: Phần này nếu có điều kiện thì sử dụng phương pháp sắm vai, tiểu phẩm. ***Ví dụ:*** 1. Một học sinh dáng điệu mệt mỏi, gầy gò hay xin nghỉ học để xuống phòng y tế. 2. Một bác công nhân ốm yếu, nghỉ việc để chữa bệnh, nhà nghèo, con không được đi học. GV: kết luận, chuyển ý. Để có kết quả học tập tốt, lao động tốt, duy trì một cuộc sống vui vẻ, hạnh phúc thì phải xác định ý nghĩa của việc chăm sóc sức khoẻ - tự rèn luyện sức khoẻ để có sức khoẻ tốt.	

Hoạt động 3

HỌC SINH LÀM BÀI TẬP

GV: Cho HS làm bài tập trắc nghiệm sau: HS: Đánh dấu x vào ô ☐ ý kiến đúng.	*b) Rèn luyện sức khỏe như thế nào:*

- Ăn uống điều độ, đủ dinh dưỡng ☐ - Ăn ít, kiêng khem để giảm cân ☐ - Ăn thức ăn có chứa đủ đạm, can xi, sắt, kẽm... thì chiều cao phát triển sớm. ☐ - Nên ăn cơm ít, ăn vặt nhiều. ☐ - Hàng ngày luyện tập TDTT ☐ - Phòng bệnh hơn chữa bệnh. ☐ - Vệ sinh cá nhân không liên quan đến sức khỏe. ☐ - Hút thuốc lá có hại cho sức khỏe ☐ - Khi mắc bệnh tích cực chữa bệnh triệt để. ☐ GV: Nhận xét và cho điểm học sinh.	- *Ăn uống điều độ, đủ chất dinh dưỡng... (chú ý an toàn thực phẩm)* - *Hàng ngày luyện tập thể dục thể thao.* - *Phòng bệnh hơn chữa bệnh.* - *Khi mắc bệnh tích cực chữa bệnh triệt để..*
GV: Hướng dẫn HS làm các bài tập ở lớp. HS: Giải quyết các bài tập tình huống sau: *Bài 1:* Một bạn gái đang học lớp 6, cân nặng 38,5 kg, cao 1,38 m, có "thấp" không? làm sao để tăng chiều cao? Muốn thon thả hơn thì ngoài tập thể dục, thể thao cần có chế độ ăn uống như thế nào? HS: Trả lời giúp bạn gái câu hỏi này. GV: *Gợi ý:* 1. Nếu cha mẹ "rất cao": em có cơ hội tăng chiều cao. 2. Chế độ dinh dưỡng: ăn thức ăn có chứa: - Đạm (thịt, trứng, sữa...). - Sắt, kẽm: (gan, lòng đỏ trứng gà...). - Can xi: (cá, tép, tôm v.v...). - Không kiêng khem. 3. Thể dục: bóng rổ, bóng chuyền, đu xà, bật cao, bơi v.v. *Bài 2:* Em hãy nêu tác hại của nghiện	**3. Bài tập** *Bài 1.* *Bài 2.*

thuốc lá, uống rượu? Nếu bị dụ dỗ hít, chích hêrôin, em phải làm thế nào? GV: *Gợi ý:* - Cung cấp những số liệu cụ thể về tác hại của thuốc lá, rượu, ma túy. - *Ví dụ:* Một em học sinh tại trường THCS Ngô Quyền - Ba Đình - Hà Nội dùng 1 kim tiêm đã sử dụng đâm vào tay 18 bạn. Hậu quả sẽ ra sao? GV: Nhận xét và cho điểm.	

3. Củng cố

Hoạt động 4

LUYỆN TẬP, KIỂM TRA THÁI ĐỘ

GV: Đưa ra các tình huống. HS: Lựa chọn ý kiến đúng: - Bố, mẹ sáng nào cũng tập thể dục ☐ - Vì sợ muộn học nên Hà ăn cơm vội vàng ☐ - Tuấn thích mùa đông vì ít phải tắm ☐ - Mai hay đau bụng nhưng ngại đi khám ☐ - Mẹ thường xuyên đưa em đi kiểm tra sức khỏe ☐ GV: Em cho biết những hoạt động cụ thể ở địa phương em về rèn luyện sức khỏe. HS:- Sáng sớm các ông, bà tập thể dục. - Các cô, chú chạy bộ xung quanh hồ. - Chơi cầu lông (cả già lẫn trẻ). - Tập thể dục nhịp điệu. - Đá cầu, đá bóng, tập bơi...	***Đáp án:*** - *Ý kiến đúng: 1, 5.* - *Ý kiến sai: 2, 3, 4.* (HS được thưởng điểm)

GV kết luận toàn bài.

Cổ xưa có câu: "Thà vô sự mà ăn cơm hẩm còn hơn đeo bệnh mà uống sâm nhung".

Một người có sức khoẻ sẽ có một cuộc sống hạnh phúc. Hạnh phúc của họ là họ sẽ có tất cả. Một cuộc sống vật chất và tinh thần đầy đủ - nếu họ có cái quý giá nhất, đó là sức khỏe. Vì vậy, ở tuổi còn nhỏ chúng ta phải biết quý trọng, giữ gìn sức khoẻ của mình. Đó là việc làm tốt để giúp đỡ bố mẹ và người thân.

4. Dặn dò

- Bài tập về nhà: b, d (sách giáo khoa tr.5).
- Sưu tầm tục ngữ, ca dao nói về sức khỏe.

Tài liệu tham khảo:

- Hỏi đáp dinh dưỡng - Báo *Sức khỏe và đời sống*.
- Lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vấn đề sức khỏe, ngày 27/03/1946.

Tục ngữ cao dao:

- Ăn kĩ no lâu, cày sâu tốt lúa.
- Càng già, càng dẻo càng dai.
- Cơm không rau như đau không thuốc.
- Thà vô sự mà ăn cơm hẩm còn hơn đeo bệnh mà uống sâm nhung.
- Bảy mươi chưa què chớ khoe rằng lành.
- Bảy mươi chưa đui chớ khoe mình lành.
- Thuốc phiện hết nhà, thuốc trà hết phèn.
- Rượu vào lời ra.

Vấn đề bạn quan tâm:

- Ngày thế giới chống hút thuốc lá: 31/5.
- Ngày thế giới vì sức khỏe: 7/4.
- Việt Nam: Hội nghị tăng cường sức khỏe: 18/2/1998.
- Cách phòng chống cận thị học đường.
- Hãng COLGATE - Chương trình Nha học đường.

Bài 2 *(2 tiết)*

SIÊNG NĂNG, KIÊN TRÌ

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Học sinh nắm được thế nào là siêng năng, kiên trì và các biểu hiện của siêng năng, kiên trì.
- Ý nghĩa của siêng năng và kiên trì.

2. Thái độ

- Quyết tâm rèn luyện tính siêng năng, kiên trì trong học tập, lao động và các hoạt động khác.

3. Kĩ năng

- Có khả năng tự rèn luyện đức tính siêng năng.
- Phác thảo được kế hoạch vượt khó, kiên trì, bền bỉ trong học tập, lao động... để trở thành người tốt.

B. PHƯƠNG PHÁP

- Thảo luận nhóm.
- Giải quyết tình huống.
- Tổ chức trò chơi sắm vai, tiểu phẩm.

C. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN

- Bài tập trắc nghiệm.
- Chuyện kể về các tấm gương danh nhân.
- Bài tập tình huống.
- Tranh bài 1 trong bộ thực hành GDCD 6 do Công ty Thiết bị giáo dục I sản xuất.

D. CÁC HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ

a) Hãy kể một việc làm chứng tỏ em biết tự chăm sóc sức khỏe bản thân.

b) Hãy trình bày kế hoạch luyện tập thể dục, thể thao.

3. Bài mới (Tiết 1)

Giới thiệu bài:

Cách 1: GV sử dụng bộ tranh. Sau khi cho HS quan sát, yêu cầu các em nói rõ nội dung các bức tranh đó nói lên điều gì? Từ đó GV có thể dẫn dắt vào bài học hôm nay.

Cách 2: Nhà cô Mai có hai con trai, chồng cô là bộ đội ở xa, mọi việc trong nhà do ba mẹ con cô tự xoay sở. Hai con trai của cô rất ngoan. Mọi công việc trong nhà: rửa bát, quét nhà, giặt giũ, cơm nước đều do hai con trai cô làm. Hai anh em còn rất cần cù, chịu khó học tập. Năm học nào hai anh em cũng đạt học sinh giỏi.

Câu chuyện kể trên nói lên đức tính gì của hai anh em con nhà cô Mai? Đức tính đó được biểu hiện thế nào? Ý nghĩa gì? Chúng ta nghiên cứu bài học hôm nay.

Hoạt động của GV và HS	***Nội dung cần đạt***
Hoạt động 1 GIỚI THIỆU BÀI	
GV: Gọi 1, 2 HS đọc truyện "*Bác Hồ tự học ngoại ngữ*". HS: Cả lớp lắng nghe bạn đọc và theo dõi SGK của mình. GV: Yêu cầu HS dùng bút gạch chân những chi tiết cần lưu ý trong câu chuyện (trước khi GV đặt câu hỏi). HS: Cả lớp cùng suy nghĩ, cùng làm việc. GV: Yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi sau: *Câu 1:* Bác Hồ của chúng ta biết mấy thứ tiếng?	**1. Tìm hiểu bài (Truyện đọc)**

HS: Trả lời theo phần đã gạch chân trong SGK.

GV: Bổ sung thêm:

Bác còn biết tiếng Đức, Ý, Nhật..., khi đến nước nào Bác cũng học tiếng nước đó.

Câu 2: Bác đã tự học như thế nào?

HS: Trả lời: Bác học thêm vào 2 giờ nghỉ (trong đêm).

Bác nhờ thủy thủ giảng bài, viết 10 từ mới vào tay, vừa làm vừa học; sáng sớm và buổi chiều tự học ở vườn hoa; ngày nghỉ trong tuần Bác học với giáo sư người Italia; Bác tra từ điển, nhờ người nước ngoài giảng.

GV: Nhận xét, bổ sung, cho điểm.

Câu 3: Bác đã gặp khó khăn gì trong học tập?

HS: Trả lời: Bác không được học ở trường lớp; Bác làm phụ bếp trên tàu, thời gian làm việc của Bác từ 17 – 18 giờ trong 1 ngày, tuổi cao Bác vẫn học.

GV: Bổ sung: Bác học ngoại ngữ trong lúc Bác vừa lao động kiếm sống vừa tìm hiểu cuộc sống các nước, tìm hiểu đường lối cách mạng...

Câu 4: Cách học của Bác thể hiện đức tính gì?

HS: Trả lời: Cách học của Bác thể hiện đức tính siêng năng, kiên trì.

GV: Nhận xét và cho HS ghi.

+ Bác Hồ của chúng ta đã có lòng quyết tâm và sự kiên trì.

+ Đức tính siêng năng đã giúp Bác thành công trong sự nghiệp.

GV: Kết luận, chuyển ý.

Bác Hồ của chúng ta học trong nhà trường không nhiều. Nhưng nhờ lòng quyết tâm và sự kiên trì tự học mà Bác đã nói được nhiều thứ tiếng nước ngoài. Đức tính đó của Bác đã là tấm gương cho các thế hệ con, cháu Việt Nam noi theo.

Hoạt động 2

TÌM HIỂU KHÁI NIỆM SIÊNG NĂNG, KIÊN TRÌ

GV: Đặt vấn đề.

Dân tộc ta có truyền thống lao động cần cù, siêng năng. Trải qua hàng nghìn năm lịch sử giữ nước và dựng nước, chúng ta có biết bao nhiêu con người đóng góp cho sự nghiệp phát triển đất nước mà thành công của họ là nhờ tính siêng năng và kiên trì.

GV: Em hãy kể tên những danh nhân mà em biết nhờ có tính siêng năng, kiên trì mà thành công xuất sắc trong sự nghiệp của mình.	**2. Nội dung bài học**
HS: Nhà bác học Lê Quý Đôn, GS – bác sĩ Tôn Thất Tùng, Nhà nông học – GS Lương Định Của, Nhà văn Nga M. Gorki, Nhà bác học Niu tơn...	*a) Thế nào là siêng năng, kiên trì?*
GV: Trong lớp của chúng ta, bạn nào có đức tính siêng năng trong học tập?	
HS: Tự liên hệ thực tế những bạn đạt kết quả cao trong học tập nhờ siêng năng.	
GV: Ngày nay có nhiều nhà doanh nghiệp trẻ, nhà khoa học trẻ, những hộ nông dân làm kinh tế giỏi... Họ đã làm giàu cho bản thân, gia đình và xã hội bằng sự siêng năng, kiên trì.	
HS: Làm bài tập trắc nghiệm sau (đánh dấu (x) vào ý kiến mà em đồng ý):	
Người siêng năng: - Là người yêu lao động. - Miệt mài trong công việc. - Là người chỉ mong hoàn thành nhiệm vụ. - Làm việc thường xuyên, đều đặn. - Làm tốt công việc không cần khen thưởng. - Làm theo ý thích, gian khổ không làm.	

- Lấy cần cù để bù cho khả năng của mình. - Vì nghèo mà thiếu thốn. - Học bài quá nửa đêm. GV: Sau khi HS trả lời, GV phân tích và lấy ví dụ để HS hiểu kĩ bài. HS: Lắng nghe GV phân tích và phát biểu thế nào là siêng năng, kiên trì.	** Siêng năng là phẩm chất đạo đức của con người. Là sự cần cù, tự giác, miệt mài, thường xuyên, đều đặn.* ** Kiên trì là sự quyết tâm làm đến cùng dù có gặp khó khăn, gian khổ.*
GV: Nhận xét và kết luận. HS: Ghi vào vở. GV: Yêu cầu HS nhắc lại kiến thức và chuẩn bị trả lời câu hỏi cho tiết sau. GV: Kết luận, chuyển ý. Siêng năng, kiên trì là phẩm chất, đạo đức của mỗi người. Để đánh giá đúng đức tính này cần phải thông qua các hoạt động cụ thể. Biểu hiện của siêng năng, kiên trì thông qua các hoạt động học tập, lao động, các hoạt động khác của mỗi cá nhân. Để thấy được tinh thần nghiêm túc trong công việc - Mong muốn đóng góp cho sự thành công chung của đất nước.	

TIẾT 2

Hoạt động của GV và HS	***Nội dung cần đạt***
GV: Kiểm tra bài cũ và hướng dẫn cho HS bài học mới. (GV: lấy nội dung kiểm tra để dẫn dắt)	*b) Biểu hiện của siêng năng, kiên trì*

Hoạt động 3

TÌM HIỂU BIỂU HIỆN CỦA SIÊNG NĂNG, KIÊN TRÌ TRONG CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

GV: Chia nhóm để HS thảo luận.

HS: Thảo luận theo 3 chủ đề:

CĐ 1: Biểu hiện của siêng năng, kiên trì trong học tập.

CĐ 2: Biểu hiện của siêng năng, kiên trì trong lao động.

CĐ 3: Biểu hiện của siêng năng, kiên trì trong các lĩnh vực hoạt động xã hội khác.

Khi thảo luận xong, cử 1 nhóm trưởng ghi kết quả lên bảng.

GV: Chia bảng hoặc giấy khổ A_o thành 3 phần với 3 chủ đề:

Học tập	*Lao động*	*Hoạt động khác*
- Đi học chuyên cần - Chăm chỉ làm bài - Có kế hoạch học tập - Bài khó không nản chí - Tự giác học - Không chơi la cà - Đạt kết quả cao	- Chăm làm việc nhà - Không bỏ dở công việc - Không ngại khó - Miệt mài với công việc - Tiết kiệm - Tìm tòi sáng tạo	- Kiên trì luyện tập TDTT. - Kiên trì đấu tranh phòng chống tệ nạn xã hội. - Bảo vệ môi trường - Đến với đồng bào vùng sâu, vùng xa, xóa đói giảm nghèo, dạy chữ.

GV: Có thể gợi ý thêm cho các nhóm và nhận xét (chú ý đánh giá thời gian và lượng kiến thức)

HS: Ghi bài.

GV: Đặt câu hỏi tiếp.

HS: Tìm những câu tục ngữ, ca dao nói về siêng năng, kiên trì.

- Tay làm hàm nhai
- Siêng làm thì có
- Miệng nói tay làm

Biểu hiện

+ Siêng năng, kiên trì trong học tập: ...

+ Siêng năng, kiên trì trong lao động: ...

+ Siêng năng, kiên trì trong hoạt động xã hội khác: ...

- Có công mài sắt có ngày nên kim
- Kiến tha lâu cũng đầy tổ
- Cần cù bù khả năng.

GV: Nhận xét và cho HS điểm.

GV: Rút ra kết luận về ý nghĩa của siêng năng, kiên trì.

HS: Ghi bài.

Ý nghĩa:

Siêng năng và kiên trì giúp cho con người thành công trong mọi lĩnh vực của cuộc sống.

GV: Nêu ví dụ về sự thành đạt của:

- HS giỏi trường ta.
- Nhà khoa học trẻ thành đạt trên các lĩnh vực
- Làm kinh tế giỏi từ VAC
- Làm giàu từ sức lao động của chính mình nhờ siêng năng và kiên trì.

(Lấy số liệu những tỉ phú).

GV: Gợi ý để HS nêu những biểu hiện trái với siêng năng, kiên trì qua bài tập sau:

(Đánh dấu (×) vào cột tương ứng)

c) Những biểu hiện trái với siêng năng, kiên trì

Hành vi	*Không*	*Có*
- Cần cù, chịu khó		
- Lười biếng, ỷ lại		×
- Tự giác làm việc		
- Việc hôm nay để đến ngày mai		×
- Uể oải, chểnh mảng		×
- Cẩu thả, hời hợt		×
- Đùn đẩy, trốn tránh		×
- Nói ít làm nhiều		×

- Lười biếng, ỷ lại, hời hợt, cẩu thả...

- Ngại khó, ngại khổ, mau chán nản...

GV: Hướng dẫn HS rút ra bài học và nêu phương hướng rèn luyện. Phê phán những biểu hiện trái với siêng năng, kiên trì.

HS: Nêu hướng giải quyết các tình huống trên.

GV: Trong HĐ này có thể tổ chức cho HS đóng vai hoặc tiểu phẩm minh họa:

- Siêng năng, kiên trì.
- Không siêng năng, kiên trì .

Hoạt động 4

HỌC SINH LÀM BÀI TẬP

GV: Dùng các bài tập trong SGK hoặc bài tập chuẩn bị thêm nhằm khắc sâu kiến thức, hình thành thái độ và củng cố hành vi.

HS: Gọi 1 HS lên bảng làm bài tập (a).

GV: Nhận xét, giải thích câu đúng, sai và cho HS điểm.

3. Bài tập

Bài a) Đánh dấu (×) vào ô trống tương ứng thể hiện tính siêng năng, kiên trì:

- *Sáng nào Lan cũng dậy sớm quét nhà* ☐
- *Hà ngày nào cũng làm thêm bài tập* ☐
- *Gặp bài tập khó Bắc không làm* ☐
- *Hằng nhờ bạn làm hộ trực nhật* ☐
- *Hùng tự giác nhặt rác trong lớp* ☐
- *Mai giúp mẹ nấu cơm, chăm sóc em* ☐

Bài b) Trong những câu tục ngữ, thành ngữ sau, câu nào nói về sự siêng năng, kiên trì

- *Khen nết hay làm, ai khen nết hay ăn* ☐
- *Năng nhặt, chặt bị* ☐
- *Đổ mồ hôi, sôi nước mắt* ☐
- *Liệu cơm gắp mắm* ☐
- *Làm ruộng ăn cơm nằm, chăn tằm ăn cơm đứng* ☐
- *Siêng làm thì có, siêng học thì hay* ☐

Bài c) Hãy kể lại những việc làm thể hiện tính siêng năng, kiên trì

4. Củng cố

Hoạt động 5

THI KIỂM TRA HÀNH VI

GV: Làm phiếu điều tra nhanh.

HS: Ghi vào phiếu tự đánh giá mình đã siêng năng và kiên trì hay chưa?

Biểu hiện	*Siêng năng, kiên trì*	
	Có	*Chưa*
+ Học bài cũ + Làm bài mới + Chuyên cần + Giúp mẹ + Chăm sóc em + Tập TDTT ...		

GV kết luận toàn bài.

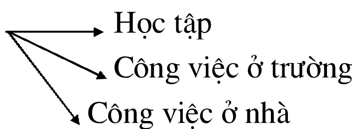
Thành công của mỗi người trong đó 90 % là ở sự cần cù, siêng năng và kiên trì. Đức tính đó rèn luyện cho con người tính bền bỉ, dẻo dai, biết vượt qua khó khăn, gian khổ. Và cũng nhờ có đức tính đó, người ta rút ra được kinh nghiệm, kỹ năng, kỹ xảo và ngày càng sáng tạo hơn.

Phát huy đức tính siêng năng, kiên trì của thế hệ cha, anh, bản thân mỗi chúng ta phải biết tự rèn luyện, học hỏi để hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập và các hoạt động khác.

5. Dặn dò

- Lập bảng tự đánh giá quá trình rèn luyện siêng năng, kiên trì (nếu tự thấy siêng năng, kiên trì đánh dấu (+), chưa thì đánh dấu (-).

  Đánh giá cả tuần với 3 nội dung:



- Sưu tầm tục ngữ, ca dao, truyện cười nói về siêng năng, kiên trì.

Tài liệu tham khảo:

GV cung cấp thêm cho HS các câu sau:

- Mưa lâu thấm đất.
- Ăn kĩ no lâu, cày sâu lúa tốt.
- Chân lấm, tay bùn.
- Lười người không ưa.
- Nói chín thì nên làm mười, nói mười làm chín kẻ cười người chê.

Bài 3 *(1 tiết)*

TIẾT KIỆM

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Hiểu được thế nào là tiết kiệm.
- Biết được những biểu hiện của tiết kiệm trong cuộc sống và ý nghĩa của tiết kiệm.

2. Thái độ

- Quí trọng người tiết kiệm, giản dị.
- Ghét sống xa hoa lãng phí.

3. Kĩ năng

- Có thể tự đánh giá được mình đã có ý thức và thực hiện tiết kiệm hay chưa.
- Thực hiện tiết kiệm chi tiêu, thời gian, công sức của cá nhân, gia đình và xã hội.

B. PHƯƠNG PHÁP

- Thảo luận nhóm.
- Phân tích, xử lý tình huống.

C. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN

- Những mẩu chuyện về tấm gương tiết kiệm.
- Những vụ việc tiêu cực – làm thất thoát tài sản của Nhà nước, nhân dân.
- Tục ngữ, ca dao, danh ngôn nói về tiết kiệm.

D. CÁC HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ

1- Nêu và phân tích câu tục ngữ nói về siêng năng mà em biết.

2- Nhận xét phiếu tự đánh giá siêng năng, kiên trì của học sinh.

3. Bài mới

Giới thiệu bài: Vợ chồng bác An siêng năng lao động. Nhờ vậy, thu nhập của gia đình bác rất cao. Sẵn có tiền của bác sắm sửa đồ dùng trong gia đình, mua xe máy tốt cho các con. Hai người con bác ỷ vào bố mẹ, không chịu lao động, học tập, suốt ngày đua đòi ăn chơi thể hiện con nhà giàu. Thế rồi của cải nhà bác An cứ thế lần lượt ra đi, cuối cùng cuộc sống rơi vào cảnh nghèo khổ.

Do đâu mà cuộc sống của gia đình bác An rơi vào tình trạng như vậy?

Để hiểu được vấn đề này chúng ta cùng nghiên cứu bài hôm nay.

Hoạt động của GV và HS	***Nội dung cần đạt***

Hoạt động 1

KHAI THÁC TRUYỆN ĐỌC

GV: đặt vấn đề.

Người Việt Nam có truyền thống cần kiệm từ bao đời. Tiết kiệm cần được thể hiện trong việc chi tiêu hàng ngày phục vụ cuộc sống cá nhân cũng như trong lao động sản xuất.

HS: Đọc truyện "Thảo và Hà".	**1. Tìm hiểu bài**
GV: Đặt câu hỏi:	
- Thảo và Hà có xứng đáng để mẹ thưởng tiền không?	
- Thảo có suy nghĩ gì khi được mẹ thưởng tiền?	
- Việc làm của Thảo thể hiện đức tính gì?	*- Thảo có đức tính tiết kiệm.*
- Phân tích diễn biến suy nghĩ của Hà trước và sau khi đến nhà Thảo? - Suy nghĩ của Hà thế nào?	*Hà ân hận vì việc làm của mình. Hà càng thương mẹ hơn và tự hứa sẽ tiết kiệm.*

GV: Phân tích thêm và yêu cầu học sinh liên hệ bản thân.

GV: Qua câu chuyện trên em tự thấy đôi lúc mình giống Hà, hay Thảo?

GV: Kết luận, chuyển ý.

Trong cuộc sống xung quanh chúng ta sẽ có những bạn như Hà, như Thảo. Hình ảnh của Thảo đại diện cho các bạn nhỏ lao động chăm chỉ để kiếm tiền phụ giúp gia đình và có tiền để ăn học. Nhưng cũng có bạn như Hà, có những đòi hỏi vượt quá khả năng của gia đình, thậm chí những yêu cầu như: xe máy, điện thoại di động… Vì vậy, chúng ta cần hiểu rõ thế nào là tiết kiệm.

Hoạt động 2

PHÂN TÍCH NỘI DUNG BÀI HỌC

GV: Đưa ra các tình huống sau:

HS: Giải thích và rút ra kết luận tiết kiệm là gì?

Tình huống 1: Lan sắp xếp thời gian học tập rất khoa học, không lãng phí thời gian vô ích, để kết quả học tập tốt.

Tình huống 2: Bác Dũng làm ở xí nghiệp may mặc. Vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, bác phải nhận thêm việc để làm. Mặc dù vậy bác vẫn có thời gian nghỉ trưa, thời gian giải trí và thăm bạn bè.

Tình huống 3: Chị của Mai học lớp 12, trường xa nhà. Mặc dù gia đình tập trung để mua xe máy cho chị, nhưng chị đã không đồng ý. Hằng ngày chị vẫn đi học bằng chiếc xe đạp Việt Nam sản xuất.

Tình huống 4: Anh em nhà bạn Đức rất ngoan, tuy đã lớn nhưng vẫn mặc quần áo của bố, anh để lại.

GV: Nhận xét ý kiến HS và rút ra kết luận tiết kiệm là gì?

2. Thế nào là tiết kiệm, biểu hiện và ý nghĩa của tiết kiệm

a) Thế nào là tiết kiệm

Tiết kiệm là biết sử dụng một cách hợp lí, đúng mức của cải vật chất, thời gian, sức lực của mình và người khác.

GV: Đưa ra câu hỏi. GV: Tiết kiệm thì bản thân, gia đình và xã hội có lợi ích gì? HS: - Tiết kiệm đem lại cuộc sống ấm no hạnh phúc cho cá nhân, gia đình và xã hội. - Tiết kiệm thì dân giàu, nước mạnh. GV: Yêu cầu HS lấy ví dụ phê phán cách tiêu dùng hoang phí. HS: - Cán bộ tiêu xài tiền nhà nước - Thất thoát tài sản, tiền của... - Tham ô, tham nhũng - Các công trình chất lượng kém. GV: Phân tích: Lãng phí làm ảnh hưởng đến công sức, tiền của của nhân dân. Cho HS biết một số vụ cụ thể làm nghèo đất nước vì không tiết kiệm? Đảng, Nhà nước ta kêu gọi: "Tiết kiệm là quốc sách".	*b) Biểu hiện tiết kiệm là quý trọng kết quả lao động của người khác.* *c) Ý nghĩa tiết kiệm:* *Tiết kiệm là làm giàu cho mình, cho gia đình và xã hội.*
GV: Kết luận. Người Việt Nam vốn quý trọng đức tính tiết kiệm. Bác Hồ của chúng ta luôn coi lãng phí, tham ô là kẻ thù của nhân dân. GV: Tổ chức HS thảo luận chủ đề: "Em đã tiết kiệm như thế nào?" HS: Chia nhóm thảo luận. *Nhóm 1:* Rèn luyện tiết kiệm trong gia đình. *Nhóm 2:* Rèn luyện tiết kiệm ở lớp, trường. *Nhóm 3:* Rèn luyện tiết kiệm ở xã hội.	*Chúng ta phải thực hành tiết hiệm vì điều đó có lợi cho bản thân, gia đình và xã hội.*

Nhóm 1	*Nhóm 2*	*Nhóm 3*
- Ăn mặc giản dị - Tiêu dùng đúng mức. - Không lãng phí phô trương. - Không lãng phí thời gian để chơi. - Không làm hư hỏng đồ dùng do cẩu thả. - Tận dụng đồ cũ. - Không lãng phí điện, nước. - Thu gom giấy vụn...	- Giữ gìn bàn ghế - Tắt điện, quạt. khi ra về. - Dùng nước xong khóa lại... - Không vẽ lên bàn ghế, bôi bẩn tường. - Không làm hỏng tài sản chung. - Ra vào lớp đúng giờ. - Không ăn quà vặt trong giờ, không lãng phí.	- Giữ gìn tài nguyên thiên nhiên. - Thu gom giấy vụn, đồng nát... - Tiết kiệm điện, nước. - Không hái hoa, hái lộc. - Không làm thất thoát tài sản xã hội. - Không la cà, nghiện ngập...

HS: Sau khi thảo luận, cử nhóm trưởng thay mặt nhóm trình bày.

GV: Nhận xét, bổ sung ý kiến (lưu ý đánh giá HS về thời gian và nội dung).

Hoạt động 3

RÚT RA BÀI HỌC VÀ PHƯƠNG HƯỚNG RÈN LUYỆN

GV: Cung cấp cho HS tư liệu sau đây:

Sau ngày tuyên bố độc lập 2-9-45, nước ta gặp khó khăn lớn là nạn đói đe dọa. Bác Hồ đã ra lời kêu gọi mọi người tiết kiệm lương thực để giúp đồng bào nghèo bằng biện pháp *hũ gạo cứu đói*. Bác gương mẫu thực hiện trước bằng cách mỗi tuần nhịn ăn một bữa, bỏ số gạo ấy vào hũ cứu đói.

HS: Nêu những việc làm để thực hành tiết kiệm:

- Các bạn HS trường THCS A thu gom giấy vụn, đồng nát để lấy tiền giúp đỡ HS nghèo.
- Trường em, các bạn tiết kiệm tiền ăn sáng để ủng hộ đồng bào lũ lụt.

3. Học sinh rèn luyện và thực hành tiết kiệm

- Tự liên hệ bản thân đã thực hành tiết kiệm như thế nào? + Giữ gìn quần áo, sách vở để có thể dùng được lâu dài. + Tiết kiệm tiền ăn sáng. + Sắp xếp thời gian để vừa học tốt, vừa giúp đỡ được bố mẹ trong các công việc gia đình. GV: Rèn luyện tiết kiệm, thực hành tiết kiệm là các em đã góp phần vào lợi ích xã hội.	

4. Củng cố

Hoạt động 4

HỌC SINH LÀM BÀI TẬP

GV: Cho HS làm bài của GV tự ra (Bài tập SGK để về nhà làm). HS: Đánh dấu × vào các ô trống tương ứng với thành ngữ nói về tiết kiệm. - Ăn phải dành, có phải kiệm ☐ - Tích tiểu thành đại ☐ - Năng nhặt chặt bị ☐ - Ăn chắc mặc bền ☐ - Bóc ngắn cắn dài ☐ GV: Nhận xét và cho điểm.	**4. Bài tập**
GV: Tìm những hành vi trái ngược với tiết kiệm? hậu quả của hành vi đó trong cuộc sống. HS: Cùng thảo luận và trả lời. GV: Nhắc nhở HS: ở lứa tuổi các em chưa làm ra của cải vật chất, cần tiết kiệm để thể hiện sự quý trọng thành quả lao động của cha mẹ và người khác. GV: Giải thích câu thành ngữ sau:	*Trái với tiết kiệm là: Hoang toàng, xa hoa, lãng phí, ...*

Buôn tàu bán bè không bằng ăn dè hà tiện (làm ra nhiều mà phung phí thì không bằng nghèo mà biết tiết kiệm).

GV kết luận toàn bài: Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, một bộ phận cán bộ tha hoá, biến chất, tiêu xài tiền của nhà nước xa hoa, lãng phí. Họ tiêu tiền trên mồ hôi, nước mắt của người lao động cần cù, siêng năng. Ngoài họ ra, những người lao động khác còn chưa tận dụng thời gian, khả năng lao động của mình, lãng phí tiền của nhà nước, nhưng tiền của nhà mình keo kiệt, hà tiện đến mức "vắt cổ chày ra nước".

Xã hội và chúng ta phải lên án những loại người đó và thực hành tiết kiệm - Đấu tranh với tham ô, lãng phí để xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.

5. Dặn dò

- Bài tập a, c trang 8.
- Sưu tầm ca dao, tục ngữ, danh ngôn nói về tiết kiệm.

Tài liệu tham khảo:

- ***Ca dao:*** - Được mùa chớ phụ ngô khoai
  - Đến khi thất bát lấy ai bạn cùng.
- ***Tục ngữ:*** - Nên ăn có chừng, dùng có mực
  - Thắt lưng, buộc bụng
  - Chẳng lo trước, ắt lụy sau
  - Ít chắt chiu hơn nhiều phung phí.
- ***Danh ngôn:***

  "Người ta làm giàu bằng mồ hôi nước mắt
  Mà hơn thế nữa bằng sự tiết kiệm".

Bài 4 *(1 tiết)*

LỄ ĐỘ

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Học sinh hiểu được thế nào là lễ độ và những biểu hiện của lễ độ.
- Ý nghĩa và sự cần thiết của việc rèn luyện tính lễ độ.

2. Thái độ

Tôn trọng quy tắc ứng xử có văn hoá của lễ độ.

3. Kĩ năng

- Có thể tự đánh giá được hành vi của mình, từ đó đề ra phương hướng rèn luyện tính lễ độ.
- Rèn luyện thói quen lễ độ khi giao tiếp với người trên, kiềm chế nóng nảy với bạn bè và những người xung quanh.

B. PHƯƠNG PHÁP

- Xử lý tình huống.
- Thảo luận nhóm.

C. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN

- Câu chuyện kể.
- Ca dao, tục ngữ.
- Bài tập trắc nghiệm.
- Đóng tiểu phẩm.

D. CÁC HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ (chữa bài tập a, b trang 8 SGK).

3. Bài mới

Hoạt động của GV và HS	*Nội dung cần đạt*

Hoạt động 1

GIỚI THIỆU BÀI

GV: Gọi 1 số HS trả lời các câu hỏi sau: Trước khi đến lớp học, ra khỏi nhà việc đầu tiên em phải làm là gì?

HS: Chào ông, bà, bố, mẹ con đi học.

GV: Khi cô giáo vào lớp, việc đầu tiên các em phải làm là gì ?

HS: Cả lớp đứng nghiêm chào cô giáo.

GV: Khi vào lớp, cô giáo đứng nghiêm chào các em để làm gì?

HS: Để thể hiện sự tôn trọng, lịch sự với HS.

GV: Trường ta có khẩu hiệu "Tiên học lễ, hậu học văn" em hiểu "Lễ" ở đây là gì?

(gợi ý HS: giải thích theo nghĩa hẹp)

HS: "Lễ" ở đây chỉ lễ nghĩa, đạo đức. Chúng ta cần hiểu lễ nghĩa trước mới học chữ sau.

GV: Những hành vi trên thể hiện người có lễ độ. Trong cuộc sống hàng ngày có nhiều mối quan hệ. Trong các mối quan hệ đó đều phải có những phép tắc quy định cách ứng xử, giao tiếp với nhau. Quy tắc đạo đức đó là LỄ ĐỘ

Hoạt động 2

KHAI THÁC NỘI DUNG CỦA TRUYỆN ĐỌC TRONG SGK

GV: Đọc một lần truyện đọc "Em Thủy" trong SGK. Gọi một số HS đọc lại. HS: Mỗi dãy bàn một em đọc lại. GV: Các em lưu ý câu hội thoại giữa Thủy và người khách. GV: Em hãy kể lại những việc làm của	**1. Tìm hiểu nội dung truyện đọc**

Thủy khi khách đến nhà. HS: Bạn Thuỷ giới thiệu khách với bà rồi: - Nhanh nhẹn kéo ghế mời khách ngồi - Đi pha trà - Mời bà, mời khách uống trà. - Xin phép bà nói chuyện. - Giới thiệu bố, mẹ. - Vui vẻ kể chuyện học, hoạt động đội, các hoạt động của lớp. - Thuỷ tiễn khách và hẹn gặp lại. GV: Em nhận xét cách cư xử của Thủy. GV: Những hành vi, việc làm của Thủy thể hiện đức tính gì? GV: Gợi ý cho HS liên hệ bản thân. - Em đã có lần nào làm được như Thủy không? - Em đã làm bố mẹ buồn vì thái độ của em đối với khách chưa? - Em học tập bạn Thủy điều gì? GV: Kết luận, chuyển ý	** Thủy nhanh nhẹn, khéo léo, lịch sự khi tiếp khách.* ** Biết tôn trọng bà và khách.* ** Làm vui lòng khách và để lại ấn tượng tốt đẹp.* ** Thuỷ thể hiện là một HS ngoan, lễ độ.* * HS liên hệ rút ra bài học.

Hoạt động 3

PHÂN TÍCH NỘI DUNG BÀI HỌC LỄ ĐỘ

GV: Đặt vấn đề.

Trong cuộc sống hàng ngày, trong mối quan hệ giao tiếp với nhau, chúng ta cần tỏ rõ lịch sự, có văn hóa và khéo léo trong cách đối xử. Tình cảm đó giúp cho mọi người có quan hệ trong cuộc sống tốt đẹp hơn, là cơ sở để chúng ta làm tốt công tác được giao phó.

Là HS phải hiểu và thực hiện tốt lễ độ mới là con ngoan, trò giỏi.

GV: Đưa ra các tình huống sau: *Tình huống 1:* Mai và Hoà tuy học cùng khối 6 nhưng khác lớp. Một hôm, hai bạn gặp cô giáo dạy Văn của lớp Mai. Mai lễ phép chào cô giáo còn Hoà không chào mà chỉ đứng yên sau lưng Mai.	**3. Thế nào là lễ độ, những biểu hiện và ý nghĩa của lễ độ?** *a) Thế nào là lễ độ ?*

Tình huống 2: Tuấn cùng Hải vui vẻ đến trường trên một chiếc xe đạp. Bên phải đang có một cụ già chuẩn bị sang đường. Hai em dừng lại dắt cụ qua đường rồi tiếp tục đi học.

Tình huống 3: Bố mẹ em thường kể chuyện bác Minh thủ trưởng cơ quan. Bác Minh luôn gần gũi, quan tâm đến cán bộ công nhân viên, vui vẻ chào hỏi, lịch sự với tất cả mọi người.

Qua 3 tình huống trên em có nhận xét gì về cách cư xử, đức tính của các nhân vật.

Lễ độ là cách cư xử đúng mực của mỗi người trong khi giao tiếp với người khác

HS: Mai, Tuấn, Hải, bác Minh có cách cư xử đúng mực, lễ độ, quan tâm đến người khác…

GV: Các em cho biết thế nào là lễ độ.

GV: Chuyển ý bằng cách giải quyết các vấn đề sau.

b) Biểu hiện của lễ độ

GV: Chia nhóm để HS thảo luận.

Lưu ý: Khi thảo luận HS có thể đưa ra nhiều ý kiến. GV ghi nhận xét và nhấn mạnh ý trọng tâm.

GV: Đưa ra chủ đề: lựa chọn mức độ biểu hiện sự lễ độ trong các hoàn cảnh, đối tượng khác nhau.

Nhóm 1:

Đối tượng	*Biểu hiện, thái độ*
- Ông bà, cha mẹ.	- Tôn kính, biết ơn, vâng lời.
- Anh chị em trong gia đình.	- Quý trọng, đoàn kết, hoà thuận.
- Chú bác, cô dì.	- Quý trọng, gần gũi.
- Người già cả, lớn tuổi.	- Kính trọng, lễ phép.

- *Lễ độ thể hiện ở sự tôn trọng, hoà nhã, quý mến người khác.*
- *Là sự thể hiện người có văn hoá, đạo đức.*

Nhóm 2: Tìm những hành vi tương ứng với thái độ:

Thái độ	*Hành vi*
- Vô lễ - Lời ăn tiếng nói thiếu văn hoá - Ngông nghênh	- Cãi lại bố mẹ - Lời nói, hành động cộc lốc, xấc xược, xúc phạm đến mọi người - Cậy học giỏi, nhiều tiền của, có địa vị xã hội, học làm sang.

Nhóm 3:

Đánh dấu (x) cho ý kiến đúng:

+ Lễ độ giúp quan hệ bạn bè tốt hơn ☐
+ Lễ độ thể hiện người có đạo đức tốt ☐
+ Lễ độ là việc riêng của cá nhân ☐
+ Không lễ độ với kẻ xấu ☐
+ Sống có văn hóa là cần phải lễ độ ☐

GV: Nhận xét các nhóm. Tổng kết các ý kiến.

HS: Ghi bài.

GV: Kết luận.

GV gợi ý, giải thích câu sau:

"Lời nói không mất tiền mua,
Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau".

Sau khi giải thích, GV nhắc nhở HS thực hiện đức tính lễ độ như thế nào cho đúng trong cuộc sống hiện nay.

c) Ý nghĩa:

- Quan hệ với mọi người tốt đẹp.

- Xã hội tiến bộ văn minh.

Hoạt động 4

RÚT RA BÀI HỌC THỰC TIỄN
VÀ RÈN LUYỆN ĐỨC TÍNH LỄ ĐỘ

GV: Cho HS làm các bài tập sau:

Bài 1: Đánh dấu (×) vào cột em cho là đúng.

3. Rèn luyện đức tính lễ độ

Hành vi, thái độ	*Có lễ độ*	*Không*
- Biết chào hỏi, thưa gửi, cảm ơn, xin lỗi, xin phép		
- Kính thầy, yêu bạn		
- Chỉ tôn trọng người lớn, không tôn trọng người bằng hoặc kém tuổi		
- Vui vẻ, hoà thuận		
- Nói trống không, xấc xược		
- Lịch sự, có văn hóa		
- Không nói tục, chửi bậy		
- Nói leo trong giờ học		
- Kính trọng người già, người tàn tật		

GV: Sau khi HS trả lời, nhận xét và rút ra bài học phải rèn luyện lễ độ như thế nào?

GV: Cùng trao đổi với HS về một số hành vi thiếu lễ độ của một bộ phận người

- mà theo họ nguyên nhân là do nền kinh tế thị trường?

* Nhân viên khúm núm trước lãnh đạo.
* Lãnh đạo quát tháo cấp dưới.
* Các cơ quan hành chính thì bắt nạt, gây phiền nhiễu cho dân.
* Vào cổng không xuống xe, xuất trình giấy tờ, gây gổ với bảo vệ.
* Va chạm không xin lỗi.
* Không cảm ơn
* Nói tục, chửi bậy.

- GV: Kết luận, nhắc nhở.

HS phát huy mặt tích cực, khắc phục thiếu sót để cho xã hội, gia đình và bản thân ngày càng hoàn thiện hơn.

** Thường xuyên rèn luyện.*

** Học hỏi các quy tắc, cách cư xử có văn hóa.*

** Tự kiểm tra hành vi, thái độ của cá nhân.*

** Tránh những hành vi, thái độ vô lễ.*

4. Củng cố

Hoạt động 5

LUYỆN TẬP HÀNH VI

GV: Hướng dẫn HS thảo luận 2 tình huống sau:

Tình huống 1:

GV: Nhân ngày 20 - 11, bác Nam - Giám đốc của một công ty cùng người bạn cũ của mình là bác Hùng - một cán bộ cao cấp của Quân đội, đến thăm thầy giáo Bình đã nghỉ hưu.

Tình huống 2:

GV: Cả lớp đang làm bài kiểm tra môn Sinh học. Thắng loay hoay mở tài liệu.

Cô giáo: Thắng! Em đang làm gì vậy?

Thắng: Em có làm gì đâu ạ?

Cô giáo: Có phải em có tài liệu trong ngăn bàn không?

Thắng: Có thì làm sao?

Cô giáo: Em sử dụng tài liệu, cô sẽ cho em điểm 0.

Thắng: Tuỳ cô.

Cô giáo: Em quá vô lễ. Mời em ra khỏi lớp và cùng cô lên gặp Ban Giám hiệu.

GV: Sau khi HS thảo luận 2 tình huống trên, nhận xét và rút ra bài học nhắc nhở, giáo dục HS.

GV kết luận toàn bài.

Nói lễ độ là nói đến thái độ, hành vi nhã nhẫn, lịch sự, khiêm tốn. Thể hiện là con người có văn hóa, biết tôn trọng người và tôn trọng chính mình, trong sự cư xử với mọi người.

Nói đến lễ độ, không chỉ yêu cầu người dưới lễ độ với người trên, mà còn yêu cầu người trên lễ độ với người dưới, người ngang hàng lễ độ với nhau, yêu cầu bản thân mỗi người giữ gìn tư cách, phẩm hạnh để người khác phải tôn trọng và không khinh thường mình.

Người Việt Nam ta rất quý trọng những người vừa có đạo đức vừa khéo léo đối xử có lý, có tình. Trái lại, những người hung hăng, thô bạo, cạn tàu ráo máng luôn bị xã hội chê trách, lên án.

5. Dặn dò

- HS làm bài tập: Đánh dấu (×) vào ô trống có câu thành ngữ chỉ đức tính lễ độ:
  - Đi thưa, về gửi ☐
  - Lời nói, gói vàng ☐
  - Lời chào cao hơn mâm cỗ ☐
  - Trên kính, dưới nhường ☐
  - Lá lành đùm lá rách ☐
  - Kính lão đắc thọ ☐
- Bài tập a, b trang 11.
- Sưu tầm tục ngữ, ca dao nói về lễ độ.

Tài liệu tham khảo:

- ***Tục ngữ:***

  - Đi hỏi về chào,
  - Học ăn, học nói, học gói, học mở.
  - Gọi dạ bảo vâng.
  - Nhanh đi thì được, chậm chào thì trượt.
- ***Ca dao:***

  Lời nói chẳng mất tiền mua

  Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.

Bài 5 *(1 tiết)*

TÔN TRỌNG KỈ LUẬT

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Học sinh hiểu thế nào là tôn trọng kỉ luật.
- Ý nghĩa và sự cần thiết của tôn trọng kỉ luật.

2. Thái độ

- Có ý thức tự đánh giá hành vi của bản thân và của người khác về ý thức kỉ luật.
- Có thái độ tôn trọng kỉ luật.

3. Kĩ năng

- Có khả năng rèn luyện tính kỉ luật và nhắc nhở người khác cùng thực hiện.
- Có khả năng đấu tranh chống biểu hiện vi phạm kỉ luật.

B. PHƯƠNG PHÁP

- Sơ đồ hóa.
- Thảo luận.
- Giải quyết tình huống.

C. TÀI LIỆU, PHƯƠNG TIỆN

- Câu chuyện về tấm gương tôn trọng kỉ luật.
- Tục ngữ, ca dao nói về sự tôn trọng kỉ luật.

D. CÁC HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP

1. Ổn định tổ chức lớp

2. Kiểm tra bài cũ

- Chữa bài tập (a) trang 11 SGK.
- Liên hệ bản thân em đã có những hành vi lễ độ như thế nào trong cuộc sống, ở gia đình, trường học...

3. Bài mới

Hoạt động của GV và HS	***Nội dung cần đạt***

Hoạt động 1
GIỚI THIỆU BÀI

GV: Vẽ bức tranh minh hoạ trong SGK treo lên bảng (hoặc yêu cầu HS xem tranh trong SGK).

GV: Đặt câu hỏi: Em giải thích nội dung bức tranh!

HS: Tại ngã tư đèn đỏ chú Công an đứng nghiêm để chỉ huy và chiếc ô tô đỗ đúng vạch quy định khi có tín hiệu đèn đỏ.

GV: Chú lái xe đó có đức tính gì?

HS: Chú lái xe tôn trọng luật lệ giao thông.

GV: Đưa ra tình huống:

Một HS không xuống xe khi vào cổng trường, bị bác bảo vệ phê bình. Theo các em, bạn đó bị phê bình vì lí do gì?

HS: Bạn đó đã không thực hiện quy định của trường đã nêu trong nội quy.

GV: Trong trường học hay một tổ chức nào, mọi người luôn tuân theo những quy định chung là có kỉ luật.	Kết luận: Có kỷ luật là biểu hiện của tôn trọng.

Hoạt động 2
HƯỚNG DẪN HỌC SINH ĐỌC TRUYỆN
VÀ KHAI THÁC NỘI DUNG TRUYỆN

GV: Đặt vấn đề. Để quản lý xã hội nghiêm túc và ổn định, người ta đưa ra các quy tắc, quy định, nề nếp, yêu cầu mọi người phải có trách nhiệm thực

hiện. Những quy định đó không phân biệt trình độ, chức vụ, tuổi tác mà là một công dân thì phải thực hiện.

Bác Hồ của chúng ta là người luôn thực hiện tốt các quy định chung, là tấm gương sáng cho mọi người noi theo.

GV: Cho HS đọc truyện trong SGK. GV: Nêu câu hỏi: Qua truyện trên em thấy Bác Hồ đã tôn trọng những quy định chung như thế nào? HS: Nêu các việc làm của Bác: - Bác bỏ dép trước khi bước vào Chùa. - Bác đi theo sự hướng dẫn của các vị sư. - Bác đến mỗi gian thờ, thắp hương. - Qua ngã tư gặp đèn đỏ, Bác bảo chú lái xe dừng lại. Khi đèn xanh bật lên mới đi. - Bác nói: "Phải gương mẫu, tôn trọng luật lệ giao thông". GV: Sau khi HS thảo luận, GV nhấn mạnh: Mặc dù là Chủ tịch nước, nhưng mọi cử chỉ của Bác đã thể hiện sự tôn trọng luật lệ chung được đặt ra cho tất cả mọi người.	**1. Tìm hiểu bài** (truyện đọc)

Hoạt động 3

TÌM HIỂU, PHÂN TÍCH NỘI DUNG KHÁI NIỆM
TÔN TRỌNG KỈ LUẬT Ở HỌC SINH

GV: Hướng dẫn HS liên hệ thực tế. HS: Tự nói về mình đã tôn trọng kỉ luật như thế nào? (3 em tự điền vào bảng sau)	**2. Thế nào là tôn trọng kỉ luật; biểu hiện và ý nghĩa của tôn trọng kỉ luật**

Trong gia đình	*Trong nhà trường*	*Ngoài xã hội*
- Ngủ dậy đúng giờ. - Đồ đạc để ngăn nắp, đúng quy định. - Đi học và về nhà đúng giờ. - Thực hiện đúng giờ tự học. - Không đọc truyện trong giờ học. - Hoàn thành công việc gia đình giao.	- Vào lớp đúng giờ. - Trật tự nghe bài. - Làm đủ bài tập. - Mặc đồng phục. - Đi giày, dép quai hậu. - Không vứt rác, vẽ bẩn lên bàn. - Trực nhật đúng phân công. - Đảm bảo giờ giấc. - Có kỉ luật học tập.	- Nếp sống văn minh. - Không hút thuốc lá. - Giữ gìn trật tự chung. - Đoàn kết. - Thực hiện nếp sống văn minh. - Đảm bảo nội quy tham quan. - Bảo vệ môi trường. - An toàn giao thông. - Bảo vệ của công.

GV: Qua các việc làm cụ thể của các bạn thực hiện tôn trọng kỉ luật các em có nhận xét gì? HS: Việc tôn trọng kỉ luật là tự mình thực hiện quy định chung. GV: Phạm vi thực hiện thế nào? HS: Thực hiện mọi lúc mọi nơi. GV: Thế nào là tôn trọng kỉ luật? HS: Trả lời. GV: Nhận xét và cho HS ghi. GV: Em hãy ví dụ về hành vi không tự giác thực hiện kỉ luật. HS: Các hành vi đó là: - Tham gia sinh hoạt Đội một cách bắt buộc. - Thấy tín hiệu đèn đỏ, dừng lại vì sợ mọi người chê trách.	*a) Tôn trọng kỉ luật là biết tự giác chấp hành những quy định chung của tập thể, của tổ chức ở mọi nơi, mọi lúc.*
GV: Lấy thêm ví dụ và nhấn mạnh có những hành vi thực hiện kỉ luật vì sự cưỡng bức, sợ bị xã hội lên án... GV: Việc tôn trọng kỉ luật có ý nghĩa gì?	*b) Biểu hiện của tôn trọng kỉ luật là sự tự giác, chấp hành phân công.*

HS:

+ Nếu mọi người tôn trọng kỉ luật thì gia đình, nhà trường, xã hội sẽ có nền nếp kỉ cương.
+ Có kỉ luật thì gia đình, nhà trường, xã hội... ổn định và phát triển.
+ Tính kỉ luật mang lại quyền lợi cho mọi người.
+ Tính kỉ luật giúp chúng ta vui vẻ, thanh thản và yên tâm học tập, lao động và vui chơi giải trí...

GV: Nhận xét và lấy ví dụ cụ thể minh hoạ.

GV tổng kết: Trong cuộc sống, cá nhân và tập thể có mối quan hệ gắn bó với nhau. Đó là sự bảo đảm công việc, quyền lợi chung và riêng với nhau. xã hội càng phát triển càng đòi hỏi con người phải có ý thức kỉ luật cao.

c) Ý nghĩa:

Nếu mọi người tôn trọng kỷ luật thì gia đình, nhà trường, xã hội có kỉ cương, nền nếp, mang lại lợi ích cho mọi người và giúp xã hội tiến bộ.

Hoạt động 4

PHÂN TÍCH, MỞ RỘNG NỘI DUNG KHÁI NIỆM TÔN TRỌNG KỈ LUẬT

GV: Từ nội dung đã học ở hoạt động 3, mở rộng khái niệm tính kỉ luật, đó là việc thi hành pháp luật của Nhà nước. Giúp HS hiểu được người có tính kỉ luật là người tôn trọng và thực hiện tốt pháp luật.

GV: Lấy các ví dụ cụ thể để HS phân biệt tôn trọng kỉ luật với pháp luật.

+ Những quy định, nội quy của kỉ luật là do gia đình, nhà trường, các cơ quan, xã hội...đề ra, còn pháp luật là quy định chung do Nhà nước đề ra.

Ví dụ: Một HS có ý thức dừng xe khi có đèn đỏ là tôn trọng kỉ luật. Còn pháp

luật bắt buộc em phải làm (kể cả em không muốn) vì không thực hiện sẽ bị xử phạt.

GV: Lưu ý thêm, việc vi phạm kỉ luật bị phê bình, cảnh cáo còn vi phạm pháp luật sẽ bị xử phạt theo luật định.

GV: Từ ví dụ trên tóm tắt:

Tôn trong kỉ luật	Pháp luật
Quy định, nội quy ↓ GĐ, tập thể, XH đề ra ↓ Tự giác ↓ Nhắc nhở, phê bình	Quy tắc xử sự chung ↓ Nhà nước đặt ra ↓ Bắt buộc ↓ ***Xử phạt***

GV: Có thể cho HS ghi nội dung này.

GV: Em nào cho biết có khẩu hiệu nào yêu cầu chúng ta nghiêm chỉnh thực hiện pháp luật?

HS: "Sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật".

GV: Yêu cầu HS suy nghĩ và giải thích câu khẩu hiệu này.

4. Củng cố

Hoạt động 5

LUYỆN TẬP NÂNG CAO NHẬN THỨC VÀ RÈN LUYỆN SỰ TÔN TRỌNG KỈ LUẬT

GV: Sử dụng câu hỏi trên để thực hiện phần luyện tập.

GV: Đánh dấu (×) vào ô trống có những thành ngữ nói về kỉ luật:

- Đất có lề, quê có thói ☐
- Nước có Vua, chùa có Bụt ☐
- Ăn có chừng, chơi có độ ☐

- Ao có bờ, sông có bến ☐
- Cái khó bó cái khôn ☐
- Dột từ nóc dột xuống ☐

GV: Em cho biết ý kiến đúng

Rèn luyện kỉ luật	*Đúng*
- Đi học đúng giờ - Giữ gìn trật tự trong lớp - Ngăn nắp, chu đáo trong sinh hoạt gia đình - Xét nét, cố chấp - Nghiêm túc thực hiện nội quy - Nếp sống văn minh - Xuề xòa, dễ tính - An toàn giao thông - Giữ gìn trật tự chung	

GV: Em hãy nêu những hành vi trái ngược với tôn trọng kỷ luật. Liên hệ bản thân và các bạn trong lớp.

HS: Thảo luận trả lời.

Lưu ý: Liên hệ những hành vi khi ở nhà, đến lớp, nơi công cộng.

GV kết luận toàn bài.

Trong các quan hệ xã hội mà hàng ngày chúng ta vẫn tham gia đã hình thành một cách khách quan những quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung. Các quy tắc đó đã xác định giới hạn được làm, phải làm để mỗi người trong khi tự do hành động sẽ không xâm phạm tới tự do và lợi ích của người khác.

Rèn luyện, tôn trọng kỷ luật là một vấn đề cần thiết giúp các em trở thành một công dân thực hiện tốt chuẩn mực đạo đức và pháp luật.

5. Dặn dò

- Bài tập a, b, c, trang 13 SGK.
- Sưu tầm tục ngữ, ca dao, danh ngôn nói về kỉ luật.

Tài liệu tham khảo:

- ***Tục ngữ:***

  - Ở thời nào theo kỉ cương thời ấy.

  - Quân pháp bất vị thân.

  - Nhập gia tuỳ tục.

  - Phép Vua thua lệ làng.

- ***Danh ngôn:***

  - Ai có kỉ luật, ai có tính kỉ luật người đó sẽ thắng.

- ***Ca dao:***

  Bề trên ăn ở chẳng kỉ cương
  Cho nên kẻ dưới lập đường mây mưa.

Bài 6 *(1 tiết)*
BIẾT ƠN

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- HS hiểu thế nào là biết ơn và biểu hiện của lòng biết ơn.
- HS hiểu được ý nghĩa của việc rèn luyện lòng biết ơn.

2. Thái độ

- Đúng mức trong tự đánh giá hành vi của bản thân và người khác về lòng biết ơn.
- Phê phán những hành vi vô ơn, bạc bẽo, vô lễ với mọi người.

3. Kĩ năng

- Tự nguyện làm những việc thể hiện sự biết ơn đối với ông bà, cha mẹ, thầy cô giáo và mọi người...

B. PHƯƠNG PHÁP

- Xử lí tình huống đạo đức.
- Thảo luận nhóm.
- Sơ đồ hóa.

C. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN

- Tranh bài 6 trong bộ tranh GDCD 6 (2 tranh).
- Ca dao, tục ngữ nói về lòng biết ơn.

D. CÁC HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ

GV: Kẻ bài tập lên bảng hoặc giấy khổ to.

Câu hỏi: Em hãy đánh dấu X vào ô trống tương ứng với những hành vi thể hiện tính kỷ luật.

- Đi xe vượt đèn đỏ ☐
- Đi học đúng giờ ☐
- Đọc báo trong giờ học ☐
- Đi xe đạp hàng ba, hàng bốn ☐
- Đá bóng dưới lòng đường ☐
- Viết đơn xin nghỉ học một buổi ☐
- Vào cổng trường dắt xe, chào bác bảo vệ ☐

GV: Gọi một HS trả lời.

HS: Cả lớp nhận xét

GV: Đánh giá, cho điểm.

GV dành thời gian kiểm tra bài tập của HS từ bài 1 - 5 (5 em).

3. Bài mới

Hoạt động của GV và HS	*Nội dung cần đạt*
Hoạt động 1 GIỚI THIỆU BÀI	
GV: Các em cho biết chủ đề của những ngày kỉ niệm sau:	**1. Đặt vấn đề**

Ngày kỉ niệm	*Chủ đề*
Ngày 10/3 (al)	Ngày giỗ tổ Hùng Vương
Ngày 8/3	Ngày quốc tế phụ nữ
Ngày 27/7	Ngày Thương binh liệt sĩ
Ngày 20/10	Ngày Phụ nữ Việt Nam
Ngày 20/11	Ngày Nhà giáo VN
…	

GV: Yêu cầu HS nêu mục đích, ý nghĩa của những ngày trên.

HS: Những ngày trên nhắc nhở chúng ta nhớ đến:

- Vua Hùng có công dựng nước.
- Nhớ công lao những người đã hy sinh cho độc lập dân tộc.
- Nhớ công lao thầy cô.
- Nhớ công lao của bà, mẹ...

GV: Ý nghĩ đó nói lên đức tính gì?

HS: Thể hiện lòng BIẾT ƠN.

GV: Truyền thống của dân tộc ta là sống có tình, có nghĩa, thuỷ chung trước sau như một. Trong các mối quan hệ, sự biết ơn là một trong những nét đẹp truyền thống ấy.

Hoạt động 2

TÌM HIỂU NỘI DUNG TRUYỆN ĐỌC (SGK)

GV: Đặt vấn đề.

Dân tộc ta trải qua hàng nghìn năm lịch sử đấu tranh giữ nước và dựng nước. Có biết bao nhiêu người con đã ngã xuống vì nền độc lập của dân tộc. Thế hệ trẻ của các em hôm nay phải làm gì và làm như thế nào để ghi công ơn của bao thế hệ trước?

GV: Cho HS đọc SGK.	**1. Tìm hiểu bài (truyện đọc)**
GV: Hướng dẫn HS khai thác các tình tiết	

trong truyện (yêu cầu cả lớp phải cùng làm việc, trao đổi). GV: Thầy giáo Phan đã giúp chị Hồng như thế nào. HS: + Thầy giáo Phan đã giúp chị Hồng rèn viết tay phải. + Thầy khuyên "Nét chữ là nết người". GV: Việc làm của chị Hồng? + Ân hận vì làm trái lời thầy. + Quyết tâm rèn viết tay phải. GV: Ý nghĩ của chị Hồng? + Luôn nhớ kỉ niệm và lời dạy của thầy. + Sau 20 năm chị tìm được thầy và viết thư thăm hỏi thầy. GV: Vì sao chị Hồng không quên thầy giáo cũ đã hơn 20 năm? GV: Ý nghĩ và việc làm của chị Hồng nói lên đức tính gì? HS: Chị Hồng rất biết ơn sự chăm sóc, dạy dỗ của thầy.	*- Thầy giáo Phan đã dạy dỗ chị Hồng cách đây 20 năm, chị vẫn nhớ và trân trọng.* *- Chị đã thể hiện lòng biết ơn thầy - một truyền thống đạo đức của dân tộc ta.*

Hoạt động 3

TÌM HIỂU NỘI DUNG BÀI HỌC:
PHÂN TÍCH NỘI DUNG PHẨM CHẤT BIẾT ƠN

GV: Tổ chức HS thảo luận nhóm. Chia lớp thành nhóm (tuỳ số HS và cách chia của GV) ***Bảng 1:*** **Bao gồm các câu hỏi :** **Chúng ta biết ơn những ai?**	**2. Thế nào là sự biết ơn, ý nghĩa của sự biết ơn**

BIẾT ƠN NHỮNG AI
- Tổ tiên, ông bà, cha mẹ.
- Người giúp đỡ chúng ta lúc khó khăn.
- Anh hùng, liệt sĩ.
- Đảng CSVN và Bác Hồ.
- Các dân tộc trên thế giới.

Bảng 2: **Trả lời câu hỏi vì sao?**

- Những người sinh thành, nuôi dưỡng ta - Vật chất và tinh thần để bảo vệ và xây dựng đất nước - Có công bảo vệ tổ quốc - Đem lại độc lập - tự do - Mang đến những điều tốt lành

GV: Cho HS điền vào 2 bảng để cho các nội dung tương ứng phù hợp nhau. Sau đó cả hai nhóm treo trên bảng để GV và cả lớp nhận xét

GV: Nhận xét và chữa (gộp ý kiến 2 bảng)

Biết ơn những ai	***Vì sao***
- Tổ tiên, ông bà, cha mẹ.	- Những người sinh thành, nuôi dưỡng ta.
- Người giúp đỡ chúng ta lúc khó khăn.	- Mang đến điều tốt lành.
- Anh hùng, liệt sĩ.	- Có công bảo vệ Tổ quốc.
- Đảng CSVN và Bác Hồ.	- Đem lại độc lập tự do.
- Các dân tộc trên thế giới.	- Vật chất và tinh thần để bảo vệ và xây dựng đất nước.

a) Lòng biết ơn là thái độ trân trọng những điều tốt đẹp mà mình được hưởng do có công lao của người khác, và những việc làm đền ơn, đáp nghĩa xứng đáng với công lao đó.

GV: Ổn định lớp sau khi thảo luận và cho HS ghi bài.

GV: (Chuyển ý) Từ xưa, ông cha ta đã luôn đề cao lòng biết ơn. Lòng biết ơn tạo nên lối sống nhân hậu, thủy chung của dân tộc và tạo nên sức mạnh cho các thế hệ nối tiếp nhau chiến đấu và chiến thắng kẻ thù, vượt qua khó khăn để xây dựng đất nước. Lòng biết ơn làm cho con người biết sống nhân nghĩa, có trước có sau, có sức mạnh vượt lên để chiến thắng. Lòng biết ơn

b) Ý nghĩa của lòng biết ơn

- Lòng biết ơn là truyền thống của dân tộc ta

- Lòng biết ơn làm đẹp quan hệ giữa người với người

- Lòng biết ơn làm đẹp nhân cách con người

là biểu hiện tình người, nét đẹp, phẩm chất đạo đức con người.	
GV: Giúp HS từ lí luận rút ra bài học ý nghĩa của lòng biết ơn.	HS liên hệ, rút ra bài học.
GV: Gợi ý, hướng dẫn HS lấy ví dụ về việc làm thể hiện lòng biết ơn của bản thân, gia đình và xã hội.	
HS: Trình bầy ý kiến cá nhân.	
GV: Liệt kê ý kiến của HS lên bảng phụ. Mua tăm ủng hộ người mù. Đặt hoa tại đài tưởng niệm liệt sỹ Đóng góp xây dựng nhà tình nghĩa. Nhận chăm sóc bà mẹ Việt Nam Anh hùng. Thờ cúng ông bà, tổ tiên. Thăm thầy, cô giáo nhân ngày 20/11. Tặng hoa cho mẹ nhân ngày 8/3…	

Hoạt động 4

NHỮNG BIỂU HIỆN NGƯỢC LẠI VỚI BIẾT ƠN VÀ HỌC SINH PHẢI RÈN LUYỆN BIẾT ƠN NHƯ THẾ NÀO?

GV: Đưa ra 2 tình huống đạo đức

Tình huống 1: Đêm đã khuya. Giờ này chắc không ai còn đến chào mừng cô nhân ngày 20/11. Cô giáo Mai thầm nghĩ. Nhưng bỗng có tiếng gõ cửa rụt rè. Cô ra mở cửa. Trước mắt cô là một người lính rắn rỏi, đầy nghị lực, tay cầm một bó hoa. Sau khi bình tâm trở lại, cô nhận ra đây là em học trò nghịch ngợm mà có lần đã vô lễ với cô. Người lính nắm đôi bàn tay cô giáo, nước mắt rưng rưng với một nỗi ân hận mãi vì chưa có dịp để xin cô tha lỗi.

Tình huống 2: Cổng nhà ông An khép kín, bên trong là một ngôi nhà sang trọng. Một người đàn ông có dáng vẻ khắc khổ, tiều tuỵ đang rụt rè ấn chuông. Một lát sau có tiếng con chó giữ nhà sủa dữ dằn làm ông giật mình. Ông lại bấm chuông một lần nữa, một người phụ nữ ăn mặc lịch sự bước ra. Bà ngạc nhiên nhìn ông khách (vì xưa nay nhà bà không có những người khách như vậy) và hỏi:

Ông là ai?

Tôi là bạn của ông chủ nhà từ thời chiến tranh - Ông khách nói.

Bà ta quay vào, một lát sau bà ta ra báo ông chủ đi vắng.

Ông khách buồn, tiếc vì không gặp được bạn và hẹn lúc khác sẽ đến.

Ngày hôm sau, ông khách lại đến và mọi việc cũng vẫn như ngày hôm trước - vẫn không gặp được người bạn cũ ấy.

Nhưng thương hại cho ông, bà giúp việc hỏi ông là ai, bà sẽ giúp ông (ông biết ông chủ ở nhà nhưng không tiếp ông).

Ông nói với bà rằng: Bà nói với thằng An rằng thằng Cường ngày nào cõng nó ra khỏi bãi mìn nay còn sống và có đến đây. Rồi ông đi thẳng.

GV: Các em có nhận xét gì về hai câu chuyện trên?	
HS: Đó là lòng biết ơn của người lính với cô giáo và sự vô ơn của ông An với người bạn đã cứu sống mình.	*c) Rèn luyện lòng biết ơn* *- Thăm hỏi, chăm sóc, vâng lời, giúp đỡ cha mẹ*
GV: Các câu tục ngữ nào nói về hành vi của ông An. HS: - Ăn cháo, đá bát. - Qua cầu, rút ván.	*- Tôn trọng người già, người có công; tham gia hoạt động đền ơn đáp nghĩa.*
GV: Phải rèn luyện lòng biết ơn như thế nào? HS: Trả lời và ghi.	*- Phê phán sự vô ơn, bạc bẽo, vô lễ... diễn ra trong cuộc sống hàng ngày.*

4. Củng cố

Hoạt động 5

HỌC SINH LÀM BÀI TẬP TẠI LỚP

GV: Em cho biết ý kiến đúng với các nội dung sau: - HS phải được giáo dục truyền thống "uống nước nhớ nguồn". - Biết ơn cha mẹ, thầy cô. - Thanh thiếu niên hiện nay hiểu biết ít về lịch sử. - Chữ "Hiếu" thời mở cửa phải khác. GV: Nhận xét và cho điểm.	**3. Bài tập**

GV: Câu tục ngữ nào nói về lòng biết ơn?

- Ân trả, nghĩa đền. ☐
- Ăn bát cơm dẻo, nhớ nẻo đường đi. ☐
- Đói cho sạch, rách cho thơm. ☐
- Ăn khoai nhớ kẻ cho dây mà trồng. ☐

GV: Nhận xét và cho điểm.

GV: Cho HS lấy ví dụ trong thực tế những việc làm thể hiện lòng biết ơn.

HS: Trả lời tự do.

GV: Lưu ý cho HS phân biệt biết ơn với ban ơn và việc làm của các em phải xuất phát từ sự tự giác.

GV: Cho HS lấy ví dụ về những việc làm vô ơn, ban ơn của một số người trong thời đại ngày nay.

HS: Trình bày ý kiến cá nhân.

GV: Liệt kê ý kiến HS lên bảng phụ.

* Ủng hộ tiền cho người mù vì sợ cô giáo nhắc nhở trước lớp.

* Giúp đỡ bạn nhưng lại kể cho người khác.

* Chê bai ông bà nội ở quê.

* Thành đạt trong cuộc sống nhưng không nhớ ơn thầy, cô.

* Đi tham quan di tích lịch sử vì sợ bị điểm kém.

GV: Tổng kết các ý kiến, nhắc nhở HS rèn luyện đức tính biết ơn.

GV kết luận toàn bài

Truyền thống: ‘Uống nước nhớ nguồn”, “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây” là một truyền thống quý báu của dân ta. Thế hệ chúng ta hiện nay phải biết sống có ích, phải biết ơn người sinh thành, biết ơn bao thế hệ dựng nước và giữ nước của dân tộc ta.

Mọi người sống trong xã hội luôn tôn trọng nhau, giúp đỡ nhau và sống biết ơn thì xã hội sẽ là một xã hội hạnh phúc.

5. Dặn dò

- So sánh sự biết ơn trước đây với sự biết ơn của xã hội ta ngày nay.
- Sưu tầm tục ngữ, ca dao nói về sự biết ơn.

Tài liệu tham khảo

- ***Tục ngữ:***

  - Ăn giấy bỏ bìa

  - Ăn tám lạng trả nửa cân (cân ta có mười sáu lạng, tám lạng cũng là nửa cân)

- ***Ca dao:***

Lên non mới biết non cao
Nuôi con mới biết công lao mẹ thầy.
Công cha như núi Thái Sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.
Một lòng thờ mẹ kính cha,
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.

Bài 7 (*1 tiết*)

YÊU THIÊN NHIÊN, SỐNG HOÀ HỢP VỚI THIÊN NHIÊN

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Biết thiên nhiên bao gồm những gì, hiểu vai trò của thiên nhiên đối với cuộc sống của mỗi cá nhân và loài người.
- Hiểu tác hại của việc phá hoại thiên nhiên mà con người đang phải gánh chịu.

2. Thái độ

- Giữ gìn bảo vệ môi trường thiên nhiên, tôn trọng, yêu quý thiên nhiên và có nhu cầu sống gần gũi với thiên nhiên.

3. Kĩ năng.

- Biết ngăn chặn kịp thời những hành vi vô tình hoặc cố ý phá hoại môi trường tự nhiên, xâm hại đến cảnh đẹp của thiên nhiên.

B. PHƯƠNG PHÁP

- Nêu vấn đề.
- Thảo luận nhóm.
- Tổ chức chơi trò chơi (thi vẽ).
- …

Lưu ý: Nếu có điều kiện, nên tổ chức dạy học ở ngoài trời, vườn sinh thái, vườn địa lí hoặc qua hình thức thăm quan cảnh đẹp thiên nhiên, xem phim…

C. CÁC TÀI LIỆU - PHƯƠNG TIỆN

- Luật bảo vệ môi trường của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Các văn bản về kế hoạch và báo cáo kết quả phủ xanh đồi núi trọc
- Tranh, ảnh, tài liệu thiệt hại ở đồng bằng sông Cửu Long do lũ lụt gây ra.
- Sưu tầm các bài báo, tranh ảnh về ô nhiễm môi trường, phá hoại thiên nhiên và thiên nhiên tươi đẹp.

D. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Ổn định tổ chức.

2. Kiểm tra bài cũ: (phương pháp trắc nghiệm).

Đánh dấu (×) vào ô trống tương ứng với những biểu hiện thể hiện sự biết ơn:

- Em cố gắng trở thành con ngoan trò giỏi ☐
- Bình cố ý lảng tránh cô giáo cũ đã giúp em vượt qua khó khăn để vào Đại học. ☐
- Nhân dịp Tết Nguyên đán, Dũng cùng bố mẹ đi thăm mộ ông bà nội. ☐
- Thấy phố phường sạch đẹp, Tú nhớ tới công sức của những người quét rác đêm qua. ☐
- Một HS thành đạt trong cuộc sống tự tin khẳng định rằng "*Ta có được ngày hôm nay là do công sức mình ta xây dựng*". ☐

3. Bài mới

Hoạt động của GV và HS	***Nội dung cần đạt***
Hoạt động 1 GIỚI THIỆU BÀI	
GV: Cho HS quan sát một đoạn băng hình hoặc tranh ảnh về thiên nhiên. GV: Hãy nói lên cảm nghĩ của em về cảnh đẹp đó? HS: Trả lời tự do.	

Hoạt động 2

KHAI THÁC BÀI "*MỘT NGÀY CHỦ NHẬT BỔ ÍCH*"

GV: Gọi 1, 2 HS đọc truyện trong SGK.

HS: Lắng nghe, đọc theo và cảm nhận.

GV: - Những chi tiết nào trong truyện nói lên cảnh đẹp của địa phương, của đất nước?

- Ở Hà Nội có những cảnh đẹp nào?
- Thiên nhiên là gì?

HS: Thảo luận cả lớp.

HS: Trình bày ý kiến cá nhân

GV: Liệt kê ý kiến của HS lên bảng phụ.

- Đồng ruộng xanh ngắt màu xanh.
- Tia nắng vàng, mặt trời rực rỡ
- Vùng đất xanh mướt khoai.
- Tam Đảo hùng vĩ mờ trong sương.
- Mây trắng như khói.
- Địa danh: Cầu Thăng Long, Từ Liêm, Phúc Yên, Vĩnh Yên, Tam Đảo…
- Cảnh đẹp Hà Nội: Hồ Tây, Hồ Hoàn Kiếm, Hồ Trúc Bạch, Bách thảo.

GV: Nhận xét, bổ sung ý kiến.

GV: Kể thêm các địa danh của đất nước.

* Vịnh Hạ Long, Sa Pa, Tháp Chàm Nha Trang, Đà Lạt, rừng Cúc Phương.
* Thiên nhiên gần gũi nơi mình sinh ra và lớn lên.

GV: Đặt câu hỏi.

HS: Cảm xúc, suy nghĩ của em trước vẻ đẹp của thiên nhiên?

GV: Kết luận.

HS: Ghi bài vào vở.

1. Truyện đọc

2. Nội dung bài học

a) Thiên nhiên là gì?

Thiên nhiên bao gồm: nước, không khí, sông, suối, cây xanh, bầu trời, đồi, núi.

Hoạt động 3

THẢO LUẬN PHÂN TÍCH VAI TRÒ CỦA THIÊN NHIÊN ĐỐI VỚI CON NGƯỜI

GV đặt câu hỏi: Hãy kể về một số danh lam thắng cảnh của đất nước mà em biết và nêu lên cảm xúc của em?

HS: 1 - 4 HS trả lời.

GV: Nêu câu hỏi gợi mở:

Câu 1: Trong những hành vi sau, hành vi nào là phá hoại thiên nhiên:

- Chặt cây rừng trái phép lấy gỗ.
- Đốt rừng làm nương rẫy.
- Đi tắm biển.
- Vứt rác bừa bãi ở khu vực tham quan.
- Săn bắn chim bừa bãi.

Tác hại của những hành vi đó.

Câu 2: Việc làm nào sau đây phát triển và bảo vệ thiên nhiên.

* Trồng cây gây rừng.
* Phủ xanh đồi trọc.
* Tích cực tham gia Tết trồng cây.
* Không bẻ cành cây để lấy lộc
* Không hái hoa trong công viên.
* Tiết kiệm nguồn nước.
* Không gây ô nhiễm môi trường.
* Vì thành phố: "Xanh, sạch, đẹp".

HS: Trình bầy ý kiến cá nhân.

GV: Nhận xét, bổ sung ý kiến.

HS: Liên hệ rút ra bài học.

GV: Phân tích cho học sinh về vai trò của thiên nhiên đối với con người.

GV: Đặt câu hỏi.

HS: Trả lời câu hỏi.

Câu 1: * Con người sẽ như thế nào nếu không có thiên nhiên?

* Thiên nhiên cung cấp tài sản cho con người.

* Không có thiên nhiên, không có tài sản thiên nhiên thì con người sẽ như thế nào?

HS: Trình bày ý kiến cá nhân.

HS: Cả lớp góp ý. nhận xét.

GV: Bổ sung, kết luận.

HS: Ghi bài vào vở.

GV: Kết luận, chuyển ý.

GV: Cho HS thảo luận, liên hệ.

GV: Đặt câu hỏi.

* Bản thân mỗi học sinh phải làm gì? Thái độ như thế nào đối với thiên nhiên?

* Rút ra bài học gì cho bản thân?

HS: Thảo luận lớp.

HS: Trình bày ý kiến cá nhân.

HS: Cả lớp góp ý, nhận xét.

GV: Kết luận.

HS: Ghi bài vào vở

b) Thiên nhiên với con người.

- Thiên nhiên là tài sản vô giá rất cần thiết cho con người.

c) Ý thức của con người đối với thiên nhiên

- *Bảo vệ, giữ gìn, phát triển thiên nhiên ngày càng phong phú và đa dạng.*
- *Nâng cao ý thức trách nhiệm đối với tài nguyên thiên nhiên.*
- *Tuyên truyền vận động mọi người thực hiện.*
- *Đấu tranh với hành vi phá hoại thiên nhiên.*
- *Sống gần gũi chan hoà với thiên nhiên.*

GV kết luận toàn bài.

Con người sẽ không tồn tại và phát triển được nếu không có thiên nhiên. Thiên nhiên là tài sản vô cùng quý giá của con người . Chúng ta phải biết giữ gìn, bảo vệ thiên nhiên, phát triển nó ngày càng phong phú và đa dạng.

Những hành vi tàn phá thiên nhiên, khai thác bừa bãi tài nguyên thiên nhiên là tự đẩy con người vào chỗ trừng phạt. Hãy giữ gìn và bảo vệ lá phổi xanh mà thiên nhiên trao tặng cho chúng ta.

4. Củng cố

Hoạt động 4

HỌC SINH LÀM BÀI TẬP

GV: Cho HS trả lời miệng bài tập a.	*a) Thể hiện tình yêu thiên nhiên và cuộc sống hoà hợp với thiên nhiên:* *- Mùa hè, cả nhà Thuỷ thường đi tắm biển ở Sầm Sơn.* *- Lớp Tuấn tổ chức đi cắm trại ở một khu đồi có nhiều bãi cỏ xanh như tấm thảm.* *- Trường Kiên tổ chức đi tham quan Vịnh Hạ Long (ở tỉnh Quảng Ninh), một trong những di sản văn hoá thế giới.* *- Lớp Hương thường xuyên chăm sóc cây và hoa trong vườn trường.*
	b) Liên hệ:
HS: Các nhóm trình bày tranh ảnh và cử người đại diện bàn luận bức tranh, ảnh đó.	
GV: Cho HS thi vẽ tranh giữa các nhóm về khung cảnh thiên thiên (đề tài tự do).	

GV: Cho HS nêu gương tốt bảo vệ thiên nhiên ở trong lớp, trường ta.

GV: Cho HS thi hát chủ đề thiên nhiên.

5. Dặn dò

- Làm tập san theo tổ những tư liệu đã sưu tầm được.
- Chuẩn bị bài sau.

Bài 8 (*1 tiết*)
SỐNG CHAN HÒA VỚI MỌI NGƯỜI

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Giúp HS hiểu những biểu hiện của người biết sống chan hoà và những biểu hiện không biết sống chan hoà với mọi người xung quanh.
- Hiểu được lợi ích của việc sống chan hoà và biết cần phải xây dựng quan hệ tập thể, bạn bè sống chan hoà, cởi mở.

2. Thái độ

- Có nhu cầu sống chan hoà với tập thể lớp, trường, với mọi người trong cộng đồng và có mong muốn giúp đỡ bạn bè để xây dựng tập thể đoàn kết.

3. Kĩ năng

- Có kĩ năng giao tiếp ứng xử cởi mở, hợp lí với mọi người, trước hết với cha mẹ, anh em, thầy (cô) giáo, bạn bè.
- Có kĩ năng đánh giá bản thân và mọi người xung quanh trong giao tiếp thể hiện biết sống chan hoà hoặc chưa biết sống chan hoà.

B. PHƯƠNG PHÁP

- Xử lí tình huống.
- Tổ chức các hoạt động giao lưu.
- Thảo luận nhóm.

C. CÁC TÀI LIỆU - PHƯƠNG TIỆN

- Sưu tầm bài báo, tranh ảnh theo chủ đề.

- Tài liệu về các đợt giao lưu truyền thống của từng lớp, của thiếu nhi Việt Nam với các bạn Quốc tế.

D. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ

- GV cho hai HS cùng kiểm tra bài cũ.
- Kẻ bảng (bảng phụ hoặc giấy khổ to)

Điền vào bảng sau: (1)

Việc làm bảo vệ tài nguyên TN	Việc làm phá hoại tài nguyên TN

- HS: lên bảng.
- HS: Cả lớp bổ sung đáp án.
- GV: Nhận xét, đánh giá cho điểm.
- *Chữa bài tập (trang 17).*
- Em hãy nhận xét việc làm của các bạn HS lớp Hương.

3. Bài mới

Hoạt động GV và HS	***Nội dung cần đạt***

Hoạt động 1

GIỚI THIỆU BÀI

GV: Truyện kể rằng có 2 anh em sinh đôi: người em thì dễ gần, luôn gần gũi quan tâm đến mọi người, người anh thì lạnh lùng, chỉ biết mình, không quan tâm đến ai, giao thiệp với ai. Trong một lần xóm của 2 anh em ở xảy ra hoả hoạn. Cả làng ai cũng tham gia giúp đỡ người em, còn người anh chẳng ai để ý đến.

Trong lúc đó, chỉ có mỗi người em quan tâm giúp đỡ anh của mình, người anh thấy vậy buồn lắm, hỏi người em: "*Vì sao mọi người không ai giúp đỡ anh nhỉ?*". Nếu là em, em sẽ trả lời ra sao?

-> Từ đó dẫn dắt vào bài.

Hoạt động 2

TÌM HIỂU TRUYỆN ĐỌC

GV: Cử HS có giọng tốt đọc truyện: "Bác Hồ với mọi người".	**1. Truyện đọc**
HS1: Dẫn truyện. "Là Chủ tịch nước…. Có tiếng người nói"	
HS2: Đọc lời thoại.	
HS3: Đọc. "Thấy cách giải quyết…kết".	
GV: Tổ chức cho HS trao đổi.	
GV: Đặt câu hỏi cho HS.	
Câu 1: Những cử chỉ, lời nói nào của Bác thể hiện sự ân cần, quan tâm của Bác đối với mọi người?	
Câu 2: Việc làm của Bác Hồ thể hiện đức tính gì?	
Câu 3: Suy nghĩ, cảm xúc của em sau khi đọc truyện về Bác Hồ.	
HS: Cả lớp trao đổi.	
GV: Liệt kê ý kiến lên bảng phụ.	
HS: Cả lớp cùng nhận xét.	
GV: Bổ sung, kết luận.	*Câu1:* *- Bác Hồ thăm gia đình, đời sống bà con.* *- Mời cụ ăn cơm, nghỉ ngơi.* *- Cho xe đưa cụ về…*
GV: Lưu ý HS. Thái độ của anh cảnh vệ.	*Câu 2:* *- Bác sống chan hoà, ân cần, quan tâm đến mọi người một cách chu đáo.*

	Câu 3: - *Kính trọng Bác* - *Dù là một vị Chủ tịch nước, Bác vẫn quan tâm đến người già, đồng bào của mình.* - *Cần phải biết quan tâm đến những người xung quanh mình.*

GV: Kết luận, chuyển ý.

Con người trong xã hội sống với nhau bằng một quan hệ tình cảm, đó là tình người. Từ tình cảm đó, chúng ta có bạn bè, gia đình, người thân.

Chúng ta phải biết quan tâm đến mọi người để làm chỗ dựa vật chất và tinh thần để vượt qua khó khăn.

Hoạt động 3

TÌM HIỂU NỘI DUNG BÀI HỌC

GV: Qua truyện cô kể, qua truyện về Bác Hồ, GV cho các em thảo luận theo nhóm có ghi ý thảo luận ra giấy. Thi giữa các nhóm.	**2. Nội dung bài học**
Nhóm 1. - Thế nào là sống chan hoà với mọi người?	
Nhóm 2. - Vì sao cần sống chan hoà với mọi người? Điều đó đem lại lợi ích gì	
Nhóm 3. - Nêu những việc làm cụ thể về sống chan hoà với mọi người.	
HS: Thảo luận	
- Cử người trình bày (hùng biện)	
- Nhóm nào xong trước trình bày trước.	
- Các nhóm khác nghe, bổ sung, sửa chữa.	
GV: Nhận xét, bổ sung ý kiến của các nhóm.	
HS: ghi bài vào vở.	- *Sống chan hoà là sống vui vẻ, hoà hợp với mọi người và sẵn sàng cùng tham gia vào các hoạt động chung có ích.*
GV: Cho HS làm bài tập củng cố hoạt động 3.	
GV: Ghi bài tập lên bảng phụ.	
Hãy đánh dấu X vào ô tương ứng với hành vi	- *Sống chan hoà sẽ được mọi*

thể hiện việc sống chan hoà với mọi người. - Cởi mở, vui vẻ. ☐ - Chia sẻ với bạn bè khi gặp khó khăn. ☐ - Tham gia tích cực mọi hoạt động của lớp. ☐ - Chia sẻ niềm vui với mọi người. ☐ - Tâm sự với bạn khi có chuyện buồn. ☐ - Không tham gia ý kiến sợ bạn cười. ☐ - Không góp ý sợ mất lòng bạn. ☐ - Quan tâm đến hàng xóm nơi mình ở. ☐ HS: Phát biểu ý kiến cá nhân. HS: Cả lớp nhận xét. GV: Nhận xét, đưa ra đáp án đúng. GV: Kết luận, chuyển ý	*người giúp đỡ, quý mến, giúp chúng ta vượt qua khó khăn, góp phần vào việc xây dựng mối quan hệ xã hội tốt đẹp.*

GV kết luận toàn bài.

Sống chan hoà với mọi người là đạo lý tốt đẹp của người Việt Nam chúng ta. Sự quan tâm đó giúp cho chúng ta hiểu nhau hơn, có trách nhiệm với nhau hơn, làm xã hội tốt đẹp hơn. Phê phán lối sống ích kỷ, vụ lợi, chỉ biết lo cuộc sống cá nhân. Tham ô, tham nhũng cũng là biểu hiện xấu của xã hội.

4. Củng cố

Hoạt động 4

HỌC SINH LÀM BÀI TẬP

GV: Hướng dẫn HS thực hiện các bài tập a,b,c. Trình bày miệng HS: Trả lời tự do.	*Hành vi thể hiện việc sống chan hoà với mọi người:* *- Cởi mở vui vẻ.* *- Chia sẻ với bạn bè khi gặp khó khăn. Tham gia tích cực mọi hoạt động do lớp, Đội tổ chức.* *- Biết chia sẻ suy nghĩ với mọi người xung quanh.* *- Thường xuyên quan tâm tới công việc của lớp.* *Bài tập c: Những biện pháp*

GV: Hướng dẫn HS thảo luận để giải quyết bài tập c HS thảo luận -> trình bày. GV: Em cho biết ý kiến về những hành vi sau: - Bác An là bộ đội, bác luôn vui vẻ với mọi người. - Cô giáo Hà ở khu tập thể luôn chia sẻ suy nghĩ với mọi người. - Vợ chồng chú Hùng giàu có nhưng không quan tâm đến họ hàng ở quê. - Bác Hà là tiến sỹ, suốt ngày lo nghiên cứu không quan tâm đến ai. - Bà An có con giàu có nhưng không chịu đóng góp cho hoạt động từ thiện. - Chú Hà lái xe ôm biết giúp đỡ người nghèo.	*rèn luyện để sống chan hoà (gợi ý):* *- Biết chăm lo giúp đỡ mọi người xung quanh.* *- Chống lối sống ích kỷ...*

5. Dặn dò

- HS sưu tầm ca dao và những câu châm ngôn nói về sự nhường nhịn, sống hoà thuận, chan hoà.
- Chuẩn bị sắm vai: trong tình huống bài 9.

Bài 9 (*1 tiết*)

LỊCH SỰ, TẾ NHỊ

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Hiểu biểu hiện của lịch sự, tế nhị trong giao tiếp hàng ngày.
- Lịch sự, tế nhị là biểu hiện của văn hoá trong giao tiếp.
- HS hiểu được lợi ích của sự lịch sự, tế nhị trong cuộc sống.

2. Thái độ

- Có ý thức rèn luyện, cử chỉ, hành vi, sử dụng ngôn ngữ sao cho lịch sự, tế nhị, mong muốn xây dựng tập thể lớp đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau.

3. Kĩ năng

- Biết tự kiểm tra hành vi của bản thân và biết nhận xét, góp ý cho bạn bè khi có những hành vi ứng xử lịch sự, tế nhị và thiếu lịch sự, tế nhị.

B. PHƯƠNG PHÁP

- Thảo luận nhóm.
- Xử lí tình huống.
- Tổ chức trò chơi sắm vai.

C. CÁC TÀI LIỆU - PHƯƠNG TIỆN

- Sưu tầm tranh ảnh, truyện đọc... có nội dung thể hiện hành vi, lời nói, trang phục lịch sự, tế nhị hoặc không lịch sự, tế nhị.
- Chuẩn bị mội số tình huống giao tiếp và trang phục sắm vai.
- Giấy A_0 và bút dạ.

D. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ

Câu hỏi: Thế nào là sống chan hoà với mọi người?

Nêu những việc làm được và chưa làm được của bản thân.

Liên hệ bản thân với chủ đề bài "*Sống chan hòa với mọi người*".

3. Bài mới

Hoạt động của GV và HS	***Nội dung cần đạt***

Hoạt động 1
GIỚI THIỆU BÀI

GV: Chuyến xe buýt khá đông người. Một số người không đủ ghế phải đứng. Có 2 bác có vẻ như là công nhân đi làm về, trông 2 bác vẫn còn nguyên sự mệt mỏi, căng thẳng sau giờ làm việc. Ở hàng ghế giữa có 2 bạn HS vừa nói chuyện,vừa ăn quà, câu chuyện của họ ngày càng nhiều hơn, nói to hơn, cười nhiều hơn. Nhiều ánh mắt khó chịu nhìn về phía các bạn đó. Những câu hỏi đặt ra? Giá như 2 bạn đó! Cái điều giá như đó là gì? Cô cùng các em học bài hôm nay.

Hoạt động 2
PHÂN TÍCH TÌNH HUỐNG

GV: Hãy nhận xét hành vi của những bạn chạy vào lớp khi thầy đang giảng bài?	**1. Tình huống: SGK** - *Bạn không chào: vô lễ, thiếu lịch sự, thiếu tế nhị.* - *Bạn chào rất to: thiếu lịch sự, không tế nhị.*
- Đánh giá hành vi ứng xử của bạn Tuyết? HS: Thảo luận lớp.	- *Bạn Tuyết: lễ phép, khiêm tốn, biết lỗi... lịch sự, tế nhị...*
GV: Nếu là những người bạn cùng lớp, em sẽ nhắc nhở bạn đó như thế nào? Vì sao em nhắc bạn như vậy? Có các cách giải quyết như sau:	

+ Phê bình gắt gao trước lớp trong giờ sinh hoạt. + Phê bình kịp thời - ngay lúc đó. + Nhắc nhở nhẹ nhàng khi tan học. + Coi như không có chuyện gì mà tự rút ra bài học cho mình. + Cho rằng HS thì sẽ thế nên không nhắc. + Không nói gì với bạn mà phản ánh lại với GV chủ nhiệm. + Kể cho bạn nghe 1 câu chuyện thể hiện sự lịch sự, tế nhị. HS: Phân tích ưu, nhược điểm của từng cách ứng xử. GV: Nếu em đến họp lớp, họp Đội muộn mà người điều khiển buổi sinh hoạt đó là bạn cùng tuổi hoặc ít tuổi hơn thì em ứng xử như thế nào? HS: Suy nghĩ tự trả lời. HS cả lớp nhận xét, bổ sung ý kiến. GV: Cho HS trao đổi câu hỏi. Sau khi thảo luận về tình huống trên, em rút ra bài học gì cho bản thân. GV: Động viên HS liên hệ cụ thể bản thân. GV: Kết luận, chuyển ý. Trong cuộc sống hàng ngày, trong công việc của mỗi chúng ta cần có thái độ lịch sự, tế nhị. Thái độ này giúp chúng ta hoàn thành công việc, vừa giữ được mối quan hệ đúng mực giữa người với người.	*- Nhất thiết phải xin lỗi vì đến muộn.* *- Có thể không cần xin phép vào lớp mà nhẹ nhàng vào.*

Hoạt động 3

GIỚI THIỆU NỘI DUNG BÀI HỌC

	2. Bài học: *Thế nào là lịch sự, tế nhị? Lịch sự là thể hiện*

như thế nào? ý nghĩa của lịch sự, tế nhị.

GV: Tổ chức cho HS thảo luận nhóm.

GV: Chia lớp thành 4 nhóm (chia theo thứ tự danh sách).

GV: Giao câu hỏi cho các nhóm.

Nhóm 1: Thế nào là lịch sự?

Nhóm 2: Thế nào là tế nhị?

Nhóm 3: Lịch sự, tế nhị biểu hiện như thế nào?

Nhóm 4: Ý nghĩa của lịch sự, tế nhị?

GV: Phân công vị trí các nhóm.

HS: Các nhóm thảo luận.

HS: Cử đại diện nhóm trình bày.

HS: Cả lớp góp ý kiến.

GV: Nhận xét, bổ sung.

HS: Ghi bài vào vở

a. Lịch sự: Là những cử chỉ, hành vi dùng trong giao tiếp ứng xử phù hợp với yêu cầu xã hội, thể hiện truyền thống đạo đức của dân tộc.

b. Tế nhị: Là sự khéo léo sử dụng những cử chỉ, ngôn ngữ trong giao tiếp ứng xử.

c. Tế nhị, lịch sự thể hiện sự tôn trọng trong giao tiếp và quan hệ với những người xung quanh.

d. Ý nghĩa: Lịch sự, tế nhị trong giao tiếp ứng xử thể hiện trình độ văn hoá, đạo đức của mỗi người.

GV kết luận.

Lịch sự, tế nhị là lối sống có văn hoá trong cuộc sống hiện đại ngày nay. Đức tính lịch sư, tế nhị cần được giữ vững trong đời sống đạo đức của mỗi người.

4. Củng cố

Hoạt động 4

HỌC SINH LÀM BÀI TẬP

HS: Đọc bài tập a (trang 22 – SGK) GV: Cho HS các nhóm lên hoàn thành bài tập trên bảng phụ (sau tiếng gõ thước hiệu lệnh của GV nhóm nào giơ tay trước nhóm đó lên trước, các nhóm khác quan sát sửa chữa bổ sung). HS: Cử đại diện của nhóm lên thực hiện.	*a)* *- Biểu hiện lịch sự:* *+ Biết lắng nghe.* *+ Biết nhường nhịn.* *+ Biết cảm ơn, xin lỗi.* *- Biểu hiện tế nhị.* *+ Nói nhẹ nhàng.* *+ Nói dí dỏm.* *+ Biết cảm ơn, xin lỗi.*
HS: Đọc bài tập b. GV: Yêu cầu HS kể một câu chuyện về hành vi ứng xử lịch sự, tế nhị mà em biết. Em hãy nhận xét, đánh giá hành vi đó? Em rút ra bài học gì qua câu chuyện? HS: Cá nhân trả lời. GV: Nhận xét	*b)* *- Biểu hiện không lịch sự tế nhị:* *+ Thái độ cục cằn.* *+ Cử chỉ sỗ sàng.* *+ Ăn nói thô tục.* *+ Nói trống không.* *+ Nói quá to.* *+ Quát mắng người khác.*
HS: Đọc bài tập d GV: Tổ chức thảo luận nhóm. HS: Cử đại diện trình bày. GV: Nhận xét và cho điểm nhóm làm việc tốt nhất trong tiết học.	*d)* *- Quang: Lịch sự, tế nhị, ý thức cao ở nơi công cộng.* *- Tuấn: Ý thức kém, thiếu lịch sự và tế nhị.*

GV đặt câu hỏi tiếp.

HS trả lời câu hỏi:

- Trước đây em đã bao giờ tỏ ra thiếu lịch sự, tế nhị không? Hãy kể lại.
- Sau bài học này em có suy nghĩ gì về hành vi đó của mình?
- Em sẽ làm gì để trở thành người lịch sự, tế nhị?

GV gợi ý giúp HS trao đổi

HS: Trình bày ý kiến cá nhân.

HS: Cả lớp cùng góp ý nhận xét.

GV: Nhận xét- kết luận

GV kết luận toàn bài.

Trong quan hệ đối xử người với người cần có thái độ lịch sự, tế nhị để khích lệ người khác làm điều hay lẽ phải. Nó giúp ta hoàn thành công việc, vừa giữ quan hệ đúng mực giữa người - người.

Sự lịch sự, tế nhị khác với thái độ kiêu căng, thô lỗ, sỗ sàng. Lối sống văn hóa của một cá nhân, cộng đồng rất cần đến sự lịch sự, tế nhị. Đó cũng là giá trị đạo đức của mỗi một con người.

5. Dặn dò

- Làm bài tập SGK.
- Xem trước bài 10.
- Tìm hiểu, sưu tầm tài liệu về hoạt động tập thể.

Bài 10 (*2 tiết*)

TÍCH CỰC, TỰ GIÁC TRONG HOẠT ĐỘNG TẬP THỂ VÀ TRONG HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

Hiểu những biểu hiện tích cực và tự giác trong hoạt động tập thể và trong hoạt động xã hội; hiểu tác dụng của việc tích cực, tự giác tham gia hoạt động tập thể và hoạt động xã hội.

2. Thái độ

Có ý thức lập kế hoạch cân đối giữa nhiệm vụ học tập, tham gia hoạt động tập thể của lớp, của Đội và những hoạt động xã hội khác.

3. Kĩ năng

Biết tự giác, chủ động, tích cực trong học tập, trong hoạt động tập thể và hoạt động xã hội; quan tâm, lo lắng đến công việc của tập thể lớp, của trường và công việc chung của xã hội.

B. PHƯƠNG PHÁP

- Thảo luận nhóm.
- Xử lí tình huống.
- Tổ chức trò chơi sắm vai.
- Thiết kế đề án.

C. CÁC TÀI LIỆU - PHƯƠNG TIỆN

- Những sách viết về người tốt, việc tốt.

- Sưu tầm tranh ảnh hoạt động của thầy, trò trong các hoạt động truyền thống của trường.
- Sưu tầm gương những bạn học sinh làm nhiều việc tốt.

D. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ

Em hiểu thế nào là lịch sự, tế nhị.

Em sẽ làm gì để luôn là người lịch sự, tế nhị.

3. Bài mới

TIẾT 1

Hoạt động của GV và HS	***Nội dung cần đạt***

Hoạt động 1

GIỚI THIỆU BÀI

Phương án 1:

GV: Đọc trên báo Thiếu niên Tiền phong, chúng ta đã biết được nhiều tấm gương học giỏi, chăm ngoan, tham gia các hoạt động đoàn thể một cách tích cực, tự giác. Vậy để hiểu điều đó có ý nghĩa gì, hôm nay cô trò ta cùng nhau tìm hiểu bài "Tích cực, tự giác trong hoạt động tập thể và trong hoạt động xã hội".

Phương án 2:

GV: Sử dụng tranh, ảnh nói về các hoạt động tập thể và các hoạt động xã hội để giới thiệu bài.

Hoạt động 2

KHAI THÁC NỘI DUNG BÀI QUA TRUYỆN ĐỌC

GV: Hướng dẫn HS phân nhóm, cử nhóm trưởng, thư ký (ghi chép nhanh các ý kiến thảo luận). GV chia lớp thành 4 nhóm. HS: Đọc truyện "*Điều ước của Trương Quế Chi*"	**1. Truyện đọc**

GV: Nêu nội dung cần thảo luận

Nhóm 1: Những tình tiết nào chứng tỏ Trương Quế Chi tích cực, tự giác tham gia hoạt động tập thể và hoạt động xã hội.

Nhóm 2: Những tình tiết nào chứng minh rằng Trương Quế Chi tự giác tham gia giúp đỡ cha mẹ, bạn bè xung quanh.

Nhóm 3: Em đánh giá bạn Trương Quế Chi là người bạn như thế nào? Có đức tính gì đáng học hỏi.

Nhóm 4: Động cơ nào giúp Trương Quế Chi hoạt động tích cực tự giác như vậy?

HS: Thảo luận, các nhóm cử đại diện trình bày, bổ sung lần lượt từng câu hỏi.

HS cả lớp nhận xét góp ý kiến.

GV: Nhận xét và bổ sung ý kiến.

GV: Đặt câu hỏi cho HS cả lớp.

HS: Câu chuyện: "Điều ước" của Trương Quế Chi cho em suy nghĩ và cảm xúc gì?

GV: Động viên HS phát biểu bày tỏ ý kiến cá nhân.

- *Ước mơ trở thành con ngoan trò giỏi.*
- *Ước mơ trở thành nhà báo thể hiện sớm xác định lí tưởng nghề nghiệp của cuộc đời.*
- *Những ước mơ đó trở thành động cơ của những hành động tự giác, tích cực, đáng được học tập, noi theo.*

GV: Kết luận, chuyển ý.

Muốn trở thành con ngoan, trò giỏi thì cần cố gắng kiên trì, vượt khó, tranh thủ thời gian học tập và tham gia các hoạt động ngoại khoá, tham gia các hoạt động tập thể và hoạt động xã hội.

Hoạt động 3

GIỚI THIỆU NỘI DUNG BÀI HỌC

GV: Từ câu chuyện trên em hiểu thế nào là tích cực và tự giác? HS: Trả lời tự do.	**2. Nội dung bài học** *a. Tích cực, tự giác là gì?* *- Tích cực là luôn luôn cố gắng, vượt khó, kiên trì học tập, làm việc và rèn luyện.* *- Tự giác là chủ động làm việc, học tập, không cần ai nhắc nhở, giám sát.*
GV: Em có ước mơ gì về nghề nghiệp tương lai? Từ tấm gương Trương Quế Chi, em sẽ xây dựng kế hoạch ra sao để thực hiện được ước mơ của mình? HS: Trả lời tự do.	*b. Làm thế nào để có tính tích cực, tự giác?*
GV: Theo em để trở thành tích cực, tự giác chúng ta phải làm gì? HS: Trả lời ý kiến cá nhân. GV: Em hiểu thế nào là hoạt động tập thể, hoạt động xã hội? Cho ví dụ. HS: Trả lời tự do.	*- Phải có ước mơ.* *- Phải quyết tâm thực hiện kế hoạch đã định để học giỏi đồng thời tham gia các hoạt động tập thể và hoạt động xã hội.*
GV: Tích cực, tự giác tham gia các hoạt động tập thể và hoạt động xã hội sẽ có ý nghĩa gì? HS: Trả lời cá nhân. GV: Góp ý, nhận xét ý kiến của HS.	*c. Ý nghĩa:* *- Mở rộng hiểu biết về mọi mặt.* *- Rèn luyện kĩ năng cần thiết của bản thân.* *- Xây dựng quan hệ tập thể, tình cảm thân ái với mọi người xung quanh, được mọi người yêu quý.*

GV: Kết luận tiết học.

Để hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập, mỗi HS cần có tinh thần tích cực, tự giác tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội. Ý thức tập thể, tính

cộng đồng là điều kiện tốt để giúp cho mỗi cá nhân trưởng thành và tự hoàn thiện mình.

TIẾT 2

Hoạt động của GV và HS	***Nội dung cần đạt***
Hoạt động 4 XỬ LÝ TÌNH HUỐNG	
GV: Cho HS thảo luận giải quyết tình huống. *Tình huống:* Nhân dịp 20/11, nhà trường phát động cuộc thi văn nghệ. Bạn Phương lớp trưởng lớp 6A khích lệ các bạn trong lớp tham gia phong trào. Bạn phân công cho những bạn có tài trong lớp: Người viết kịch bản, người diễn xuất, hát, múa, còn bạn chăm lo nước uống cho lớp trong các buổi tập. Cả lớp đều sôi nổi, nhiệt tình tham gia; chỉ duy nhất bạn Khanh là không nhập cuộc mặc dầu rất nhiều người động viên. Khi lớp được giải xuất sắc, được biểu dương trước toàn trường, ai cũng xúm vào công kênh và khen ngợi Phương. Chỉ có mình Khanh thui thủi một mình. GV: Hãy nêu nhận xét của em về Phương và Khanh.	
HS: Thảo luận - Trình bày theo nhóm.	*- Phương tích cực, chủ động trong hoạt động tập thể.* *- Khanh trầm tính, xa rời tập thể.*
GV: Qua tình huống trên, nếu tích cực tham gia các hoạt động tập thể và hoạt động xã hội chúng ta sẽ được lợi ích gì? GV: Hãy nêu những tấm gương về người tích cực trong hoạt động tập thể và	*d. Tích cực, tự giác tham gia các hoạt động tập thể và hoạt động xã hội sẽ mở rộng hiểu biết về mọi mặt, rèn luyện được những kĩ năng cần thiết của bản thân; sẽ*

hoạt động xã hội mà em biết? HS: Thảo luận nhóm và trình bày.	*góp phần xây dựng quan hệ tập thể, tình cảm thân ái với mọi người xung quanh, sẽ được mọi người yêu quý.*

Hoạt động 5

HỌC SINH LÀM BÀI TẬP

HS: Đọc bài tập a (trang 24 - SGK). GV: Cho HS trả lời đồng thanh "đúng, sai" và tự đánh dấu vào SGK bằng bút chì sau mỗi câu cô đọc.	*a. Biểu hiện tính tích cực tham gia hoạt động tập thể và hoạt động xã hội.* *- Tích cực tham gia dọn vệ sinh nơi công cộng.* *- Tham gia văn nghệ, thể dục thể thao của trường.* *- Hưởng ứng phong trào ủng hộ đồng bào bị thiên tai.* *- Tham gia các CLB học tập.* *- Là thành viên Hội chữ thập đỏ.* *- Nhận chăm sóc cây hoa nơi công cộng.* *- Tham gia đội tuyên truyền phòng chống tệ nạn xã hội.* *- Tự giác tham gia các hoạt động của lớp.* *- Tham gia phụ trách sao nhi đồng.* *- Đi thăm thầy cô giáo cũ với các bạn cùng lớp.*
HS: Đọc bài tập b (trang 25 - SGK). GV: Hướng dẫn HS thảo luận nhóm. HS: Trình bày ý kiến thảo luận. GV: Nếu là Tuấn em sẽ khuyên Phương thế nào? HS: Trả lời tự do cá nhân. Bài tập c, đ (trang 25 - SGK) HS: Tự cá nhân kể về những việc làm của	

mình, tham gia tích cực hoạt động tập thể.

GV: Một số người không tích cực tham gia hoạt động tập thể ở lớp, trường ta được thể hiện như thế nào?

HS: Nêu những biểu hiện:

+ Không trực nhật lớp

+ Giờ chào cờ hàng tuần hay cáo ốm

+ Không tham gia các ngày lễ lớn của trường.

+ Trốn tránh hoạt động của chi đội.

+ Không tham gia văn nghệ, TDTT của lớp...

GV: Gợi ý, động viên các em tự nêu các biểu hiện trên.

4. Củng cố

Hoạt động 6

TỔ CHỨC TRÒ CHƠI "ĐỐ TÀI"

GV: Hướng dẫn các nhóm xây dựng kịch bản, tạo tình huống tương tự như trong bài học đố các nhóm khác.

HS: Từng nhóm lên trình bày, các nhóm khác quan sát giải quyết. Nhóm nào xung phong trước được quyền giải quyết tình huống trước.

GV: Cho 10 điểm cho nhóm có tình huống hay; 10 điểm cho nhóm giải quyết tình huống nhanh, đúng.

Nhóm nào nhiều điểm nhất sẽ thắng.

GV kết luận toàn bài.

Nhà trường và xã hội luôn tạo điều kiện cho mỗi cá nhân được phát triển toàn diện về thể chất và tâm hồn. Những hoạt động tập thể, hoạt động xã hội hun đúc tinh thần tự giác, tích cực học tập của mỗi cá nhân, giúp cho mỗi cá nhân biết quan tâm đến mọi người, đoàn kết giúp đỡ mọi người trong cộng

đồng. Mọi người sẽ yêu thương, đùm bọc thân ái với nhau, chia sẻ và quyết tâm hoàn thành tốt công việc của mình.

5. Dặn dò

- Lập kế hoạch để đạt được mục đích đề ra của bản thân.
- Học bài và xem trước bài sau.

Bài 11 *(2 tiết)*

MỤC ĐÍCH HỌC TẬP CỦA HỌC SINH

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Xác định đúng mục đích học tập.
- Hiểu được ý nghĩa của việc xác định mục đích học tập và sự cần thiết phải xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập.

2. Thái độ

- Có ý chí, nghị lực, tự giác trong quá trình thực hiện mục đích, kế hoạch học tập.
- Khiêm tốn học hỏi bạn bè, mọi người.
- Sẵn sàng hợp tác với mọi người trong học tập

3. Kĩ năng

- Biết xây dựng kế hoạch, điều chỉnh kế hoạch HT và các HĐ khác một cách hợp lí.
- Biết hợp tác trong hoạt động

B. PHƯƠNG PHÁP

- Xử lí tình huống.
- Thảo luận nhóm.

C. TÀI LIỆU, PHƯƠNG TIỆN

- Sưu tầm những tấm gương có mục đích học tập tốt.
- Mẩu chuyện danh nhân trong các lĩnh vực.
- Điển hình vượt khó trong học tập.

D. CÁC HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ

Em hãy nêu những việc làm cụ thể của mình biểu hiện tham gia tích cực hoạt động tập thể.

3. Bài mới

TIẾT 1

Hoạt động của GV và HS	*Nội dung cần đạt*

Hoạt động 1
GIỚI THIỆU BÀI

GV: Đưa ra các tình huống sau:

* Người công nhân lao động trong nhà máy phấn đấu đạt năng suất cao, làm ra nhiều sản phẩm cho đất nước, đồng thời có được thu nhập cao cho bản thân.
* Người nông dân một nắng hai sương lam lũ cấy cày, mong một mùa gặt bội thu.
* Học sinh chuyên cần học tập để trở thành người có năng lực, có ích cho xã hội.
* Những người bạn đến thăm nhau để hiểu nhau hơn và thắt chặt thêm tình cảm bạn bè.

GV: Những người nói trên khi làm việc họ nhằm đạt được gì?

HS: Họ nhằm đạt được mục đích nhất định mà họ đã xác định trước.

GV: Cuộc sống và công việc của con người rất đa dạng và phức tạp. Mỗi cá nhân, mỗi thế hệ có những mục đích khác nhau. Mục đích trước tiên của người HS là học tập tốt, rèn luyện tốt để trở thành con ngoan, trò giỏi.

Hoạt động 2

PHÂN TÍCH NỘI DUNG TRUYỆN ĐỌC

"TẤM GƯƠNG CỦA HS NGHÈO VƯỢT KHÓ"

GV: Tổ chức cho HS thảo luận nhóm tìm hiểu nội dung truyện đọc. GV: Cho HS có giọng tốt đọc truyện một lần cho cả lớp nghe. GV: Chia lớp, bố trí thảo luận. GV: Cho HS thảo luận các vấn đề sau: GV: Giao câu hỏi cho các nhóm. *Nhóm 1:* Vì sao Tú đoạt được giải nhì trong kì thi Toán quốc tế. *Nhóm 2:* Những biểu hiện nào của Tú thể hiện tinh thần học tập của Tú? *Nhóm 3:* Em học tập được những gì ở bạn Tú? HS: Các nhóm thảo luận. HS: Các nhóm cử đại diện trình bày. HS: Cả lớp bổ sung. GV: Nhận xét, kết luận.	**1. Tìm hiểu truyện đọc *"Tấm gương của HS nghèo vượt khó"*** *Nhóm 1:* *- Bạn Tú đã học tập và rèn luyện tốt. Bạn là tấm gương tự học, kiên trì vượt khó trong học tập.* *Nhóm 2: Bạn Tú không học thêm mà tự học.* *- Tú tìm nhiều cách giải một bài toán.* *- Tú say mê học tập tiếng Anh, sưu tầm bài toán tiếng Anh.* *- Giao tiếp bạn bè bằng tiếng Anh.* *Nhóm 3: - Kiên trì, tự học, vượt khó khăn trong học tập.* *- Độc lập suy nghĩ say mê tìm tòi.*

GV: Đặt tiếp các câu hỏi để HS cả lớp cùng trao đổi. GV: Đặt câu hỏi: Tú đã gặp khó khăn gì trong học tập. HS: Trả lời cá nhân. Tú là con út, nhà nghèo, bố là bộ đội, mẹ là công nhân. GV: Tú ước mơ gì? Để đạt được ước mơ Tú đã suy nghĩ và hành động như thế nào? HS: Trình bày cá nhân. Tú mơ ước trở thành nhà Toán học. Tú đã tự học, tự rèn luyện, kiên trì vượt khó khăn để học tập tốt không phụ lòng cha mẹ, thầy cô. - GV: Bạn Tú đã học tập và rèn luyện để làm gì? - HS: Trình bày ý kiến cá nhân. Bạn Tú mong muốn đạt được mục đích học tập. GV: Nhận xét, bổ sung các ý kiến. GV: Kết luận phần thảo luận. Tìm hiểu truyện đọc.	
	- *Qua tấm gương bạn Tú, các em phải xác định được mục đích học tập, phải có kế hoạch để mục đích đó trở thành hiện thực.*
GV: Để chuẩn bị cho tiết 2 các em tập làm điều tra ngắn về mục đích và ước mơ của các bạn trong lớp (hoặc trong tổ). Bạn Hà: Bác sĩ Bạn Hạnh: Cô giáo Bạn Cường: nhà nghiên cứu khoa học Bạn Dũng: Công an Bạn Tuấn: Doanh nghiệp Các bạn phải nói rõ vì sao lại có ước mơ như thế và muốn đạt được mục đích đó phải làm gì cho hiện tại và tương lai?	

TIẾT 2

Hoạt động của GV và HS	*Nội dung cần đạt*
Hoạt động 3 TÌM HIỂU NỘI DUNG BÀI HỌC	
GV: Đặt vấn đề Người có mục đích luôn xác định được công việc của mình phải đạt đến đích nào. Tuy nhiên có mục đích đạt được trong thời gian ngắn, có mục đích phải thực hiện lâu dài, thậm chí cả cuộc đời. Với HS chúng ta cần xác định mục đích trước mắt. GV: Chia nhóm để HS: thảo luận 2 vấn đề. *Vấn đề 1:* " Mục đích học tập trước mắt của HS là gì" ? *Vấn đề 2:* Vì sao phải kết hợp giữa mục đích cá nhân, gia đình và xã hội. HS: Ý kiến nhóm 1: - HS phải học giỏi, đủ điều kiện lên THPT - Trở thành con ngoan, trò giỏi - Trở thành người phát triển toàn diện (đạo đức, trí tuệ, sức khoẻ ...) - Lao động để tự lập nghiệp - Có ích cho gia đình và xã hội. - Tương lai là công dân tốt, lao động tốt, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. HS: Ý kiến nhóm 2: - Mục đích cá nhân: Vì tương lai của mình, vì danh dự bản thân, … Thể hiện sự kính trọng của mình với cha mẹ và thầy cô và tương lai sẽ có cuộc sống hạnh phúc.	**2. Xác định mục đích, ý nghĩa của mục đích hoạt động**

- Mục đích vì gia đình: Mang lại danh dự cho gia đình và là niềm tự hào của dòng họ, là con ngoan, có hiếu, có ích cho gia đình... Không phụ công nuôi dưỡng của cha mẹ. - Mục đích xã hội: Góp phần làm giàu chính đáng cho quê hương. Xây dựng quê hương, đất nước, bảo vệ Tổ quốc XHCN. Phát huy truyền thống, mang lại danh dự cho nhà trường ...	
GV: Nhận xét các ý kiến của HS. Khái quát và nhấn mạnh mục đích học tập của HS. HS: Ghi nội dung vào vở. GV: Kết luận và chuyển ý.	*- Mục đích trước mắt của HS là học giỏi, cố gắng trở thành con ngoan trò giỏi, phát triển toàn diện, góp phần xây dựng gia đình và xã hội hạnh phúc.* *- Phải kết hợp mục đích vì mình, vì gia đình, xã hội.* *- Xác định đúng đắn mục đích học tập thì mới có thể học tập tốt.*

Hoạt động 4

XÁC ĐỊNH NHỮNG VIỆC CẦN LÀM
ĐỂ ĐẠT ĐƯỢC MỤC ĐÍCH ĐÃ ĐỀ RA

GV: Em cho biết những việc làm đúng để thực hiện mục đích học tập. HS: Phát biểu ý kiến: - Có kế hoạch. - Tự giác. - Học đều các môn. - Chuẩn bị tốt phương tiện. - Đọc tài liệu. - Có phương pháp học tập. - Vận dụng vào cuộc sống.	**3. Rèn luyện mục đích**

- Tham gia hoạt động tập thể và xã hội. GV: Cho HS kể về những gương có mục đích học tập mà HS biết vượt khó khăn, vượt lên số phận để học tốt ở địa phương. + Bố Hòa mất sớm, một mình mẹ nuôi hai chị em, nhà nghèo nhưng hai chị em Hoà vẫn cố gắng học tập giỏi. + Bố mẹ bạn Trang đã ly dị, Trang phải ở với bà. Bà già yếu, nghèo khổ, nhưng Trang vẫn vượt lên và đạt thành tích tốt trong học tập. + Bạn Lê bị bệnh tim bẩm sinh vẫn yêu đời, chăm học. GV: Kết thúc hoạt động này bằng câu truyện kể "Cô gái Italia khó quên". Truyện về cô gái Italia tên là G. Nam-mi-ni. Cô nổi tiếng nhờ có giọng ca mãnh liệt, bốc lửa, nồng nhiệt. Để đạt được sự nổi tiếng đó cô đã phải trải qua nhiều gian nan...". GV: Nhấn mạnh nội dung cần học tập như thế nào để đạt mục đích đã đặt ra.	*- Muốn học tốt cần phải có ý chí, nghị lực, phải tự giác, sáng tạo trong học tập*

4. Củng cố

Hoạt động 5

LUYỆN TẬP

GV: Tổ chức cho HS làm bài tập SGK.

GV: Phát phiếu học tập (theo dãy bàn).

Phiếu số 1: Đánh dấu X vào ô trống tương ứng những động cơ học tập mà em cho là hợp lý.

- Tương lai của bản thân. ☐
- Danh dự gia đình. ☐
- Học tập để kiếm việc làm nhàn hạ. ☐
- Truyền thống nhà trường. ☐
- Kính trọng thầy, cô giáo. ☐
- Dân giàu nước mạnh. ☐
- Không muốn thua kém bạn. ☐
- Giàu có. ☐
- Điểm số. ☐

Phiếu số 2: Bạn Quang đến nhà bạn Tuấn định trao đổi bài. Chuẩn bị kiểm tra bài: "Tích cực, tự giác trong hoạt động tập thể, hoạt động xã hội". Thấy Tuấn đang đọc sách: "Người tốt việc tốt", bạn Quang hỏi ngày mai kiểm tra môn Giáo dục công dân, sao cậu đọc sách này? Em thử đoán xem Tuấn trả lời Quang như thế nào?

HS: Làm bài tập vào phiếu.

GV: Cử đại diện 2 em trả lời.

HS: Cả lớp bổ sung, trao đổi.

GV: Nhận xét, đánh giá.

Phiếu số 1:

Đáp án sai:

Học tập vì điểm số.

Học tập vì giàu có.

Phiếu số 2:

Tuấn sẽ nói với Quang: đọc sách "Người tốt việc tốt" để có thêm ví dụ minh hoạ cho bài học. Vì những người tốt, gương tốt, có tinh thần tập thể và tham gia tốt công tác xã hội.

GV: Đưa ra câu hỏi chung cho cả lớp để kết luận phần luyện tập.

GV: Có ý kiến cho rằng thanh thiếu niên ngày nay ít quan tâm đến mục đích học tập mà chỉ quan tâm đến nhu cầu trước mắt, thực dụng (Nếu không còn thời gian, câu hỏi này cho HS về nhà làm).

GV kết luận toàn bài.

Có người cho rằng: "Mục đích tối thiểu trong đời người không phải là sự hiểu biết mà là hành động". Thật vậy, con người cần phải thể hiện bằng sự kiên trì, vượt khó, tự học tập, tự lao động để vươn lên. Biết vượt qua khó khăn, vượt lên số phận để chiến thắng, để đạt mục đích.

5. Dặn dò

- Làm bài tập trang 27, 28.
- Thiết kế một kế hoạch học tập nhằm khắc phục một môn còn yếu, hoặc kế hoạch học tập môn nào thích nhất.
- Tìm các câu chuyện " người tốt việc tốt", các gương HS nghèo vượt khó học giỏi trong sách và trong thực tiễn.

Tài liệu tham khảo

- ***Danh ngôn:***

  "Mục đích tối thượng trong đời người không phải là sự hiểu biết mà là hành động".

Bài 12 (*2 tiết*)

CÔNG ƯỚC LIÊN HỢP QUỐC VỀ QUYỀN TRẺ EM

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Hiểu các quyền cơ bản của trẻ em theo Công ước của Liên hợp quốc (LHQ).
- Hiểu ý nghĩa của Quyền trẻ em đối với sự phát triển của trẻ em.

2. Thái độ

- HS tự hào là tương lai của dân tộc và nhân loại.
- Biết ơn những người chăm sóc, dạy dỗ, đem lại cuộc sống hạnh phúc cho mình.

3. Kĩ năng

- Phân biệt được những việc làm vi phạm Quyền trẻ em và việc làm tôn trọng Quyền trẻ em.
- Học sinh thực hiện tốt quyền và bổn phận của mình; tham gia ngăn ngừa, phát hiện những hành vi vi phạm Quyền trẻ em.

B. PHƯƠNG PHÁP

- Xử lí tình huống.
- Tổ chức trò chơi.
- Thảo luận nhóm.

C. CÁC TÀI LIỆU - PHƯƠNG TIỆN

- Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em.
- Những số liệu, sự kiện về hoạt động thực hiện Quyền trẻ em và sự vi phạm Quyền trẻ em trên thế giới, ở Việt Nam và địa phương nơi

Trường đóng. Tranh ảnh, băng hình về các hoạt động vui chơi, hội họp của trẻ em, hoạt động chăm sóc trẻ em.

- Phiếu học tập, máy chiếu, đầu video (nếu có).
- Giấy khổ lớn, băng dính, kéo…
- Tranh bài 12 trong bộ tranh GDCD 6 do Công ty Thiết bị Giáo dục I sản xuất và bộ tranh về Quyền trẻ em.
- Một bộ phiếu rời gồm 4 phiếu - mỗi phiếu ghi nội dung 1 Quyền trẻ em và 8 tranh hoặc ảnh tương ứng với 4 quyền đó (2 tranh ứng với 1 quyền).

***Ví dụ*:** Quyền thứ nhất: *Quyền sống còn* - Có 2 tranh hoặc ảnh với nội dung: Trẻ đang được đi khám sức khỏe định kì do trường tổ chức, trẻ đang được ăn cơm bán trú hoặc ở gia đình.

D. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ

- Mục đích học tập của em là gì?
- Em có kế hoạch gì để thực hiện mục đích đó.

3. Bài mới

Giới thiệu bài: UNESCO nhấn mạnh rằng "*Trẻ em hôm nay, thế giới ngày mai*" đã khẳng định vai trò của trẻ trong xã hội con người. Ngạn ngữ Hi Lạp cũng khẳng định "*Trẻ em là niềm tự hào của con người*", ý thức được điều đó LHQ đã xây dựng *Công ước về Quyền trẻ em*. Vậy công ước đó gồm những quy định gì về quyền của trẻ, hôm nay cô trò chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu.

TIẾT 1

Hoạt động của GV và HS	***Nội dung cần đạt***
Hoạt động 1 KHAI THÁC NỘI DUNG TRUYỆN	
GV tổ chức cho HS trao đổi truyện đọc. GV: Cử 2 HS có giọng đọc tốt đọc 2 lần truyện đọc.	**1. Truyện đọc *"Tết ở làng trẻ em SOS Hà Nội"*.**

GV: Đưa ra câu hỏi HS cả lớp trao đổi.

HS: Trả lời câu hỏi.

* Tết ở trong làng trẻ em SOS diễn ra như thế nào?
* Em có nhận xét gì về cuộc sống của trẻ em mồ côi ở đó.
* Suy nghĩ và cảm xúc của em khi đọc truyện.

HS: Trả lời cá nhân.

GV: Liệt kê ý kiến của HS lên bảng phụ.

HS: Cả lớp góp ý kiến.

GV: Nhận xét và kết luận.

Câu 1: Tết ở làng trẻ em SOS diễn ra:

- Nhà nào cũng đỏ lửa luộc bánh chưng suốt đêm.

- Tổ chức tết đầy đủ nghi lễ.

- Sắm quần áo, giày dép cho các em.

- Kẹo bánh, hạt dưa, thịt, giò…

- Quây quần bên tivi đón năm mới.

- Phá cỗ đêm giao thừa, hát hò vui vẻ…

Câu 2: Trẻ em mồ côi trong làng trẻ SOS Hà Nội sống hạnh phúc. Mùa xuân thực sự đã về trên những mái ngói đỏ tươi, trong những gia đình ấm áp, đầy ắp tiếng cười của mẹ và các con.

Câu 3: Tết ở làng trẻ em SOS rất vui, các em thật hạnh phúc. Nhưng em vẫn cảm thấy thiếu vắng tình yêu thương của người cha, người mẹ đẻ ra các em và em càng thương các em hơn.

Hoạt động 2

GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ CÔNG ƯỚC

GV đặt vấn đề: Trẻ em là tương lai của mỗi dân tộc và của toàn nhân loại. Công ước của Liên hiệp quốc về Quyền trẻ em ra đời 1989 đã ghi nhận các quyền cơ bản của trẻ em.

Việt Nam là nước thứ 2 trên thế giới kí và phê chuẩn Công ước của Liên hiệp quốc về Quyền trẻ em.

GV: Chiếu lên màn hình. HS: Theo dõi và ghi chép GV: Giải thích: - Công ước LHQ là luật quốc tế về Quyền trẻ em. - Việt Nam là nước đầu tiên ở châu Á và thứ hai thế giới tham gia Công ước, đồng thời ban hành luật về đảm bảo việc thực hiện Quyền trẻ em ở Việt Nam.	*- Năm 1989, Công ước LHQ về Quyền trẻ em ra đời.* *- Năm 1991, Việt Nam ban hành Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.*

Hoạt động 3

THẢO LUẬN NHÓM - XỬ LÍ TÌNH HUỐNG

GV: Tổ chức HS thảo luận 4 nhóm Công ước. - Vận dụng 4 phiếu rời và 8 tranh đã được chuẩn bị làm phương tiện dạy học (Phần tư liệu - phương tiện) - Khuyến khích HS các nhóm thi đua nhau. - Dựa vào nội dung đã ghi các quyền trong các phiếu, hãy phân loại 8 tranh hoặc ảnh tương ứng với nội dung 4 quyền đó? - Ghi ý kiến của nhóm mình vào tờ giấy A4. - Nhóm nào xong trước được trình bày trước. GV: Nêu câu hỏi:	**2. Nội dung bài học** *a. Nhóm quyền sống còn:* *Là những quyền được sống và được đáp ứng các nhu cầu cơ bản để tồn tại như được nuôi dưỡng, được chăm sóc sức khoẻ...* *b. Nhóm quyền bảo vệ:* *Là những quyền nhằm bảo vệ trẻ em khỏi mọi hình thức phân biệt, đối xử, bị bỏ rơi, bị bóc lột và xâm hại.* *c. Nhóm quyền phát triển:* *Là những quyền được đáp ứng các nhu cầu cho sự phát triển*

Vì sao em đã sắp xếp như vậy?

HS: - Đại diện nhóm thắng lên trình bày.

- Các nhóm khác lắng nghe nhận xét, bổ sung.

Từ 4 nội dung các quyền trên, GV giới thiệu các tên quyền hoặc đưa ra 4 tên quyền và hỏi: Theo em nội dung quyền nào phù hợp với những tên quyền này?

GV: Cho HS làm bài tập củng cố.

GV: Cho HS làm bài tập vào phiếu.

GV: Chia lớp 2 nhóm, mỗi nhóm trả lời 1 bài tập theo phiếu.

Nhóm 1 (Phiếu 1)

Hãy khoanh tròn ý kiến đúng với việc làm thực hiện Quyền trẻ em. (ý kiến còn lại là việc làm vi phạm Quyền trẻ em).

1- Tổ chức việc làm cho trẻ em có khó khăn.

2- Lợi dụng trẻ em để buôn bán ma tuý.

3- Xây dựng khu vui chơi cho trẻ em.

4- Mở lớp dạy học cho trẻ tàn tật.

5- Bắt trẻ em làm việc cực nhọc, quá sức.

6- Đánh đập trẻ em.

7- Tổ chức trại hè cho trẻ em.

8- Lôi kéo trẻ em vào con đường nghiện hút.

9- Xâm hại tình dục em gái nhỏ.

10- Bắt con cái thôi học đi bán báo, đánh giày nuôi gia đình.

Nhóm 2 (Phiếu 2)

Mỗi nhóm quyền cần thiết như thế nào đối với cuộc sống của mỗi trẻ em.

một cách toàn diện như: được học tập, được vui chơi giải trí, được tham gia hoạt động văn hoá, nghệ thuật...

d. Nhóm quyền tham gia:

Là những quyền được tham gia vào những công việc có ảnh hưởng đến cuộc sống của trẻ em như được bày tỏ ý kiến, nguyện vọng của mình.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
(Điền vào ô tương ứng) **Nhóm quyền** / **Cần thiết với trẻ em**: Sống còn Bảo vệ Phát triển Tham gia HS: Các nhóm trả lời vào phiếu. GV: Cho HS đại diện 2 nhóm trả lời câu hỏi. HS: Cả lớp nhận xét bổ sung. GV: Nhận xét, đánh giá ý kiến đúng.	*Đáp án: Phiếu 1(Nhóm 1)* *Ý kiến đúng: Những việc làm thực hiện Quyền trẻ em.* (1), (3), (4), (7) *- Ý kiến sai: Việc làm vi phạm Quyền trẻ em.* (2), (5), (6), (8), (9), (10) *Đáp án: Phiếu 2 (nhóm 2)* *HS đã điền đầy đủ vào ô trống.*

GV: Kết luận, chuyển ý.

Công ước của Liên hiệp quốc về Quyền trẻ em ra đời thể hiện sự tôn trọng và quan tâm của cộng đồng quốc tế với trẻ em, là điều kiện cần thiết để trẻ em được phát triển đầy đủ trong bầu không khí hạnh phúc và thông cảm.

TIẾT 2

Hoạt động của GV và HS	*Nội dung cần đạt*

Hoạt động 1

THẢO LUẬN NHÓM

GV: Cho HS thảo luận theo nhóm để giải quyết tình huống. *Tình huống:* Trên một bài báo có đoạn tin vắn sau: "Bà A ở Nam Định vì ghen tuông với người vợ trước của chồng	

đã liên tục hành hạ, đánh đập, làm nhục con riêng của chồng và không cho đi học. Thấy vậy Hội Phụ nữ địa phương đã đến can thiệp nhiều lần nhưng bà A vẫn không thay đổi nên đã lập hồ sơ đưa bà A ra kiểm điểm và kí cam kết chấm dứt hiện tượng này".	
Câu hỏi:	
1) Hãy nhận xét hành vi ứng xử của bà A trong tình huống? Em sẽ làm gì nếu được chứng kiến sự việc đó?	*- Bà A vi phạm Quyền trẻ em Giới thiệu Điều 24, 28, 37 - Công ước.*
2) Việc làm của Hội Phụ nữ địa phương có gì đáng quý? Qua đó em thấy trách nhiệm của Nhà nước đối với Công ước về Quyền trẻ em như thế nào?	*- Cần lên án, can thiệp kịp thời với những hành vi vi phạm Quyền trẻ em.* *- Nhà nước rất quan tâm đảm bảo Quyền trẻ em.* *- Nhà nước trừng phạt nghiêm khắc những hành vi xâm phạm Quyền trẻ em.*
HS: Thảo luận Cử đại diện lên trình bày lần lượt từng câu hỏi.	
GV: Có thể giải quyết triệt để từng câu, 1 hoặc 2 câu một lúc. Giới thiệu các Điều trích Công ước LHQ về Quyền trẻ em	
GV: Vận dụng bài tập d, đ (trang 32-SGK) để giúp HS rút ra nội dung bài học. Củng cố kiến thức đã học HS: Giải quyết tình huống theo nhóm. GV: Điều gì sẽ xảy ra nếu như Quyền trẻ em không được thực hiện? GV: Là trẻ em, chúng ta phải làm gì để thực hiện và đảm bảo quyền của mình? HS: Thảo luận và trả lời câu hỏi.	**Bài học** *- Mỗi chúng ta cần biết bảo vệ quyền của mình và tôn trọng quyền của người khác; phải thực hiện tốt bổn phận và nghĩa vụ của mình.*

Hoạt động 3

THẢO LUẬN NHÓM - XỬ LÝ TÌNH HUỐNG

GV: Chuẩn bị cho mỗi nhóm 1 tờ phim hoặc giấy A4 có nội dung bài tập a.

HS: Giải quyết theo nhóm. Nhóm nào xong trước trình bày trước trên máy chiếu hoặc trình bày qua bảng giấy.

GV: Cho HS 1 kịch bản để tự đóng vai và giải quyết tình huống, dựa vào bài tập e.

HS: Phân vai để thực hiện.

GV: Có thể cho HS đóng vai dàn dựng tình huống.

Có thể cho HS nhập vai giải quyết tình huống.

GV: Nếu em là người chứng kiến em sẽ ứng xử ra sao?

HS: Nhận xét các hành vi của các nhân vật trong mỗi tình huống.

3. Tình huống

Bài a.

- Việc làm thực hiện Quyền trẻ em:

+ Tổ chức việc làm cho trẻ em có khó khăn.

+ Dạy học ở lớp học tình thương cho trẻ em.

+ Dạy nghề miễn phí cho trẻ em khó khăn.

+ Tổ chức tiêm phòng dịch cho trẻ.

+ Tổ chức trại hè cho trẻ.

- Việc làm vi phạm Quyền trẻ em: Các ý còn lại.

Bài e. Xây dựng kịch bản dựa vào tình huống bài tập e.

- Tình huống 1: Trên đường An đi học về, thấy một bà bán hàng nước cầm gậy vừa đánh vừa chửi một em nhỏ đánh giầy rất thậm tệ: "Đồ con hoang, mày mà làm đổ cốc nước hàng của bà thì khối tiền mà đền, ra chỗ khác cho bà bán hàng"..

- Tình huống 2: Một hôm, cô giáo dạy văn gọi Hòa lên bảng kiểm tra bài. Hoà không thuộc bài. Thấy vậy cô giáo hỏi: "Em có biết vì sao cô gọi em lên bảng không?" Hoà trả lời: "Vì tiết học trước em đã tự ý bỏ học đi chơi".

GV kết luận: Thông qua các tình huống giúp các em hiểu được Công ước của LHQ về Quyền trẻ em. Liên hệ thực tiễn địa phương và bản thân.

- *Tình huống 3: Lan đang ngồi đọc báo dưới gốc cây ở khu tập thể nhà mình thì thấy 1 em nhỏ lân la ngỏ ý chị đọc truyện cho em nghe... Lan biết đó là con bác hàng xóm mới ở quê ra nên cho em bé mượn quyển truyện. Em bé thấy vậy xua tay nói: "Không... không! Em không được đi học nên không biết chữ".*

4. Củng cố

Hoạt động 4

HỌC SINH LÀM BÀI TẬP

GV: Hướng dẫn HS làm bài tập SGK.

Bài 1: GV đưa ra 4 bức tranh mô phỏng về 4 nhóm Quyền trẻ em. HS ghi đúng chủ đề vào 4 bức tranh.

Bài 2: Em hãy dự kiến cách ứng xử của mình trong những trường hợp sau đây:

* Em thấy một người lớn đánh đập một bạn nhỏ.

* Em thấy bạn của em lười học, trốn học đi chơi.

* Em thấy một số bạn nơi em ở chưa biết chữ.

Bài 3: Em hãy nêu một số việc làm của địa phương em thực hiện Quyền trẻ em.

HS: Trình bày ý kiến cá nhân.

HS: Cả lớp tham gia ý kiến.

GV: Nhận xét, đưa ra đáp án đúng.

Đáp án bài 1:

Nhóm quyền sống còn: ảnh (3)

Nhóm quyền bảo vệ: ảnh (1)

Nhóm quyền phát triển: ảnh (4)

Nhóm quyền tham gia. ảnh (2)

Đáp án bài 2:

Cách ứng xử.

** Tình huống 1: Can ngăn người lớn không đánh đập bạn nhỏ và nhờ cơ quan pháp luật can thiệp.*

** Tình huống 2: Khuyên bạn và nhờ cô giáo, nhà trường giúp đỡ bạn không trốn học.*

** Tình huống 3: Địa phương em đã làm được:*

- Tổ chức tiêm phòng dịch cho trẻ em.

- Xây dựng khu vui chơi cho trẻ em.

- Mở lớp học tình thương.

- Tổ chức tết Trung thu, ngày 1-6 (ngày Quốc tế Thiếu nhi).

- Tổ chức đội bóng đá nhi đồng, thiếu niên.

- Thi vẽ, viết chủ đề: 'Trẻ em hôm nay, thế giới ngày mai".

GV kết luận toàn bài.

Như Bác Hồ kính yêu đã dạy: "Trẻ em như búp trên cành". Chăm lo cho trẻ em là một việc làm cần thiết và quan trọng đối với một xã hội. Đảng và nhà nước ta đã và đang có những hoạt động tích cực nhằm chăm sóc, bảo vệ trẻ em, chủ nhân tương lai của đất nước.

5. Dặn dò

- Học bài và xem trước bài sau.
- Sưu tầm những quy định về các mức phạt hành chính khi vi phạm Luật An toàn giao thông.

Tài liệu tham khảo:

1. Những ngọn tháp là niềm tự hào của thành phố. Những con tàu là niềm tự hào của biển cả. Và trẻ em là niềm tự hào của con người.

(Ngạn ngữ Hi Lạp)

2. Công ước về Quyền trẻ em được Đại hội đồng LHQ thông qua ngày 20/11/1989. Việt Nam đã ký công ước ngay từ ngày đầu tiên (26/01/1990) Khi LHQ mở Công ước để cộng đồng thế giới tham gia kí và là nước thứ hai thế giới phê chuẩn Công ước (20/02/1990). Sau đó, nhà nước ta đã ban hành Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em Việt Nam (12/08/1991). Công ước có hiệu lực từ ngày 02/09/1990. Đến năm 1999, Công ước về Quyền trẻ em đã có 191 quốc gia thành viên. Công ước gồm có Lời mở đầu và 3 phần (54 điều).

Đây là công ước đầu tiên đề cập toàn diện và xác định về mặt pháp lí các quyền của trẻ em theo hướng tiến bộ, trên cơ sở thừa nhận trẻ em có quyền được chăm sóc, bảo vệ và giúp đỡ đặc biệt.

Trích Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em:

- Điều 6: …Tất cả trẻ em đều có quyền cố hữu được sống.

- Điều 7: Trẻ em phải được đăng kí khai sinh ngay lập tức sau khi được sinh ra và có quyền ngay từ khi ra đời có họ tên, có quốc tịch và trong chừng mực có thể, quyền biết cha mẹ mình và được cha mẹ mình chăm sóc.

- Điều 13: Trẻ em có quyền tự do bày tỏ ý kiến…

- Điều 20: Trẻ em tạm thời hay vĩnh viễn bị tước mất môi trường gia đình của mình… có quyền được hưởng sự bảo vệ và giúp đỡ đặc biệt của gia đình.

- Điều 23: …Trẻ em bị khuyết tật về tâm thần hay thể chất cần được hưởng một cuộc sống trọn vẹn và tử tế trong những điều kiện đảm bảo phẩm giá, thúc đẩy khả năng tự lực và tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ em tham gia tích cực vào cộng đồng…

- Điều 24: Quyền trẻ em được hưởng mức độ cao nhất để có thể đạt được về sức khoẻ và các phương tiện chữa bệnh để phục hồi sức khỏe…

- Điều 28: …Quyền của trẻ em được học hành…

- Điều 33: … Thực hiện mọi biện pháp thích hợp…để bảo vệ trẻ chống lại việc sử dụng bất hợp pháp các chất ma túy và an thần.

- Điều 34: …Bảo vệ trẻ em chống mọi hình thức bóc lột cũng như lạm dụng về tình dục…

- Điều 37: Không có trẻ em nào phải chịu sự tra tấn, đối xử, trừng phạt độc ác, vô nhân đạo hay làm mất phẩm giá… Không có trẻ em nào bị tước quyền tự do một cách bất hợp pháp hay tuỳ tiện…

Bài 13 *(2 tiết)*

CÔNG DÂN NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Công dân là người dân của một nước, mang quốc tịch của nước đó.
- Công dân Việt Nam là người có quốc tịch Việt Nam.

2. Thái độ

- Tự hào là công dân nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Mong muốn được góp phần xây dựng nhà nước và xã hội.

3. Kĩ năng

- Biết phân biệt công dân nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với công dân nước khác.
- Biết cố gắng học tập, nâng cao kiến thức, rèn luyện phẩm chất đạo đức để trở người công dân có ích cho đất nước. Thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ công dân.

B. PHƯƠNG PHÁP

- Xử lí vấn đề.
- Thảo luận.
- Tổ chức trò chơi.

C. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN

- Hiến pháp 1992 (Chương V – Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân).

- Luật quốc tịch (1988 - điều 4).
- Luật bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em.
- Câu chuyện về danh nhân văn hóa.
- Thành tích học tập thể thao của HS Việt Nam.
- Cây hoa dân chủ.

D. CÁC HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ

1. Hãy nêu các nhóm quyền cơ bản của trẻ em mà em biết? Mỗi nhóm quyền cần thiết như thế nào đối với cuộc sống của mỗi trẻ em.
2. Em có cách ứng xử như thế nào trong những trường hợp sau:

- Em thấy một người lớn đánh đập một bạn nhỏ.
- Em thấy một bạn nơi em ở chưa biết chữ.

3. Bài mới

Giới thiệu bài: Chúng ta luôn tự hào: chúng ta là công dân nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Vậy công dân là gì? Những người như thế nào được công nhận là công dân nước cộng hòa XHCN Việt Nam. Để trả lời câu hỏi này, chúng ta cùng tìm hiểu bài 13.

GV: Ghi đầu bài lên bảng.

TIẾT 1

Hoạt động của GV và HS	***Nội dung cần đạt***

Hoạt động 1
TÌM HIỂU TÌNH HUỐNG

GV đặt vấn đề.

Mỗi công dân đều có quyền tự hào về Dân tộc của mình. Ngoài những công dân được sinh ra, lớn lên và sinh sống tại đất nước Việt Nam là công dân có quốc tịch Việt Nam. Tuy nhiên vẫn có những trường hợp liên quan đến các dân tộc khác (nước ngoài), liên quan đến công việc, quan hệ tình cảm v. v…, cho nên chúng ta cần có sự hiểu biết: Công dân Việt Nam là ai?

GV: Cho HS đọc nhiều lần về tình huống SGK. GV: Nêu câu hỏi cho HS thảo luận. * Bạn A-li-a là ai, có quan hệ như thế nào với Việt Nam? * Bạn A-li-a nói như vậy có đúng không? Vì sao? HS trình bầy ý kiến cá nhân. GV: Cho HS cả lớp trao đổi, nhận xét.	
GV: Nhận xét, bổ sung ý kiến. GV: Kết luận.	*- Bạn A-li-a nói tiếng Việt rất thạo. Bố A-li-a là người Việt Nam.* *- Bạn A-li-a là người Việt Nam.* *- A-li-a là công dân Việt Nam vì có bố là người Việt Nam (nếu bố, mẹ chọn quốc tịch Việt Nam cho A-li-a)*
GV: Cần cho HS tham khảo một số luật sau để các em xác định ý kiến của mình cho chính xác. Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em (Điều 5). Luật quốc tịch 1998 (Điều 4, 16, 19). Hiến pháp 1992.. Luật dân số 1992. GV: Kết luận, chuyển ý. Để hiểu rõ, xác định công dân là ai? Họ liên quan như thế nào đến quốc tịch? Quyền quốc tịch của công dân Việt Nam là gì? Đó là các vấn đề mà chúng ta cần hiểu và xác định đúng.	

Hoạt động 2

TÌM HIỂU CĂN CỨ ĐỂ XÁC ĐỊNH CÔNG DÂN

GV đặt vấn đề.

Để tìm hiểu nội dung xác định công dân là ai? GV giới thiệu kiến thức pháp luật cần thiết. GV đưa nội dung đã tìm lên máy.

1. Công dân: Người dân của một nước và mang quốc tịch nước đó.
2. Dưới chế độ phong kiến người dân còn gọi thần dân phải thờ vua(Con trời) Vâng lệnh quân thần, dân không có quyền…
3. Chế độ thuộc địa: Người dân không có địa vị công dân không được hưởng quyền công dân.
4. Nhà nước độc lập, có chủ quyền người dân có địa vị công dân và nghĩa vụ công dân.
5. Địa vị pháp lý: Tổng hợp quyền và nghĩa vụ do pháp luật quy định.
6. Quốc tịch: Là dấu hiệu pháp lý xác định mối quan hệ giữa người dân cụ thể đối với một nhà nước, thể hiện sự phụ thuộc về một nhà nước nhất định của người dân.

GV: Phát phiếu tư liệu cho HS:

Điều kiện để có quốc tịch Việt Nam.

1. Mọi người dân sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam có quyền có quốc tịch Việt Nam.
2. Đối với công dân người nước ngoài và người không có quốc tịch:
   + Phải từ 18 tuổi trở lên, biết tiếng Việt, có ít nhất 5 năm cư trú tại Việt Nam, tự nguyện tuân theo pháp luật Việt Nam.
   + Là người có công lao đóng góp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.
   + Là vợ, chồng, con, bố, mẹ, (kể cả con nuôi, bố mẹ nuôi) của công dân Việt Nam.
3. Đối với trẻ em:
   + Trẻ em có cha mẹ là người Việt Nam.
   + Trẻ em sinh ra ở Việt Nam và xin thường trú tại Việt Nam.
   + Trẻ em có cha (mẹ) là người Việt Nam.
   + Trẻ em tìm thấy trên lãnh thổ Việt Nam nhưng không rõ cha mẹ là ai.

   Trên cơ sở nghiên cứu phiếu tư liệu GV hướng dẫn HS thảo luận câu hỏi SGK.

   Trường hợp nào trẻ em là công dân Việt Nam.

HS: Thảo luận.

GV: Chốt vấn đề

b. Các trường hợp sau đều là công dân Việt Nam.

- Trẻ em khi sinh ra có cả bố và

	mẹ là công dân Việt Nam. *- Trẻ em khi sinh ra có bố là công dân Việt Nam, mẹ là người nước ngoài.* *- Trẻ em sinh ra có mẹ là công dân Việt Nam, bố là người nước ngoài.* *- Trẻ em bị bỏ rơi ở Việt Nam không rõ bố, mẹ là ai.*
GV đặt câu hỏi: 1) Người nước ngoài đến Việt Nam công tác có được coi là công dân Việt Nam không? 2) Người nước ngoài làm ăn sinh sống lâu dài ở Việt Nam có được coi là công dân Việt Nam không? HS: Trao đổi ý kiến và phát biểu.	
GV: Nhận xét, chốt vấn đề.	*1. Người nước ngoài đến Việt Nam công tác: Không phải là người Việt Nam* *2. Người nước ngoài làm ăn sinh sống lâu dài ở Việt Nam tự nguyện tuân theo pháp luật Việt Nam thì là người Việt Nam.*
GV: Từ các tình huống trên em hiểu công dân là gì? Căn cứ để xác định công dân của một nước. HS: Trao đổi và phát biểu ý kiến.	
GV: Nhận xét, rút ra kết luận.	***Kết luận:*** *- Công dân là người dân của một nước.* *- Quốc tịch là căn cứ xác định công dân của một nước.* *- Công dân nước Cộng hòa xã*

	hội chủ nghĩa Việt Nam là người có quốc tịch Việt Nam. Mọi người dân ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đều có quyền có quốc tịch. *- Mọi công dân thuộc các dân tộc cùng sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam đều có quốc tịch Việt Nam.*

TIẾT 2

Hoạt động của GV và HS	***Nội dung cần đạt***
Hoạt động 3 HƯỚNG DẪN HỌC SINH TÌM HIỂU MỐI QUAN HỆ GIỮA NHÀ NƯỚC VÀ CÔNG DÂN	
GV: Nêu câu hỏi cho HS thảo luận lớp. 1. Nêu các quyền của công dân mà em biết. 2. Nêu các nghĩa vụ của công dân đối với nhà nước mà em biết. 3. Trẻ em có quyền và nghĩa vụ gì? 4. Vì sao công dân phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình? HS: Trao đổi ý kiến.	*c. Mối quan hệ giữa nhà nước và công dân. Quốc tịch thể hiện mối quan hệ đó.*
GV: Bổ sung nếu HS nêu chưa đầy đủ.	*1. Các quyền của công dân (Hiến pháp 1992). VD:* *- Quyền học tập* *- Quyền nghiên cứu khoa học kĩ thuật.* *- Quyền hưởng chế độ bảo vệ sức khỏe.* *- Quyền tự do đi lại, cư trú.*

	- Quyền bất khả xâm phạm về thân thể. *- Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở.* *2. Nghĩa vụ của công dân đối với nhà nước.* *- Nghĩa vụ học tập.* *- Bảo vệ Tổ quốc.* *- Công dân phải làm nghĩa vụ quân sự.* *- Nghĩa vụ tôn trọng và bảo vệ tài sản của nhà nước và lợi ích công cộng.* *- Nghĩa vụ tuân theo hiến pháp và pháp luật.* *- Nghĩa vụ đóng thuế và lao động công ích.* *3. Trẻ em có quyền và nghĩa vụ:* *- Quyền sống còn.* *- Quyền bảo vệ.* *- Quyền phát triển.* *- Quyền tham gia.* *4. Công dân phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ vì: Đã là công dân Việt Nam thì được hưởng các quyền công dân mà pháp luật quy định. Vì vậy phải thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ công dân đối với nhà nước. Có như vậy quyền công dân mới được đảm bảo.*
GV: Kết luận	***Kết luận:*** *- Công dân Việt Nam có quyền*

	và nghĩa vụ đối với nhà nước cộng hòa XHCN Việt Nam. - *Nhà nước CHXHCN Việt Nam bảo vệ và đảm bảo việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.*

Hoạt động 4

THẢO LUẬN VỀ CÂU CHUYỆN "CÔ GÁI VÀNG CỦA THỂ THAO VIỆT NAM"

HS: Đọc truyện. GV: Từ câu chuyện trên em có suy nghĩ gì về nghĩa vụ học tập và trách nhiệm của người học sinh, người công dân đối với đất nước.	*d. Truyện đọc: Cô gái vàng của thể thao Việt Nam*
HS: Thảo luận và phát biểu ý kiến.	- *HS phải cố gắng phấn đấu học tập tốt để xây dựng đất nước.*
GV: Ghi nhanh ý kiến trao đổi lên bảng.	- *Những tấm gương đạt giải trong các kì thi đã trở thành niềm tự hào, đem lại vinh quang cho đất nước.* - *HS phải cố gắng học để nâng cao kiến thức, rèn luyện phẩm chất đạo đức để trở thành người công dân có ích cho đất nước.*

Hoạt động 5

TÌM HIỂU NỘI DUNG BÀI HỌC

HS: Đọc nội dung bài học SGK - Trang 35.	**2. Nội dung bài học** (SGK - Trang 35)

4. Củng cố

Hoạt động 6

LUYỆN TẬP

GV: Hướng dẫn HS làm bài tập a, b tại lớp.	**3. Bài tập (SGK)** *a) Đáp án: Những trường hợp là công dân Việt Nam* *+ Người Việt Nam đi công tác có thời hạn ở nước ngoài.* *+ Người Việt Nam phạm tội bị tù giam.* *+ Người Việt Nam dưới 18 tuổi.* *b) Hoa là công dân Việt Nam vì Hoa sinh ra và lớn lên ở Việt Nam. Gia đình Hoa thường trú ở Việt Nam đã nhiều năm.*
GV: Tổ chức cho HS chơi trò chơi: Hái hoa dân chủ. GV: Chuẩn bị cây và hoa có chứa câu hỏi. Nội dung câu hỏi như sau: 1. Em hãy hát một bài hát về quê hương mà em thích. 2. Em hãy kể một câu chuyện về một tấm gương sáng trong học tập, thể thao hoặc bảo vệ Tổ quốc mà em biết. 3. Em hãy hát một bài hát ca ngợi người anh hùng mà em thích nhất. HS: Lần lượt hái câu hỏi trên cây và thực hiện yêu cầu câu hỏi. GV: Nhận xét và cho điểm HS thực hiện tốt yêu cầu của câu hỏi.	*c) Thực hiện trò chơi*

GV kết luận toàn bài.

Điều 49 Hiến pháp 1992 quy định: Công dân là người dân của một nước. Quốc tịch là căn cứ xác định công dân của một nước, thể hiện mối quan hệ giữa nhà nước và công dân đó. Công dân nước Cộng hoà XHCN Việt Nam là người có quốc tịch Việt Nam.

Mỗi cá nhân đều có quyền có quốc tịch. Việc công nhận, thay đổi nhập quốc tịch, thôi quốc tịch Việt Nam được thực hiện theo trình tự thủ tục do pháp luật về quốc tịch quy định.

5. Dặn dò

- Làm bài tập c, d, đ (SGK)
- Chuẩn bị bài 14.

Bài 14 (*2 tiết*)

THỰC HIỆN TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Hiểu tính chất nguy hiểm và nguyên nhân phổ biến của các vụ tai nạn giao thông.
- Tầm quan trọng của trật tự an toàn giao thông.
- Hiểu những quy định cần thiết về trật tự an toàn giao thông.
- Hiểu ý nghĩa của việc chấp hành trật tự an toàn giao thông và các biện pháp bảo đảm an toàn khi đi đường.

2. Thái độ

- Có ý thức tôn trọng trật tự an toàn giao thông; ủng hộ những việc làm tôn trọng trật tự an toàn giao thông và phản đối những việc làm không tôn trọng trật tự an toàn giao thông.

3. Kĩ năng

- Nhận biết được một số dấu hiệu chỉ dẫn giao thông thông dụng và biết xử lí một số tình huống khi đi đường thường gặp.
- Biết đánh giá hành vi đúng hay sai của người khác về thực hiện trật tự an toàn giao thông; thực hiện nghiêm chỉnh trật tự an toàn giao thông và nhắc nhở bạn bè cùng thực hiện.

B. PHƯƠNG PHÁP

- Thảo luận nhóm.
- Tổ chức trò chơi sắm vai.
- Xử lí tình huống.

C. CÁC TÀI LIỆU - PHƯƠNG TIỆN

- Luật Giao thông đường bộ.
- Nghị định số 39/CP ngày 13/07/2001
- Các số liệu cập nhật của các vụ tai nạn và số người thương vong trong cả nước, tại địa phương.
- Bộ biển báo giao thông (đủ 4 loại).
- Bộ tranh, ảnh tạo tình huống.
- Đèn chiếu hắt, máy video (nếu có).

D. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ

Giáo viên: Có tình huống sau: "Mẹ Hoa người Nga, bố người Việt Nam. Hoa sinh ra tại Nga. Lên 5 tuổi, cả nhà về Việt Nam sinh sống" Vậy, Hoa có được nhập quốc tịch Việt Nam để trở thành công dân Việt Nam không? Vì sao?

3. Bài mới

Giới thiệu bài: Có một số nhà nghiên cứu nhận định rằng: "sau chiến tranh và thiên tai thì tai nạn giao thông là thảm hoạ thứ 3 gây ra cái chết và thương vong cho loài người". Vì sao họ lại khẳng định như vậy? Và chúng ta phải làm gì để khắc phục tình trạng đó? Hôm nay, cô trò chúng ta cùng nhau tìm hiểu bài "Thực hiện trật tự an toàn giao thông (ATGT)"

Hoạt động của GV và HS	***Nội dung cần đạt***
Hoạt động 1 TÌM HIỂU TÌNH HÌNH TẠI NẠN GIAO THÔNG HIỆN NAY	
HS: Xem băng hình hoặc tranh ảnh về tai nạn giao thông. GV: Qua đoạn băng hình em có suy nghĩ gì? HS: Phát biểu suy nghĩ và bày tỏ cảm xúc. GV: Giới thiệu bảng số liệu thống kê con số tai nạn và số người chết, bị thương	**1. Tình hình tai nạn giao thông hiện nay** ** Trong cả nước.* ** Tại địa phương.*

trong cả nước và tại Hà Nội. (Phần tư liệu tham khảo) HS: 1 HS đọc to cho cả lớp nghe. GV: Qua những số liệu thống kê, em có nhận xét gì về chiều hướng tăng, giảm các vụ tai nạn giao thông và thiệt hại về người do tai nạn giao thông gây ra? HS: Cá nhân trình bày.	→ *con số vụ TNGT có số người chết và bị thương ngày càng gia tăng.*

Hoạt động 2:

TÌM HIỂU NGUYÊN NHÂN

GV: Theo em những nguyên nhân nào dẫn đến tình trạng tai nạn giao thông nhiều như hiện nay? HS: Thảo luận nhóm để trả lời.	* ***Nguyên nhân*** *- Dân cư tăng nhanh.* *- Các phương tiện tham gia giao thông càng ngày càng phát triển.* *- Quản lí của nhà nước về giao thông còn nhiều hạn chế.*
Trong đó nguyên nhân nào là nguyên nhân chính? Thảo luận nhóm để trả lời.	*- Ý thức của những người tham gia giao thông.* ***Nguyên nhân chủ yếu:*** *- Sự thiếu hiểu biết của người tham gia giao thông* *- Ý thức kém khi tham gia GT*

Hoạt động 3

TÌM HIỂU CÁC TÍN HIỆU ĐÈN GIAO THÔNG

GV: Khi tham gia giao thông đường bộ em thấy có những kiểu đèn tín hiệu nào? HS: Cá nhân trả lời. GV: Mỗi đèn tín hiệu đó có ý nghĩa gì? HS: Cá nhân trả lời. GV: Đưa 1 bức ảnh/ tranh 1 người vi phạm giao thông: Đến ngã tư, đèn đỏ nhưng người đó vẫn cứ đi.	**2. Một số quy định về đi đường** *a. Các loại tín hiệu giao thông* ** Đèn tín hiệu giao thông.* *- Đèn đỏ* *- Đèn vàng* *- Đèn xanh*

	- Đèn đỏ -> Cấm đi *- Đèn vàng -> Đi chậm lại* *- Đèn xanh -> Được đi*

Hoạt động 4

TÌM HIỂU CÁC LOẠI BIỂN BÁO GIAO THÔNG

GV: Phát cho mỗi nhóm HS 1 bộ biển báo gồm 4 loại cơ bản để lẫn lộn. HS: Quan sát các biển báo. GV: Dựa vào màu sắc và hình khối, hãy phân loại các biển báo? Và cho biết vì sao em lại phân nhóm như vậy? HS: Thực hiện phân loại, chỉ ra từng đặc điểm. GV: Vậy mỗi loại biển báo này có ý nghĩa gì? HS: Trình bày cá nhân. GV: Giới thiệu: Điều 10- Luật giao thông đường bộ (ý nghĩa các loại biển báo) HS: Quan sát 1 bức tranh người đi vào đường một chiều sai biển báo. GV: Người tham gia giao thông có hành vi nào sai phạm? Vì sao? HS: Cá nhân trả lời.	** Các loại biển báo giao thông.* *- Có 4 loại:* *+ Biển báo cấm: Hình tròn, viền đỏ.* *+ Biển báo hiệu lệnh: Hình tròn, nền xanh lam.* *+ Biển báo nguy hiểm: hình tam giác, viền đỏ.* *+ Biển chỉ dẫn: Hình chữ nhật / hình vuông, nền xanh lam.*

TIẾT 2

Hoạt động của GV và HS	***Nội dung cần đạt***

Hoạt động 1

XỬ LÝ TÌNH HUỐNG

GV: Đưa ra tình huống 1: Tan học về giữa trưa, đường vắng, muốn thể hiện với các bạn mình, Hưng đi xe đạp thả hai tay và đánh võng, lượn lách. Không may, xe Hưng vướng phải quang gánh của 1 bác bán rau đi bộ cùng chiều dưới lòng đường.	*b. Đảm bảo trật tự ATGT:* ** Đường bộ* *- Hưng vi phạm: thả hai tay, đánh võng, lượn lách, va phải người đi bộ.* *- Người bán rau vi phạm: đi bộ dưới lòng đường.*

Câu hỏi

Hãy thử đặt địa vị mình là một người công an, em sẽ giải quyết việc này như thế nào?

HS: Tự lực giải quyết tình huống.

Giới thiệu Điều 30 - Luật Giao thông đường bộ.

GV: Đưa 1 ảnh vi phạm về đi bộ sai tín hiệu đèn báo giao thông.

Nhận xét hành vi của người tham gia giao thông.

HS: Quan sát và trả lời câu hỏi.

GV: Từ tình huống 1 và tranh vẽ chúng ta rút ra bài học gì khi đi bộ trên đường?

HS: Thảo luận nhóm rút ra bài học.

- Đối với người đi bộ

+ Phải đi trên hè phố, lề đường; không có lề thì đi sát mép đường.

+ Đi đúng phần đường quy định

+ Đi theo tín hiệu giao thông.

GV: Đưa ra tình huống 2:

Một nhóm 7 bạn học sinh đi trên 3 chiếc xe đạp. Các bạn đi hàng 3, có lúc 3 xe còn kéo, đẩy nhau.

Gần đến ngã tư, khi cả 3 xe vẫn chưa đi tới vạch dừng, đèn vàng sáng, cả 3 tăng tốc tạt qua đầu một chiếc xe máy đang chạy để rẽ vào đường ngược chiều.

Câu hỏi:

Theo em, các bạn HS này đã vi phạm những lỗi gì về trật tự an toàn giao thông?

HS: Trả lời cá nhân.

- Nhóm HS này vi phạm trật tự an toàn giao thông: Đèo 3, đi hàng 3, kéo, đẩy nhau, không tuân thủ tín hiệu đèn giao thông và biển báo giao thông (đèn vàng sáng phải dừng, rẽ vào đường ngược chiều, tạt qua đầu xe cơ giới).

Giới thiệu Điều 29 - Luật giao thông đường bộ;

Từ tình huống 2 chúng ta rút ra bài học gì khi điều khiển xe đạp trên đường?

HS: Thảo luận nhóm trả lời câu hỏi

Đưa 2 ảnh vi phạm về đi xe đạp sai phần đường, sai chiều.

- Đối với người điều khiển xe đạp: ***Không***

Hãy phát hiện những sai phạm qua 2 bức tranh? HS: Trả lời theo nhận biết cá nhân.	*+ Đèo 3* *+ Đi hàng 3* *+ Kéo, đẩy nhau.* *+ Phóng nhanh, vượt ẩu.* *+ Lượn lách, đánh võng.* *+ Thả 2 tay.* *+ Rẽ trước đầu xe cơ giới.* ***Phải*** *+ Đi đúng phần đường* *+ Đi đúng chiều*
GV: Bao nhiêu tuổi thì được phép điều khiển xe cơ giới? HS: Trả lời.	*+ Đi bên phải* *+ Tránh bên phải* *+ Vượt bên trái* *- Đối với người điều khiển xe cơ giới*
GV: Có thể hỏi mở rộng: Khi đi tàu, chúng ta có thường được nhân viên trên tàu nhắc nhở điều gì? HS: Trả lời cá nhân. GV: Giới thiệu thêm (đưa hình ảnh minh hoạ) HS: Quan sát, nhận xét.	*- Trẻ em dưới 16 tuổi không được điều khiển xe cơ giới.* ** Đường sắt* ***Không*** *- Thả gia súc, chơi đùa trên đường sắt.* *- Thò đầu, tay chân ra ngoài khi tàu chạy.* *- Không ném các vật nguy hiểm lên tàu và ngược lại.*

Hoạt động 2

LUYỆN TẬP: LIÊN HỆ THỰC TẾ

GV: Chúng ta vừa cùng nhau tìm hiểu những quy định cơ bản của Luật Giao thông để giúp các em hiểu và thực hiện tốt, góp phần đảm bảo trật tự an toàn giao thông. GV: Em nào có thể kể cho cô biết ở khu	

phố em, trường lớp em đã có những hoạt động, việc làm gì để hưởng ứng tích cực tháng an toàn giao thông? Theo dõi những việc làm của Nhà nước nhằm bảo đảm trật tự an toàn giao thông. HS: Tự trả lời theo sự nhận biết của cá nhân. ***Dẫn:*** *Như chúng ta đã thấy trật tự an toàn giao thông là vấn đề đáng quan tâm của mọi người, mọi nhà, mọi tầng lớp trong xã hội. Chúng ta cũng được biết Đảng và Nhà nước rất quan tâm đến vấn đề này. Để hưởng ứng các phong trào nhằm đảm bảo trật tự an toàn giao thông thì "Trách nhiệm của Học sinh sẽ là gì?" Chúng ta vào phần 3.*	- ở nơi cư trú. - ở trường học, lớp học. - ở nơi công cộng.

Hoạt động 3

HOẠT ĐỘNG NHÓM. LIÊN HỆ BẢN THÂN

GV: Chia nhóm HS và nêu câu hỏi thảo luận: Bản thân các em đã làm gì để góp phần đảm bảo trật tự an toàn giao thông? HS: Thảo luận theo nhóm và ghi ý kiến của nhóm mình vào giấy A2. GV: Gắn phiếu trả lời của các nhóm lên bảng, yêu cầu đại diện từng nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét đóng góp ý kiến.	**3. Trách nhiệm của học sinh đối với trật tự ATGT.** - Học và thực hiện đúng theo những quy định của Luật Giao thông. - Tuyên truyền những quy định của Luật giao thông. - Nhắc nhở cho mọi người cùng thực hiện nhất là các em nhỏ. - Lên án tình trạng cố tình vi phạm Luật giao thông.

4. Củng cố

Hoạt động 4

TỔ CHỨC TRÒ CHƠI

Thi: Xử lí tình huống.

Hình thức:

- Có 3 tình huống tham gia giao thông.
- 3 nhóm bốc thăm.

Tranh 1: Theo tín hiệu đèn giao thông ai được phép đi?

Tranh 2: - Giải thích biển báo.

- Hướng nào xe đạp được phép đi.

Tranh 3: - Giải thích các biển báo.

- Theo hướng mũi tên những hướng nào xe đạp đi được?
- Các nhóm giải quyết, cử 1 bạn lên trình bày.
- Nhóm nào giải quyết nhanh chóng, đầy đủ, đúng nhất sẽ thắng cuộc.

Thi: Ai nhanh mắt, nhanh trí.

(?) Nhận biết các sai phạm qua xa hình.

- Các nhóm lên thực hiện.

Chơi: Sắm vai theo tình huống.

- GV chiếu *tình huống sắm vai* lên màn hình.

Trên đường đi học về, Tú đèo Bảo và Quốc vừa đi xe vừa đánh võng, vừa hò hét giữa trưa vắng. Đến ngã tư, Tú vẫn lao xe nhanh. Bỗng có cụ già qua đường, do không chú ý nên các bạn đã va phải cụ.

- Hãy đánh giá hành vi của các bạn khi tham gia giao thông?
- Nếu là 1 trong 3 bạn HS đó em sẽ làm gì?

Luyện tập

- *Đánh giá hành vi đúng hay sai của người khác về thực hiện trật tự an toàn giao thông.*
- *Nhận biết một số dấu hiệu chỉ dẫn giao thông thông dụng và xử lí một số tình huống thường gặp khi đi đường.*

- Nếu là người qua đường thấy sự việc như vậy em sẽ làm gì?

Vai thể hiện:

- 3 HS đèo nhau (Nói chuyện cười đùa ầm ỹ trên đường).
- 1 cụ già qua đường.

Hai nhóm thi sắm vai theo tình huống và xử lí tình huống.

HS: Thảo luận và giải quyết tình huống.

GV: Sau bài học này em có thể gửi cho các bạn HS cả nước "Một bức thông điệp" với nội dung về trật tự an toàn giao thông.

GV kết luận toàn bài.

Những con số kinh hoàng về thương vong do tai nạn giao thông đem đến đã là nỗi đau nhức nhối cho toàn xã hội. Phải làm gì để giảm đi tệ nạn này. Điều này tùy thuộc vào mỗi cá nhân của chúng ta. Hãy nâng cao ý thức tham gia giao thông, tôn trọng luật giao thông. Có như vậy mới mang lại hạnh phúc cho mình, người khác và toàn xã hội.

5. Dặn dò

- Học thuộc bài mới.
- Sưu tầm các quy định xử phạt hành chính về hành vi vi phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ.
- Chuẩn bị tình huống tiểu phẩm / tranh cho giờ ngoại khóa (Chuẩn bị theo mỗi tổ).
- Cho HS lên hát bài: "Từ một ngã tư đường phố".
- Tình huống sắm vai: Tên đường đi học về bạn Tú đèo Bảo và Quốc đi xe, vừa đánh võng, cười đùa giữa trưa nắng. Đến ngã tư các bạn vẫn lao xe nhanh. Bỗng có một cụ già qua đường, do không chú ý nên các bạn đã va phải cụ.

  Vai thể hiện:

  - 3 bạn Tú, Bảo, Quốc.
  - 1 cụ già.
  - 1 bạn nữ (giúp bà cụ ... tự đặt lời thoại).

E. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật giao thông đường bộ

Điều 29: Người điều khiển và ngồi trên xe đạp

1. Người điều khiển xe đạp chỉ được chở tối đa 01 người lớn và 01 trẻ em dưới 7 tuổi; trường hợp trở người bệnh đi cấp cứu hoặc áp giải người phạm tội được chở 2 người lớn.
2. Cấm người đang điều khiển xe đạp có những hành vi sau đây:

   a - Đi xe dàn hàng ngang;

   b - Đi xe lạng lách, đánh võng;

   c - Đi xe vào phần đường dành riêng cho người đi bộ và phương tiện khác; ...

Điều 30: Người đi bộ

1. Người đi bộ phải đi trên hè phố, lề đường; trường hợp đường không có hè phố, lề đường thì người đi bộ phải đi sát mép đường.
2. Nơi không có đèn tín hiệu, có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ, khi qua đường người đi bộ phải quan sát các xe đang đi tới để qua đường an toàn, nhường đường cho phương tiện giao thông đang đi trên đường và chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn khi qua đường.

Điều 10: Hệ thống báo hiệu đường bộ

1. Biển báo hiệu đường giao thông gồm có 5 nhóm, ý nghĩa của từng nhóm như sau:

   a) Biển báo cấm biểu thị các điều cấm.

   b) Biển báo nguy hiểm để cảnh báo những điều nguy hiểm có thể xảy ra.

   c) Biển hiệu lệnh để báo các hiệu lệnh phải thi hành.

   d) Biển chỉ dẫn để chỉ dẫn đường đi hoặc những điều cần biết.

   đ) Biển phụ để thuyết minh bổ sung các loại biển báo cấm, biển báo nguy hiểm, biển hiệu lệnh và biển chỉ dẫn.

3. Đèn tín hiệu giao thông có 3 màu, ý nghĩa từng màu như sau:

   a) Tín hiệu xanh là được đi.

   b) Tín hiệu đỏ là cấm đi.

   c) Tín hiệu vàng là báo hiệu sự thay đổi tín hiệu. Khi đèn vàng bật sáng người điều khiển phương tiện phải cho xe dừng lại trước vạch dừng, trừ trường hợp đã đi quá vạch dừng thì được đi tiếp.

   d) Tín hiệu vàng nhấp nháy là được đi nhưng cần chú ý.

Bài 15 (*2 tiết*)

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ HỌC TẬP

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Hiểu ý nghĩa của việc học tập, hiểu nội dung và nghĩa vụ học tập của công dân.
- Thấy được sự quan tâm của Nhà nước và xã hội đối với quyền lợi học tập của công dân và trách nhiệm của bản thân trong học tập.

2. Thái độ

- Tự giác và mong muốn thực hiện tốt quyền học tập và yêu thích việc học.
- Phấn đấu đạt kết quả cao trong học tập.

3. Kĩ năng

- Phân biệt được những biểu hiện đúng và không đúng trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ học tập; thực hiện đúng những quy định học tập và nghĩa vụ học tập.
- Thực hiện đúng những quy định nhiệm vụ học tập của bản thân.
- Siêng năng, cố gắng cải tiến phương pháp học tập để đạt kết quả tốt.

B. PHƯƠNG PHÁP

- Thảo luận nhóm.
- Xử lý tình huống.
- Sử dụng bài tập trắc nghiệm.

C. CÁC TÀI LIỆU - PHƯƠNG TIỆN

- Hiến pháp năm 1992 (Điều 52)

- Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em (Điều 10)
- Luật Giáo dục (Điều 9)
- Luật Phổ cập giáo dục tiểu học (Điều 1)
- Tranh ảnh, băng hình về những hình thức học tập khác nhau (nếu có).
- Những số liệu, sự kiện về thực hiện quyền, nghĩa vụ học tập và sự giúp đỡ của Nhà nước, của địa phương trong sự nghiệp phát triển giáo dục.
- Những hình ảnh, tấm gương học tập tiêu biểu.

D. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ

GV :

- Đưa ra 3 bức ảnh vi phạm luật giao thông đường bộ cho HS nhận xét, phát hiện.
- Đưa ra 4 loại biển báo - mỗi loại có 2 biển báo tách rời. Để lẫn lộn sau đó cho HS phân loại, gọi tên.

3. Bài mới

Hoạt động 1

GIỚI THIỆU BÀI

GV: Cho HS quan sát tranh ảnh hoặc băng hình nói về sự quan tâm của Đảng, Bác Hồ đến học tập của thiếu nhi Việt Nam. (Ví dụ: Bác Hồ đến thăm lớp bình dân học vụ; … hoặc các cấp lãnh đạo cao cấp về thăm các trường học như ảnh trang 43 – SGK; tranh bài 15 GDCD 6 do Công ty Thiết bị Giáo dục I sản xuất).

GV: - Em có biết tại sao Đảng và Nhà nước lại rất quan tâm đến việc học tập của công dân hay không?

- Vì đó là quyền lợi và nghĩa vụ phải thực hiện của mỗi công dân Việt Nam đặc biệt là đối với trẻ em đang trong độ tuổi đi học.

TIẾT 1

Hoạt động của GV và HS	*Nội dung cần đạt*
Hoạt động 2 KHAI THÁC NỘI DUNG TRUYỆN	
HS: Đọc truyện "*Quyền học tập của trẻ em ở huyện đảo Cô Tô*" GV lần lượt đưa ra ba câu hỏi : GV: Cuộc sống ở huyện đảo Cô Tô trước đây như thế nào? GV: Điều đặc biệt trong sự đổi thay ở đảo Cô Tô ngày nay là gì? GV: Gia đình, nhà trường và xã hội đã làm gì để tất cả trẻ em Cô Tô được đến trường học tập? HS: Tự nghiên cứu, trả lời cá nhân theo thứ tự từng câu hỏi. HS cả lớp nhận xét bổ sung ý kiến GV nhận xét, kết luận GV: Giới thiệu cho HS một số kiến thức liên quan đến Luật Giáo dục. GV: Chiếu nội dung lên máy HS: Cả lớp theo dõi. GV: Giải thích và đặt câu hỏi cho HS. * Quyền: Điều mà pháp luật hoặc xã hội công nhận cho được hưởng, được làm, được đòi hỏi. * Nghĩa vụ: Việc mà pháp luật hay đạo đức bắt buộc phải làm đối với xã hội, đối với người khác. * Học tập: Học và luyện tập để hiểu biết, để có kĩ năng. * Trẻ em 6 tuổi phải được học lớp 1	**1. Truyện đọc** *- Trước đây trẻ em Cô Tô không có điều kiện để được đi học.* *- Điều đặc biệt là trẻ em đến tuổi đi học đều được đến trường* *- Hiện nay, được Đảng và Nhà nước tạo điều kiện, được sự ủng hộ của các ban nghành, các thầy giáo, cô giáo cùng nhân dân ủng hộ, tạo điều kiện hết mức, nên Cô Tô đã hoàn thành chỉ tiêu chống mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học.*

ngay từ đầu năm học. GV: Kết luận, chuyển ý. Mục tiêu giáo dục là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khoẻ, thẩm mĩ… HS chúng ta cần phải hiểu và thực hiện tốt để xứng đáng là HS của nước Việt Nam XHCN.	

Hoạt động 3

THẢO LUẬN TÌM HIỂU NỘI DUNG BÀI HỌC

GV: Tổ chức cho HS thảo luận nhóm. GV: Chia lớp làm 3 nhóm (chia theo sơ đồ lớp). GV: Giao câu hỏi cho các nhóm. *Nhóm 1:* Theo em tại sao chúng ta phải học tập? *Nhóm 2:* Tầm quan trọng của việc học tập như thế nào? *Nhóm 3:* Môi trường giáo dục của chúng ta là gì? HS: Các nhóm thảo luận. GV: Hướng dẫn các nhóm thảo luận. HS: Cử đại diện các nhóm lên trình bày. HS: Cả lớp nhận xét, bổ sung. GV: Nhận xét và kết luận.	**2.Nội dung bài học** *- Nhóm 1: Học tập là vô cùng quan trọng.* *- Nhóm 2: Có học tập chúng ta mới có kiến thức, có hiểu biết, phát triển toàn diện, trở thành người có ích cho gia đình, xã hội.* *- Nhóm 3:* *3 môi trường giáo dục* *- Gia đình* *- Nhà trường* *- Xã Hội*

HS ghi bài vào vở	*a. Tầm quan trọng của học tập.* *Việc học tập đối với mỗi người là vô cùng quan trọng. Có học tập chúng ta mới có kiến thức, có hiểu biết, được phát triển toàn diện, trở thành người có ích cho gia đình, xã hội.*
GV: Tổ chức cho học sinh thảo luận tình huống để tìm hiểu quy định của pháp luật * GV: ***Tình huống:*** Trên báo có đoạn tin vắn: *"Bạn A - là 1 HS giỏi lớp 5 của trường X bỗng dưng không thấy đi học nữa. Cô giáo chủ nhiệm đến nhà thì thấy mẹ kế của bạn đang đánh và nguyền rủa bạn thậm tệ. Khi cô giáo hỏi lí do không cho bạn đi học thì được biết là do nhà đang rất thiếu người phụ bán hàng".* ***Câu hỏi:*** - Em hãy nhận xét sự việc trên? - Nếu em là bạn của A sẽ làm gì giúp A để bạn được tiếp tục đi học? HS: Thảo luận nhóm, giải quyết tình huống.	*b. Quy định của pháp luật* *- Học tập là quyền của công dân.*
GV: ***Giới thiệu:*** - Điều 59 (trích) Hiến pháp 1992. - Điều 10 - Luật bảo vệ và chăm sóc và giáo dục trẻ em. - Điều 1 - Luật phổ cập giáo dục tiểu học HS: Tự rút ra bài học. * GV: Kết luận Học tập vô cùng quan trọng. Trẻ em	**** Quyền:*** *- Học không hạn chế.* *- Học bằng nhiều hình thức.* **** Nghĩa vụ:*** *- Trẻ em từ 6 – 14 tuổi bắt buộc hoàn thành bậc Giáo dục tiểu học (lớp 1 đến lớp 5).* *- Gia đình có nghĩa vụ tạo điều kiện cho con em hoàn thành nghĩa vụ học tập.*

có quyền học tập và đồng thời có nghĩa vụ học tập tốt, phấn đấu trở thành người công dân tốt, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.	

TIẾT 2

Hoạt động của GV và HS	*Nội dung cần đạt*
HOẠT ĐỘNG 4 XỬ LÝ TÌNH HUỐNG TÌM HIỂU NỘI DUNG BÀI HỌC	
GV: Đặt vấn đề. Nền giáo dục Việt Nam là nền giáo dục Xã hội chủ nghĩa. Giáo dục nhà trường kết hợp giáo dục gia đình và giáo dục xã hội. Nhà nước thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục. GV: Đưa ra tình huống để giúp HS hiểu được trách nhiệm của Nhà nước.	
GV: ***Tình huống:*** Ở lớp 6 nọ, An và Khoa tranh luận với nhau về quyền học tập. An nói: - Học tập là quyền của mình thì mình học cũng được mà không học cũng chẳng sao, không ai bắt được mình ! Còn Khoa nói: - Tớ chẳng muốn học ở lớp này tý nào vì toàn các bạn nghèo, quê ơi là quê. Chúng nó lẽ ra không được đi học mới đúng. *Câu hỏi:* - Hãy nhận xét câu nói của 2 bạn An và Khoa. - Ý kiến của em về việc học là gì? HS: Thảo luận nhóm, giải quyết tình huống.	*c) Trách nhiệm của Nhà nước*
GV: Em có biết nhờ đâu mà những trẻ em	*- Nhà nước tạo điều kiện cho*

nghèo lại có điều kiện đi học không? HS: Trả lời. GV: Giới thiệu Điều 9 - Luật Giáo dục	*các em học hành: mở mang hệ thống trường lớp, miễn phí cho học sinh tiểu học, giúp đỡ trẻ em khó khăn…*

Hoạt động 5

LUYỆN TẬP: LIÊN HỆ THỰC TẾ

GV: Đọc Bài tập a - SGK.	**3. Bài tập**
HS: Trình bày cá nhân.	*a.*
GV: Đọc bài tập b - SGK	*> Liên hệ*
HS: Trình bày: + Kể + Đọc từ sách báo sưu tầm được.	*b.*
GV: Em thấy bạn có đức tình gì đáng quý, đáng học hỏi? HS: Trình bày suy nghĩ của mình. GV: Kết luận. GV: Yêu cầu lập kế hoạch rèn luyện, phấn đấu về đạo đức và học tập cho bản thân. HS: Lập kế hoạch theo nhóm.	*Để thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ học tập, phải say mê, kiên trì và tự lực, phải có phương pháp học tập.*
GV: Đọc bài tập c - SGK Cho học sinh thảo luận. HS: Đưa ra những hình thức học tập. (Tự ghi ý thảo luận của nhóm vào vở).	*c.* *- Với trẻ khuyết tật có thể học ở những trường mà Nhà nước dành riêng cho họ, như: Trường cho trẻ mù Nguyễn Đình Chiểu, trường cho trẻ câm điếc Xã Đàn… lớp học tình thương cho trẻ tật nguyền…* *- Với trẻ có hoàn cảnh khó khăn:* *+ Ngày đi làm, tối học ở trung tâm giáo dục thường xuyên.* *+ Học ở trung tâm vừa học vừa làm.*

HS: Đọc bài tập d - SGK. GV: Yêu cầu HS trả lời. GV: Đọc bài tập đ - SGK. HS: Thảo luận, tự ghi ý thảo luận vào vở. Cử 1 thành viên trong nhóm trình bày.	*+ Tự học qua sách báo, bạn bè, qua chương trình giáo dục từ xa trên truyền hình.* *+ Học tại lớp học tình thương.* *đ. Ý đúng:* *- Ngoài giờ học ở trường, có kế hoạch tự học ở nhà, lao động giúp cha mẹ, vui chơi giải trí, rèn luyện thân thể.* *Tức là phải cân đối giữa nhiệm vụ học tập với nhiệm vụ khác, phải có phương pháp học tập đúng đắn.*

4. Củng cố

Hoạt động 6

THI ĐẤU GIỮA CÁC NHÓM

GV: Vận dụng bài tập e - SGK. Đọc bài tập e HS: Gọi theo thứ tự quay vòng từ nhóm 1 đến nhóm n. - Nhóm nào đến lượt mà không trả lời được thì thua. - Nhóm nào đến tận cuối cùng vẫn có câu tục ngữ, ca dao hay danh ngôn thì nhóm đó thắng cuộc.	

GV kết luận toàn bài.

Nền giáo dục Việt Nam là nền giáo dục XHCN, có tính nhân văn, dân tộc, khoa học, hiện đại. Lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng. Để đảm bảo quyền lợi cho học tập, luật pháp nước ta quy định quyền và nghĩa vụ của mỗi công dân. Những quy định, trách nhiệm đó thể hiện tính nhân đạo của pháp luật nước ta.

Chúng ta phải thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ học tập của mình và luôn luôn phấn đấu như lời dạy của V.I. Lênin: “Học, Học nữa, Học mãi”.

5. Dặn dò

- Học bài và xem trước bài sau.
- Tự xây dựng tình huống sắm vai đố tài theo chủ đề tiết học sau.

Tài liệu tham khảo:

- ***Danh ngôn:***

  Kiến thức là chìa khoá vạn năng mở ra tất cả các cửa.

  A.PHƠ-RĂNG-XƠ

  (Nhà văn Pháp)

  Các điều chúng ta biết chỉ là một giọt nước

  Các điều chúng ta chưa biết là cả một đại dương.

  I.NIU-TƠN

- ***Hiến pháp 1992:***

  “Học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân. Công dân có quyền học văn hoá và học nghề bằng nhiều hình thức” … (Trích Điều 59).

- ***Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em (12/08/1991)***

  “Trẻ em có quyền được học tập và học hết chương trình giáo dục phổ cập. Trẻ em học bậc tiểu học trong các trường, lớp quốc lập không phải trả học phí. Cha mẹ, người đỡ đầu có trách nhiệm tạo điều kiện tốt cho con em học tập. Nhà nước có chính sách đảm bảo quyền học tập của trẻ em, khuyết khích trẻ em học tập tốt và tạo điều kiện để trẻ em phát triển năng khiếu” (Điều10).

- ***Luật Phổ cập giáo dục tiểu học (1991)***

  “ Nhà nước thực hiện chính sách phổ cập giáo dục bắt buộc từ lớp 1 đến hết lớp 5 đối với tất cả trẻ em ở Việt Nam trong độ tuổi từ 6 đến 14 tuổi” (Điều 1).

- ***Luật Giáo dục (02/12/1998)***

  “Học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân. Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội hoặc hoàn cảnh kinh tế đều bình đẳng về cơ hội học tập…” (Trích Điều 9).

Bài 16 (*2 tiết*)

QUYỀN ĐƯỢC PHÁP LUẬT BẢO HỘ VỀ TÍNH MẠNG, THÂN THỂ, SỨC KHỎE, DANH DỰ VÀ NHÂN PHẨM

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Hiểu những quy định của pháp luật về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, thân thể, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm.
- Hiểu đó là tài sản quý nhất của con người, cần giữ gìn, bảo vệ.

2. Thái độ

- Có thái độ quý trọng tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của bản thân. Đồng thời tôn trọng tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của người khác.

3. Kĩ năng

- Biết tự bảo vệ mình khi có nguy cơ bị xâm hại thân thể, danh dự, nhân phẩm.
- Không xâm hại đến người khác.

B. PHƯƠNG PHÁP

- Xử lí tình huống.
- Thảo luận nhóm.
- Tổ chức trò chơi.

C. CÁC TÀI LIỆU - PHƯƠNG TIỆN

- Hiến pháp 1992.

- Bộ luật Hình sự 1999.
- Bút dạ, giấy khổ to.
- Tranh bài 16 Bộ tranh GDCD 6 do Công ty Thiết bị Giáo dục I sản xuất.
- Đèn chiếu.

D. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Ổn định tổ chức.

2. Kiểm tra bài cũ:

- Một bạn HS có ý kiến như sau: "Là HS chỉ có việc học còn các việc khác khỏi bận tâm, vướng lòng".
- Có bạn nghe thấy nhanh nhẩu nói: "Này! Cậu không nhớ ở bài Công ước về Quyền trẻ em à? Ngoài giờ học chúng ta cũng được vui chơi thoải mái nữa chứ!".

Em có ý kiến gì trước cuộc trao đổi này?

3. Bài mới

Hoạt động của GV và HS	***Nội dung cần đạt***

Hoạt động 1

GIỚI THIỆU BÀI

GV: Đưa ra một số tình huống (Chiếu tình huống lên máy).

Tình huống 1: Anh B đi xe máy không giấy phép, vượt đèn đỏ gây tai nạn chết người nhưng đã bỏ chạy, trốn tránh pháp luật.

Tình huống 2: Bác sĩ Nguyễn Văn T chữa bệnh không có giấy phép, không có trình độ chuyên môn, gây hậu quả chết người.

Tình huống 3: Chị Nga vợ anh Lưu rất hay ghen. Một hôm chị bắt gặp anh lai một cô gái, chị vội xông ra chặn xe đánh đập, xé quần áo, chửi rủa cô gái kia ầm ĩ ngay giữa phố.

Tình huống 4: Nhà nghèo, mới 14 tuổi, Na đã bị cha ép gả cho một người Đài Loan hơn Na gần 30 tuổi để lấy 5 triệu đồng.

Tình huống 5: Một số HS nam trường THPT tụ tập trêu chọc, doạ nạt HS nữ trường THCS, bắt các em nộp tiền, trang sức mới cho đi.

GV: Các tình huống trên theo các em nói lên điều gì?

GV: Để tìm hiểu kĩ hơn và phân tích các tình huống đó, chúng ta học bài hôm nay

Hoạt động 2

KHAI THÁC NỘI DUNG TRUYỆN TRONG SGK

GV: Tổ chức cho HS đọc truyện và phân tích truyện dựa trên các câu hỏi sau: - Vì sao ông Hùng gây nên cái chết cho ông Nở? - Hành vi đó của ông Hùng có phải cố ý không? - Việc ông Hùng bị khởi tố chứng tỏ điều gì? - Theo em đối với con người cái gì quý giá nhất? Vì sao? HS: Trả lời lần lượt từng câu hỏi. HS: Tự rút ra kết luận. GV: Giới thiệu Điều 93 - Bộ luật Hình sự	**1. Truyện đọc** - *Ông Hùng đã phạm tội xâm hại đến tính mạng của người khác.* **2. Nội dung bài học** a. *Đối với con người thì thân thể, tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm là quý giá nhất.* - *Mọi việc làm xâm phạm đến thân thể, tính mạng của người khác đều là phạm tội và đều bị xử phạt nghiêm khắc.*

Hoạt động 3

TÌM HIỂU VỀ QUYỀN ĐƯỢC PHÁP LUẬT BẢO HỘ VỀ THÂN THỂ, TÍNH MẠNG, SỨC KHOẺ, DANH DỰ VÀ NHÂN PHẨM

Tình huống

GV: Chia nhóm HS và nêu tình huống sau: Nam và Sơn là học sinh lớp 6B ngồi cạnh nhau. Một hôm, Sơn bị mất chiếc bút máy rất đẹp vừa mua. Tìm mãi không thấy, Sơn đổ tội cho Nam lấy cắp. Nam và Sơn to tiếng, tức quá Nam đã xông vào đánh Sơn chảy cả máu mũi. Cô giáo đã kịp mời 2 bạn lên phòng hội đồng kỉ luật.

Câu hỏi: - Nhận xét cách ứng xử của hai bạn? - Nếu là một trong hai bạn, em sẽ xử sự như thế nào? - Nếu là bạn cùng lớp của Sơn và Nam em sẽ làm gì? HS: Thảo luận nhóm - cử đại diện trình bày theo thứ tự các câu hỏi. GV: Cho mỗi nhóm trình bày một câu hỏi. Các nhóm khác nghe nhận xét, bổ sung. GV: Mở rộng: Nếu sự việc trầm trọng hơn sẽ bị xử lí theo pháp luật. GV: Giới thiệu Điều 121,122,104 - Bộ luật Hình sự.	*- Sơn sai: Vì chưa có chứng cứ đã khẳng định Nam ăn cắp → Như vậy là xâm hại đến danh dự, nhân phẩm của bạn.* *- Nam sai: vì không khéo léo giải quyết mà đánh Sơn chảy máu → Như vậy Nam đã xâm hại bất hợp pháp đến thân thể Sơn, làm ảnh hưởng đến sức khoẻ của Sơn.*

Hoạt động 4

HS TỰ NGHIÊN CỨU NỘI DUNG BÀI HỌC ĐỂ NẮM ĐƯỢC NỘI DUNG TRỌNG TÂM CỦA BÀI

HS: Đọc phần a - SGK GV: Em hiểu bảo hộ là gì? HS: Trả lời. GV: Giới thiệu Điều 71- Hiến pháp 1992.	
HS: Đọc các quy định.	*Là che chở, bảo vệ.*
GV: Em hãy nêu một ví dụ về việc vi phạm luật bảo hộ về ttính mạng, thân thể, danh dự và nhân phẩm của con người mà em biết. HS: Nêu ví dụ. GV: Thái độ của em ra sao trước sự việc đó? HS nào kể, HS đó trả lời.	

TIẾT 2

Hoạt động của GV và HS	*Nội dung cần đạt*

Hoạt động 1

HÌNH THÀNH Ý THỨC TRÁCH NHIỆM CỦA BẢN THÂN VÀ KĨ NĂNG NHẬN BIẾT, ỨNG XỬ

GV: Vận dụng tình huống trong bài tập b-SGK. HS: Đọc. GV: Nêu các câu hỏi. - Trong tình huống trên, ai vi phạm pháp luật? Vi phạm điều gì? - Theo em, Hải có thể có cách ứng xử nào? HS: Thảo luận nhóm để đưa ra phương án giải quyết. Càng nhiều phương án càng tốt. GV: Liệt kê cách ứng xử mà học sinh lựa chọn lên bảng. HS: Đọc các cách ứng xử trên bảng một lần. GV: Trong những cách giải quyết đó, theo em cách nào là đúng nhất ? Vì sao? HS: Trả lời. GV kết luận: Từ đó, chúng ta phải có trách nhiệm gì đối với quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, thân thể, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm?	*- Tuấn vi phạm pháp luật: đã chửi và rủ người đánh Hải (lôi kéo người khác cùng phạm tội) → Xâm phạm danh dự và thân thể, sức khoẻ của Hải.* *- Anh trai Tuấn sai: vì không những không can ngăn em mà lại tiếp tay cho Tuấn đã sai lại càng sai hơn.* *b. Trách nhiệm* *- Chúng ta phải biết tôn trọng tính mạng, thân thể, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của người khác.* *- Phải biết tự bảo vệ quyền của mình; phê phán, tố cáo những việc làm sai trái với quy định của pháp luật.*

Hoạt động 2

LÀM BÀI TẬP. VẬN DỤNG KIẾN THỨC VÀO CUỘC SỐNG. RÈN KĨ NĂNG LẬP LUẬN

HS: Đọc Bài tập c - SGK.	**3. Bài tập** c. *Cách ứng xử đúng: Hà tỏ thái độ phản đối nhóm con*

HS: Tự trả lời. GV: Vì sao em chọn cách ứng xử đó? HS: Thảo luận. Cử đại diện trong nhóm trình bày. GV: Cho HS đọc và làm bài tập d - SGK HS: Thi phản ứng trả lời câu hỏi nhanh.	*trai và báo với cha mẹ, thầy giáo, cô giáo biết.* *d.* *- Đúng: 3 ý đầu.* *- Sai: 2 ý sau.*

4. Củng cố

Hoạt động 3

TỔ CHỨC TRÒ CHƠI "ĐẾN TRUNG TÂM TƯ VẤN"

GV: Cho các nhóm thi, từ đó tìm ra nhóm nắm bài chắc nhất, lập luận tốt nhất. HS: Các nhóm phân công sắm vai trong tình huống mà các em đã chuẩn bị sẵn ở nhà. (Tình huống của các nhóm phải bí mật để thi tài nhau). Một nhóm lên diễn xuất. Một trong các nhóm còn lại đóng làm tổ "luật sư" trong cơ quan tư vấn Pháp luật. Khi kết thúc diễn, nhóm có tình huống đóng những công dân đến cơ quan tư vấn đặt ra càng nhiều câu hỏi cho cơ quan tư vấn càng tốt để họ giúp giải quyết tình huống. GV: Tổ chức trò chơi tuần hoàn sao cho nhóm nào cũng được làm công dân đến nhờ tư vấn và làm tổ "luật sư". HS: Các nhóm thức hiện nhập vai. Cho điểm nhóm có tình huống hay, diễn xuất tốt, là "luật sư" giỏi nhất.	*Củng cố lại kiến thức bài học.*

GV kết luận toàn bài.

- Tính mạng, thân thể, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm là thứ quý giá nhất, quan trọng nhất của mỗi cá nhân.

- Pháp luật nước ta quy định: công dân có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền được pháp luật bảo vệ về tính mạng, thân thể, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm.

- Xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của người khác là hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền tự do về nhân thân của cá nhân.

- Chúng ta với tư cách là một công dân của nước Việt Nam XHCN, chúng ta phải sống và làm việc theo pháp luật - để tự bảo vệ mình, bảo vệ xã hội - để xã hội ta ngày một tốt đẹp hơn.

5. Dặn dò

- Ôn lại bài.
- Chuẩn bị bài sau.

Tài liệu tham khảo:

- ***Hiến pháp 1992***

Điều 71: "Công dân có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, thân thể, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm".

Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Toà án nhân dân, Quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Việc bắt và giam giữ người phải đúng pháp luật.

Nghiêm cấm mọi hình thức truy bức, nhục hình, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của công dân".

- ***Bộ luật Hình sự:***

* Bộ luật Hình sự quy định tại Chương XII- Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của con người với 30 tội danh cụ thể như:

Điều 93: Tội giết người bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình.

Điều 104: Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khoẻ của người khác.

+ Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác mà tỉ lệ thương tật từ 11% đến 30 %… thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm.

+ Phạm tội gây thương tích, gây tổn hại đến sức khoẻ của người khác mà tỉ lệ thương tật từ 61% trở lên hoặc dẫn đến chết người… thì bị phạt tù từ 5 năm đến 15 năm.

+ Phạm tội dẫn đến chết nhiều người hoặc trong trường hợp nghiêm trọng khác, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.

Điều 121: Tội làm nhục người khác.

Người nào xúc phạm nghiêm trọng đến nhân phẩm, danh dự của người khác, thì bị cảnh cáo cải tạo không giam giữ đến 2 năm hoặc bị phạt tù từ 3 tháng đến 2 năm.

Điều 122: Tội vu khống.

Người nào bịa đặt, lan truyền những điều biết rõ là bịa đặt nhằm xúc phạm đến danh dự hoặc gây thiệt hại đến quyền lợi, lợi ích hợp pháp của người khác… thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến 2 năm hoặc bị phạt tù từ 3 tháng đến 2 năm.

* Chương XIII: *Điều 123*: Tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật:

Người nào bắt giữ hoặc giam người trái pháp luật thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến 2 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 2 năm.

Phạm tội trong trường hợp lợi dụng chức vụ, quyền hạn thì bị phạt tù từ 1 năm đến 5 năm.

Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng thì bị phạt tù từ 3 năm đến 10 năm.

Bài 17 *(1 tiết)*

QUYỀN BẤT KHẢ XÂM PHẠM VỀ CHỖ Ở

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Hiểu và nắm vững những nội dung cơ bản của quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân được quy định trong Hiến pháp của Nhà nước ta.

2. Thái độ

- Biết phân biệt đâu là những hành vi vi phạm pháp luật về chỗ ở của công dân. Biết bảo vệ chỗ ở của mình và không xâm phạm đến chỗ ở của người khác. Biết phê phán, tố cáo những ai làm trái pháp luật, xâm phạm đến chỗ ở của người khác.

3. Kĩ năng

- Có ý thức tôn trọng chỗ ở của người khác, có ý thức cảnh giác trong việc giữ gìn và bảo vệ chỗ ở của mình cũng như chỗ ở của người khác.

B. PHƯƠNG PHÁP

- Phân tích xử lí tình huống.
- Thảo luận lớp, thảo luận nhóm.
- Trò chơi sắm vai.

C. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Hiến pháp 1992.
- Bộ luật Hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1999.
- Bộ luật Tố tụng hình sự năm 1988.

- Tranh bài 17 trong Bộ tranh GDCD 6 do Công ty thiết bị giáo dục I sản xuất.

D. CÁC HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ

1. Pháp luật nước ta đã quy định như thế nào về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, thân thể, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm?
2. Em hãy nêu một số ví dụ về việc vi phạm quyền được pháp luật bảo vệ về tính mạng, thân thể, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của con người mà em biết?
3. Khi thân thể, tính mạng, danh dự bị người khác xâm phạm thì em phải làm gì và làm như thế nào?

3. Bài mới

Giới thiệu bài: Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở là một trong những quyền cơ bản của công dân và được quy định trong Hiến pháp của Nhà nước ta. Vậy công dân có quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở có nghĩa là như thế nào, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu bài học hôm nay.

GV: Ghi tên bài lên bảng.

Hoạt động của GV và HS	***Nội dung cần đạt***
Hoạt động 1 HS THẢO LUẬN, PHÂN TÍCH TÌNH HUỐNG	
**** Cách thực hiện*** GV: Yêu cầu 2 HS đọc tình huống trong SGK. GV: Nêu câu hỏi cho HS thảo luận. a. Chuyện gì đã xảy ra với gia đình bà Hòa? trước sự việc xảy ra như vậy, bà Hòa đã có những suy nghĩ và đã hành động như thế nào ? HS: Thảo luận, phát biểu ý kiến. GV: Ghi nhanh ý kiến của HS lên bảng.	**1. Tình huống** (SGK - Trang 47)

HS: Bổ sung ý kiến.

GV: Nhận xét, chốt lại ý cơ bản.

a. Gia đình bà Hòa

** Mất con gà mái hoa mơ đang độ để trứng.*

+ Bà Hòa nghĩ: chỉ có nhà T bắt trộm.

+ Bà Hòa chửi đổng suốt ngày.

** Mất quạt bàn*

+ Bà Hòa nghĩ: Nhà T lấy cắp chiếc quạt.

+ Bà chạy sang nhà T đòi khám nhà, mẹ con T không cho, bà Hòa nghi ngờ và cứ xông vào khám.

b. Theo em bà Hòa hành động như vậy là đúng hay sai ? Vì sao?

HS: Trao đổi, tranh luận (có thể có ý kiến khác nhau như sau):

1. Bà Hòa cứ xông vào lục lọi, khám xét nhà T.
2. Bà Hòa đi báo chính quyền địa phương.
3. Bà Hòa bỏ về chịu mất quạt.
4. Bà Hòa không được vào khám nhà T.
5. Chỉ ở trường hợp thứ hai bà Hòa mới có quyền khám nhà T.

GV: Hướng dẫn HS xác định ý kiến đúng và đi đến kết luận.

b. Hành động của bà Hòa xông vào khám nhà T là sai, là vi phạm pháp luật.

GV: Cho HS đọc quy định của pháp luật (Điều 73 – Hiến pháp 1992)

- Có thể viết sẵn trên giấy khổ to treo lên bảng.

** Nội dung điều 73 – Hiến pháp 1992 "Công dân có quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở. Không ai được tự ý*

	vào chỗ ở của người khác nếu người đó không đồng ý, trừ trường hợp được pháp luật cho phép...".
GV: Tiếp tục nêu câu hỏi thảo luận. c. Theo em bà Hòa nên làm thế nào để có thể xác minh được nhà T lấy trộm trài sản của mình mà không vi phạm đến quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của người khác ? - HS: Trao đổi ý kiến - HS: Bổ sung ý kiến.	
GV: Chốt vấn đề.	*c. bà Hòa* *- Quan sát, theo dõi.* *- Cần báo với chính quyền địa phương để nhờ can thiệp.* *- Không được tự ý xông vào lục lọi, khám xét nhà người khác. Làm như vậy là vi phạm pháp luật.*
GV: Giới thiệu điều 124 – Bộ luật Hình sự 1999. - Có thể viết sẵn trên giấy khổ to, treo trên bảng.	
HS: Đọc to, cả lớp cùng theo dõi.	** Theo điều 124 – Bộ luật Hình sự 1999. Tội xâm phạm chỗ ở của công dân. "Người nào khám xét trái pháp luật chỗ ở của người khác, đuổi trái pháp luật người khác khỏi chỗ ở của họ hoặc có những hành vi trái pháp luật khác xâm phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến một năm"*

Hoạt động 2

HS TỰ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN NHÓM
VỀ NỘI DUNG BÀI HỌC

**** Mục tiêu:***

HS nắm vững được nội dung cơ bản của quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở.

**** Cách tiến hành:***

GV: Yêu cầu HS tự đọc, nghiên cứu nội dung bài học SGK – tr.47.

HS: Tự nghiên cứu.

GV: Chia lớp thành bốn nhóm.

HS: Thảo luận nhóm theo câu hỏi (mỗi nhóm một câu theo thứ tự):

1. Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân là gì?
2. Những hành vi như thế nào là vi phạm pháp luật về chỗ ở của công dân ?
3. Người vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân sẽ bị pháp luật xử lí như thế nào?
4. Em sẽ làm gì để thực hiện tốt quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.

- Đại diện các nhóm trình bày.
- Lớp trao đổi bổ sung.

GV: Kết luận về nội dung cơ bản của quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.

2. Nội dung bài học (SGK – tr.47)

** Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở là một trong những quyền cơ bản của công dân.*

** Công dân có quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở: Công dân có quyền được các cơ*

quan nhà nước và mọi người tôn trọng chỗ ở, không ai được tự ý vào chỗ của người khác nếu không được người đó đồng ý, trừ trường hợp pháp luật cho phép.

** Chúng ta phải biết tôn trọng chỗ ở của người khác. Phải biết tự bảo vệ chỗ ở của mình và phê phán tố cáo người làm trái pháp luật xâm phạm đến chỗ ở của người khác.*

HS: Đọc lại nội dung cơ bản của bài học SGK.

Hoạt động 3

LUYỆN TẬP QUA TRÒ CHƠI ĐÓNG VAI THEO TÌNH HUỐNG

GV: Tổ chức cho HS đóng vai theo tình huống

**** Mục tiêu:***

Hình thành cho HS thái độ và kĩ năng bảo vệ quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của mình và tôn trọng quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của người khác.

Tình huống 1. Bố mẹ đi vắng, em ở nhà một mình, đang học bài thì có người gõ cửa và muốn vào nhà để kiểm tra đồng hồ điện. Em sẽ làm gì trong tình huống này ?

Tình huống 2. Nhà hàng xóm không có ai ở nhà, nhưng lại thấy có khói bốc lên ở trong nhà, có thể là một cái gì đó bị cháy. Em sẽ làm gì?

**** Cách tiến hành.***

GV: Chia lớp làm 4 nhóm

3. Bài tập d (SGK)

- Nhóm 1 và 3 đóng vai ứng xử tình huống 1. - Nhóm 2 và 4 đóng vai ứng xử tình huống 2. + Các nhóm thảo luận, phân vai. + Các nhóm lên đóng vai. + Lớp trao đổi, rút kinh nghiệm. GV: Kết luận về cách ứng xử cần thiết trong mỗi tình huống. GV: Cho điểm các nhóm có cách ứng xử đúng và hay rút ra kết luận khái quát.	*Chúng ta không cho người lạ, người không có thẩm quyền vào nhà mình, cũng như không tự tiện vào nhà người khác nếu chủ nhà không đồng ý. Trong trường hợp cần thiết, muốn vào nhà người khác phải có sự chứng kiến của nhiều người xung quanh.*

4. Củng cố

Hoạt động 4

TỔ CHỨC TRÒ CHƠI ĐÓNG VAI

GV: Hướng dẫn HS sắm vai theo tình huống SGK trang 47. Phần đối thoại của các nhân vật do ba em sắm vai thể hiện GV: Chọn hai HS đóng vai hai anh công an. 1 HS đóng vai ông chủ nhà có tên là Tá. HS thể hiện tiểu phẩm của mình. GV cho HS cả lớp trao đổi, nhận xét về kết quả diễn xuất và nội dung của tiểu phẩm. GV nhận xét và kết luận.	***Yêu cầu:*** *- Giải thích cho ông Tá về quyền và trách nhiệm bắt kẻ phạm tội...* *- Cử một anh ở lại theo dõi bên ngoài, một anh xin lệnh khám nhà.*

GV kết luận toàn bài.

- Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở là một trong những quyền cơ bản của công dân đối với chỗ ở.

- Công dân có quyền được các cơ quan Nhà nước và mọi người tôn trọng chỗ ở. Không ai được tự ý vào chỗ của người khác nếu không được người đó đồng ý.

- Hiểu được vấn đề này, chúng ta phải có ý thức chấp hành pháp luật. Tôn trọng quyền chỗ ở của người khác. Đồng thời phải biết tự bảo vệ chỗ ở của mình và phê phán, tố cáo người làm trái pháp luật, xâm phạm chỗ ở của người khác.

- HS chúng ta cố gắng thực hiện tốt quy định, pháp luật. Tham gia với tinh thần tự giác, có trách nhiệm, làm việc theo sức của mình, đóng góp cho xã hội sự bình yên hạnh phúc.

5. Dặn dò

- Làm bài tập còn lại, phần đ.
- Đọc trước bài 18.

Tư liệu tham khảo:

1. Hiến pháp 1992, Điều 73.
2. Bộ luật Hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1999. - Điều 124.
3. Bộ luật Tố tụng hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Bài 18 *(1 tiết)*

QUYỀN ĐƯỢC BẢO ĐẢM AN TOÀN VÀ BÍ MẬT THƯ TÍN, ĐIỆN THOẠI, ĐIỆN TÍN

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Hiểu và nắm được những nội dung cơ bản của quyền được bảo đảm an toàn và bí mật về thư tín, điện thoại, điện tín của công dân được quy định trong Hiến pháp của Nhà nước ta.

2. Kĩ năng

- HS có ý thức và trách nhiệm đối với việc thực hiện quyền được đảm bảo an toàn và bí mật về thư tín, điện thoại, điện tín.

3. Thái độ

- Phân biệt được đâu là những hành vi vi phạm pháp luật và đâu là những hành vi thể hiện việc thực hiện tốt quyền được bảo đảm an toàn và bí mật về thư tín, điện thoại, điện tín. Biết phê phán, tố cáo những ai làm trái pháp luật, xâm phạm bí mật và an toàn thư tín, điện thoại, điện tín.

B. PHƯƠNG PHÁP

- Phân tích và xử lý tình huống.
- Thảo luận lớp, thảo luận nhóm.
- Tổ chức trò chơi sắm vai.

C. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Hiến pháp 1992 (Điều 73).

- Bộ luật Hình sự của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 1999 (Điều 125).
- Bộ luật Tố tụng hình sự của nước Cộng hòa XHCN Việt nam năm 1988 (Điều 115 - 119).
- Giấy khổ to, bút dạ.
- Các tình huống về đảm bảo an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.

D. CÁC HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ

1. Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân là gì? Nêu một vài hành vi vi phạm pháp luật về chỗ ở của công dân.
2. Em sẽ làm gì trong trường hợp sau:
   - Đến nhà bạn mượn truyện, nhưng không có ai ở nhà.
   - Quần áo của nhà em phơi trên dây, gió làm bay sang nhà hàng xóm. Em muốn sang lấy về nhưng bên đó không có ai ở nhà.

3. Bài mới

Giới thiệu bài:

- GV ra tình huống cho học sinh tranh luận "Nếu nhặt được thư của bạn, em sẽ làm gì?".
- Sau khi HS đưa ra ý kiến, GV nhận xét ý kiến đúng, sai.
- GV: Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín là một trong những quyền cơ bản của công dân và được quy định trong Hiến pháp của Nhà nước ta. Vậy quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín là gì? Chúng ta sẽ tìm hiểu bài học ngày hôm nay.

Hoạt động của GV và HS	***Nội dung cần đạt***
Hoạt động 1: THẢO LUẬN, PHÂN TÍCH TÌNH HUỐNG	
**** Cách thực hiện:*** GV: Cho HS đọc tình huống trong SGK.	**1. Tình huống** (SGK - Trang 49)

HS: Đọc tình huống. GV: Nêu câu hỏi cho HS thảo luận. 1. Theo em, Phượng có thể đọc thư gửi Hiền mà không cần sự đồng ý của Hiền không? Vì sao? 2. Em có đồng ý với giải pháp của Phượng là đọc xong thư, dán lại rồi mới đưa cho Hiền không? 3. Nếu là Loan em sẽ làm thế nào? HS: Trao đổi, thảo luận, phát biểu ý kiến. GV: Ghi nhanh ý kiến của HS lên bảng. HS: Nhận xét, bổ sung ý kiến.	
GV: Nhận xét, chốt lại ý cơ bản.	*a. Phượng không được đọc thư của Hiền, vì đó không phải là thư gửi cho Phượng. Dù Hiền là bạn thân, nhưng nếu không được sự đồng ý của Hiền thì không được đọc.* *b. Giải pháp của Phượng là đọc xong thư dán lại rồi mới đưa cho Hiền là không chấp nhận được. Bởi vì làm như vậy là lừa dối bạn, là vi phạm quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.* *c) Nếu là Loan em nên:* *- Giải thích để Phượng hiểu không được đọc thư của bạn khi chưa được bạn đồng ý.* *- Nếu cố tình đọc là vi phạm quyền được đảm bảo an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.*

GV: Giới thiệu Điều 73 - Hiến pháp 1992 (Có thể viết sẵn trên giấy khổ to treo lên bảng). HS: Đọc nội dung điều 73.	** Điều 73 - Hiến pháp 1992.* *"... Thư tín, điện thoại, điện tín của công dân được bảo đảm an toàn và bí mật.* *... Việc bóc mở, kiểm soát, thu giữ thư tín, điện của công dân phải do người có thẩm quyền tiến hành theo quy định của pháp luật.*

Hoạt động 2

THẢO LUẬN NHÓM, TÌM HIỂU NỘI DUNG BÀI HỌC

**** Mục tiêu:*** Học sinh nắm vững được nội dung cơ bản của quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín. **** Cách tiến hành:*** GV: Yêu cầu HS đọc điều 125 Bộ luật Hình sự 1999 (SGK - trang 50). - GV: Yêu cầu HS tự đọc nội dung bài học SGK - tr.49. HS: Tự đọc. GV: Chia lớp làm 4 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận theo câu hỏi sau (mỗi nhóm một câu theo thứ tự). 1. Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân là thế nào? 2. Theo em những hành vi như thế nào là vi phạm pháp luật về bí mật thư tín và an toàn thư tín, điện thoại, điện tín?	**2. Nội dung bài học**

3. Người vi phạm pháp luật về an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín sẽ bị pháp luật xử lí như thế nào?

4. Nếu thấy bạn nghe trộm điện thoại của người khác em sẽ làm gì?

HS: Thảo luận, ghi kết quả thảo luận ra giấy.

- Đại diện các nhóm lên trình bày.
- HS: Trao đổi, nhận xét, bổ sung.

GV: Nhận xét phần trình bày của các nhóm và kết luận.

1. Câu 1 (nhóm 1): SGK - phần b (tr.50).

2. Câu 2 (nhóm 2): Hành vi vi phạm: có thể là:

- Đọc trộm thư của người khác.

- Thu giữ thư tín, điện tín của người khác.

- Nghe trộm điện thoại của người khác.

- Đọc thư của người khác rồi đi nói lại cho mọi người biết.

3. Câu 3: Tham khảo Bộ luật Hình sự, điều 125.

4. Câu 4:

- Nhắc nhở bạn không được hành động như vậy.

- Phân tích để bạn thấy đấy là hành vi vi phạm pháp luật.

- Nếu bạn vẫn không nghe có thể nhờ thầy giáo, cô giáo hoặc gia đình cùng phân tích để bạn hiểu ra.

GV: Yêu cầu HS đọc lại nội dung bài học SGK.

HS: Đọc nội dung bài học.

Hoạt động 3

LUYỆN TẬP BẰNG HỆ THỐNG BÀI TẬP

GV: Nêu yêu cầu của bài tập. *Bài tập 1* Em phải làm gì khi gặp những trường hợp sau: *a. Nhặt được thư của người khác.* *b. Bố mẹ em, hoặc anh chị xem thư của em mà không hỏi ý kiến em.* *c. Khi bố mẹ đi vắng, làm thế nào để khỏi thất lạc thư, điện báo.* *d. Nếu bố mẹ hoặc anh chị đọc nhật kí của em thì em sẽ làm gì?* GV: Yêu cầu HS ghi cách ứng xử của mình ra giấy nháp hoặc vào vở. - Tổ 1 - 2: thực hiện câu hỏi a, b. - Tổ 3 - 4: Thực hiện câu hỏi c, d. GV: Gọi HS trình bày ý kiến của mình. HS: Trao đổi ý kiến. GV: Nhận xét, bổ sung, cho điểm những trường hợp có cách ứng xử đúng đắn nhất.	**3. Bài tập**

4. Củng cố

Hoạt động 4

RÈN LUYỆN KĨ NĂNG, KHẮC SÂU KIẾN THỨC

GV: Nêu câu hỏi: 1) Thế nào là quyền được bảo đảm an toàn và bí mật, thư tín, điện thoại, điện tín của công dân? 2) Trả lời nhanh các tình huống sau bằng cách đánh dấu đúng (Đ) - sai (S) vào ☐ tương ứng :	(Nội dung phần bài học)

- Minh đọc trộm thư của Hà ☐
- Mai nghe điện thoại của Đông ☐
- Nhặt được thư của bạn trong lớp đem trả lại ☐ ☐
- Phê bình bạn An bóc thư của người khác. ☐

GV kết luận toàn bài.

Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín là một trong những quyền cơ bản của công dân và được quy định trong Hiến pháp của Nhà nước ta.

Tuổi trẻ chúng ta cần phải biết tôn trọng người khác. Không tự ý bóc thư, đọc thư của người khác, tôn trọng đời tư của cá nhân. Biết làm việc tốt, tránh xa những việc làm xấu. Biết tôn trọng cuộc sống riêng tư của bạn bè, người thân.

Xác định tính tự giác, có trách nhiệm với bản thân, gia đình và toàn xã hội, làm nhiều việc tốt cho bản thân. Động viên quan tâm đến HS trong lớp và bạn bè. Thực hiện tốt quy định của pháp luật.

5. Dặn dò

- Học thuộc phần Nội dung bài học.
- Chuẩn bị bài thực hành ngoại khóa các vấn đề của địa phương (tệ nạn xã hội).

Tư liệu tham khảo:

- Hiến pháp 1992.
- Bộ luật Hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1999.
- Bộ luật Tố tụng hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1988.

MỤC LỤC